

Số/No.: 20240426/FUEKIV30-CBTT-IR

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ho Chi Minh City, April 26, 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi/To: - Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/The State Securities Commission;
- Sở Giao dịch Chứng Khoán TP. HCM/Ho Chi Minh City Stock Exchange.

- Tên Công ty quản lý quỹ: Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam
Name of the fund management Company: KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd
 - Tên quỹ niêm yết/ Name of listed fund: **Quỹ ETF KIM Growth VN30/ KIM Growth VN30 ETF**
 - Mã chứng khoán/ Securities code: **FUEKIV30**
 - Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1807-1808, Tầng 18, Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Address: Unit 1807-1808, Floor 18, mPlaza Saigon Building, 39 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
 - Điện thoại/ Phone number: (028) 3824 2220 Fax: (028) 3824 2225
 - Email: etf@koreainvestment.com.vn Website: <https://koreainvestment.com.vn/>
- Nội dung thông tin công bố/Content of information disclosure:
Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản cho Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2023 của Quỹ ETF KIM Growth VN30.
Resolution and Vote counting minutes of Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2023 of KIM Growth VN30 ETF.
- Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty quản lý quỹ vào ngày 26/4/2024 tại đường dẫn: <https://koreainvestment.com.vn/vn/home/>.
This information was disclosed on Fund Management Company's portal on April 26, 2024, available at: <https://koreainvestment.com.vn/en/home/>.

Tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

I declare hereof all information provided in this paper is true and correct; I shall be legally responsible for any misrepresentation.

Tài liệu đính kèm/Attachments:

Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản cho Đại hội Nhà đầu tư thường niên năm tài chính 2023 của Quỹ ETF KIM Growth VN30.

Resolution and Vote counting minutes of Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2023 of KIM Growth VN30 ETF.

TP. HCM, ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ho Chi Minh City, April 26, 2024

Đại diện công bố thông tin


YUN HANG JIN
Chủ tịch Hội đồng thành viên/Chairman of the
Members' Council

QUỸ ETF KIM GROWTH VN30
KIM GROWTH VN30 ETF
Số/No.: 240426/NQ-ĐHNĐT/I

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2024
Ho Chi Minh City, April 26, 2024

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2023
QUỸ ETF KIM GROWTH VN30

RESOLUTION
ANNUAL GENERAL MEETING OF INVESTORS FOR FISCAL YEAR 2023
KIM GROWTH VN30 ETF

Căn cứ/Pursuant to:

- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành/*Law on Securities No. 54/2019/QH14 dated November 26, 2019 and guiding documents for implementation;*
- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành/*Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 dated June 17, 2020 and guiding documents for implementation;*
- Điều Lệ Quỹ của Quỹ ETF KIM Growth VN30 ("**Quỹ**")/*Fund Charter of KIM Growth VN30 ETF ("**Fund**");*
- Biên bản kiểm phiếu lấy ý kiến Nhà Đầu Tư được lập vào lúc **16** giờ **15** phút ngày 26/4/2024/*Minutes of the vote counting were made at ...~~4~~..~~15~~.. P.M. on April 26, 2024,*

QUYẾT NGHỊ/DECIDE:

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2023 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2024 đính kèm.
Approving the Report on the Fund's performance results in 2023 and investment strategies in 2024 attached.
2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Quỹ đính kèm.
Approving the Audited 2023 financial statements of the Fund attached.
3. Thông qua Báo cáo giám sát hoạt động quản lý quỹ hoán đổi danh mục năm 2023 của Ngân Hàng Giám Sát đính kèm.
Approving the Supervision report on ETF management activities in 2023 of the Supervisory Bank attached.
4. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 của Ban Đại Diện Quỹ đính kèm.
Approving the Report on the Fund Representative Board's performance results in 2023 attached.
5. Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2023.



Approving the plan of not distributing the Fund's profits in 2023.

6. Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn và quyết định tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính trong năm tài chính 2024 của Quỹ.

Approving the authorization for the Fund Representative Board to select and decide on the audit firm to audit the Fund's financial statements in fiscal year 2024.

7. Thông qua Điều Lệ Quỹ sửa đổi, bổ sung lần thứ hai về các nội dung/*Approving the second amended and supplemented Fund Charter on the following contents:*

7.1. Thông qua lược bỏ Điều 61.1.3 của Điều Lệ Quỹ/*Approving the deletion of Article 61.1.3 of the Fund Charter*

Nội dung trước điều chỉnh/Content before adjustment	Nội dung sau điều chỉnh/Content after adjustment
61.1.3. Trường hợp tăng Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ trên mức 0,55%NAV/năm phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua. <i>61.1.3. In case of increasing the Fund Management Service Price above 0.55%NAV/year, it must be approved by the General Meeting of Investors.</i>	[Lược bỏ] <i>[Delete]</i>

7.2. Thông qua lược bỏ Điều 61.1.4 của Điều Lệ Quỹ/*Approving the deletion of Article 61.1.4 of the Fund Charter*

Nội dung trước điều chỉnh/Content before adjustment	Nội dung sau điều chỉnh/Content after adjustment
61.1.4. Trường hợp điều chỉnh Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ (tăng, giảm) không quá mức 0,55%NAV/năm do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo mức giá dịch vụ mới với Ban Đại Diện Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát, đồng thời cập nhật trong Bản Cáo Bạch của Quỹ và công bố thông tin theo quy định của pháp luật. <i>61.1.4. In case of adjustment of Fund Management Service Price (increase or decrease) not exceeding 0.55%NAV/year is decided by the Fund Management Company. In this case, the Fund Management Company shall notify the new service price to the Fund Representative Board and the Supervisory Bank, at the same time update the Fund Prospectus and disclose information according to the provisions of law.</i>	[Lược bỏ] <i>[Delete]</i>

7.3. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều 70.1 của Điều Lệ Quỹ/*Approving amendments and supplements to Article 70.1 of the Fund Charter*

Nội dung trước điều chỉnh/ <i>Content before adjustment</i>	Nội dung sau điều chỉnh/ <i>Content after adjustment</i>
<p>Điều 70. Đăng ký Điều Lệ Quỹ và Điều khoản thi hành</p> <p><i>Article 70. Registration of Fund Charter and Implementation Terms</i></p> <p>70.1. Bản Điều Lệ lần đầu bao gồm 16 Chương, 70 Điều được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua ngày 06 tháng 11 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ.</p> <p><i>70.1. The first Charter includes 16 Chapters and 70 Articles approved by the General Meeting of Investors on November 6, 2021 and jointly approved the full validity of the Charter.</i></p> <p>Bản Điều Lệ này là Điều Lệ được sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất bao gồm 16 Chương, 70 Điều và 03 Phụ Lục được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường lần 1 năm 2024 của Quỹ ngày 20 tháng 02 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2024. Ban Đại Diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các bên liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều Lệ Quỹ này.</p> <p><i>This Charter is the first amended and supplemented Charter including 16 Chapters, 70 Articles and 03 Appendices approved by the General Meeting of Investors according to the Resolution of the 1st 2024 Extraordinary General Meeting of Investors of Fund on February 20, 2024 and takes effect from February 20, 2024. Fund Representative Board, Fund Management Company, Supervisory Bank and related parties are obliged to comply with this Fund Charter.</i></p> <p>[...].</p>	<p>Điều 70. Đăng ký Điều Lệ Quỹ và Điều khoản thi hành</p> <p><i>Article 70. Registration of Fund Charter and Implementation Terms</i></p> <p>70.1. Bản Điều Lệ lần đầu bao gồm 16 Chương, 70 Điều được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua ngày 06 tháng 11 năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ.</p> <p><i>70.1. The first Charter includes 16 Chapters and 70 Articles approved by the General Meeting of Investors on November 6, 2021 and jointly approved the full validity of the Charter.</i></p> <p>Bản Điều Lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất bao gồm 16 Chương, 70 Điều và 03 Phụ Lục được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường lần 1 năm 2024 của Quỹ ngày 20 tháng 02 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2024.</p> <p><i>The first amended and supplemented Charter includes 16 Chapters, 70 Articles and 03 Appendices approved by the General Meeting of Investors according to the Resolution of the 1st 2024 Extraordinary General Meeting of Investors on February 20, 2024 and takes effect from February 20, 2024.</i></p> <p>Bản Điều Lệ này là Điều Lệ được sửa đổi, bổ sung lần thứ hai bao gồm 16 Chương, 70 Điều và 03 Phụ Lục được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2023 của Quỹ ngày 26 tháng 4 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2024. Ban Đại Diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các bên liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều Lệ Quỹ này.</p> <p><i>This Charter is the second amended and supplemented Charter including 16 Chapters, 70 Articles and 03 Appendices approved by the</i></p>

	<p><i>General Meeting of Investors according to the Resolution of the Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2023 of the Fund on April 26, 2024 and takes effect from April 26, 2024. Fund Representative Board, Fund Management Company, Supervisory Bank and related parties are obliged to comply with this Fund Charter.</i></p> <p>[...].</p>
--	---

8. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký. Ban Đại Diện Quỹ, Công ty TNHH quản lý quỹ KIM VIỆT NAM và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

This Resolution takes effect from the date of signing. The Fund Representative Board, KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd and related individuals, organizations are responsible for implementing this Resolution.

Thay mặt và đại diện/For and on behalf of

**CÔNG TY TNHH
QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD**



Yun Hang Jin

Chủ tịch Hội đồng thành viên
Chairman of the Members' Council

Thay mặt/On behalf of

**ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ
GENERAL MEETING OF INVESTORS**

Vũ Trần Vĩnh Thụy

Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ
Chairman of the Fund Representative Board

**BIÊN BẢN KIỂM PHIẾU LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ
ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ THƯỜNG NIÊN NĂM TÀI CHÍNH 2023 CỦA
QUỸ ETF KIM GROWTH VN30**

***VOTE COUNTING MINUTES
ANNUAL GENERAL MEETING OF INVESTORS FOR FISCAL YEAR 2023
KIM GROWTH VN30 ETF***

I. THÔNG TIN QUỸ/FUND INFORMATION

Tên Quỹ/ <i>Fund name</i>	: QUỸ ETF KIM GROWTH VN30 (“Quỹ”), được quản lý bởi Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam/ <i>KIM GROWTH VN30 ETF (“Fund”), managed by KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd</i>
Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ/ <i>Certificate of fund establishment registration</i>	: Số 52/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/12/2021/ <i>No. 52/GCN-UBCK issued by the State Securities Commission on December 7, 2021</i>
Địa chỉ/ <i>Address</i>	: Phòng 1807-1808, Tầng 18, Tòa nhà mPlaza Saigon, Số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/ <i>Unit 1807-1808, 18th Floor, mPlaza Saigon Building, No. 39 Le Duan Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam</i>
Điện thoại/ <i>Tel</i>	: (028) 3824 2220
Ngày chốt danh sách Nhà Đầu Tư thực hiện quyền biểu quyết/ <i>Closing date for the List of Investors exercising voting rights</i>	: Ngày 20/3/2024/ <i>March 20, 2024</i>
Tỷ lệ phân bổ quyền/ <i>Rights allocation ratio</i>	: 01 chứng chỉ quỹ - 01 quyền biểu quyết/ <i>01 fund certificate - 01 voting right</i>

II. MỤC ĐÍCH VÀ NỘI DUNG LẤY Ý KIẾN NHÀ ĐẦU TƯ/PURPOSE AND CONTENTS OF COLLECTING INVESTORS' OPINIONS

Thông qua các nội dung lấy ý kiến Nhà Đầu Tư được nêu tại Mục IV Phiếu Lấy Ý Kiến.
Approving the contents requiring Investors' opinions as stated in Section IV of the Opinion Form.

III. THÀNH PHẦN BAN KIỂM PHIẾU VÀ THỜI GIAN, ĐỊA ĐIỂM KIỂM PHIẾU/COMPOSITION OF THE VOTE COUNTING COMMITTEE AND THE TIME AND PLACE OF VOTE COUNTING

I. Thành phần Ban Kiểm Phiếu/*Composition of the Vote Counting Committee*

- Bà Nguyễn Trần Thùy Trang – Thành viên Ban Kiểm Phiếu.
Ms. Nguyen Tran Thuy Trang – Member of the Vote Counting Committee.
- Ông Trần Phước Duy – Thành viên Ban Kiểm Phiếu.



Mr. Tran Phuoc Duy – Member of the Vote Counting Committee.

2. Thời gian, địa điểm thực hiện kiểm phiếu/*Time and place of vote counting*

- Thời gian lấy ý kiến/*Investors' opinions collecting time*: Từ ngày 01/4/2024 đến 17:00 ngày 22/4/2024/*From April 1, 2024 to 5pm April 22, 2024.*
- Thời gian tổng hợp kết quả kiểm phiếu/*Voting results' synthesizing time*: Từ ngày 23/4/2024 đến ngày 26/4/2024/*From April 23, 2024 to April 26, 2024.*
- Địa điểm thực hiện kiểm phiếu/*Place of vote counting*: Phòng 1807-1808, Tầng 18, Tòa nhà mPlaza Saigon, Số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam/*Unit 1807-1808, 18th Floor, mPlaza Saigon Building, No. 39 Le Duan Street, Ben Nghe Ward, District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam.*

IV. KẾT QUẢ KIỂM PHIẾU/VOTING RESULTS

1. Ban Kiểm Phiếu đã tiến hành kiểm Phiếu Lấy Ý Kiến Nhà Đầu Tư, kết quả như sau/*The Vote Counting Committee conducted the vote counting, the results are as follows:*

- Tổng số Nhà Đầu Tư tham gia lấy ý kiến và số chứng chỉ quỹ biểu quyết được tính trên số lượng Nhà Đầu Tư và số chứng chỉ quỹ tính tại ngày 20/3/2024/*The total number of Investors participating in the consultation and the number of voting fund certificates are calculated on the number of Investors and the number of fund certificates as of March 20, 2024:*
 - Số lượng Nhà Đầu Tư/*Number of Investors*: 441.
 - Số lượng chứng chỉ quỹ/*Number of fund certificates*: 77.200.000.
- Kết quả kiểm phiếu/*Voting results*:
 - Tổng số Phiếu Lấy Ý Kiến phát ra/*Total number of Opinion Forms issued*: 441 phiếu/*votes*, tương ứng với/*corresponding to* 77.200.000 chứng chỉ quỹ/*fund certificates*.
 - Tổng số Phiếu Lấy Ý Kiến thu về/*Total number of Opinion Forms collected*: 10 phiếu/*votes*, tương ứng với/*corresponding to* 39.104.410 chứng chỉ quỹ/*fund certificates*.
 - Tổng số Phiếu Lấy Ý Kiến hợp lệ/*Total number of valid Opinion Forms*: 10 phiếu/*votes*, tương ứng với/*corresponding to* 39.104.410 chứng chỉ quỹ/*fund certificates*.
 - Tổng số Phiếu Lấy Ý Kiến không hợp lệ/*Total number of invalid Opinion Forms*: 0 phiếu/*votes*, tương ứng với/*corresponding to* 0 chứng chỉ quỹ/*fund certificates*.

2. Kết quả kiểm phiếu từng nội dung/*Results of counting votes for each content:*

STT No.	Nội dung lấy ý kiến/ <i>Contents requiring opinions</i>	Số lượng chứng chỉ quỹ (CCQ) và tỷ lệ biểu quyết <i>Number of fund certificates (FC) and voting rate</i>					
		Tán thành/ <i>Agree</i>		Không tán thành/ <i>Disagree</i>		Không có ý kiến/ <i>No opinion</i>	
		Số lượng CCQ	Tỷ lệ Rate (%)	Số lượng CCQ	Tỷ lệ Rate (%)	Số lượng CCQ	Tỷ lệ Rate (%)

		<i>Number of FC</i>		<i>Number of FC</i>		<i>Number of FC</i>	
1.	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2023 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2024 <i>Approving the Report on the Fund's performance results in 2023 and investment strategies in 2024</i>	39.101.000	50,65%	0	0%	3.410	0%
2.	Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Quỹ <i>Approving the Audited 2023 financial statements of the Fund</i>	39.101.000	50,65%	0	0%	3.410	0%
3.	Thông qua Báo cáo giám sát hoạt động quản lý quỹ hoán đổi danh mục năm 2023 của Ngân Hàng Giám Sát <i>Approving the Supervision report on ETF management activities in 2023 of the Supervisory Bank</i>	39.101.000	50,65%	0	0%	3.410	0%
4.	Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 của Ban Đại Diện Quỹ <i>Approving the Report on the Fund Representative Board's performance results in 2023</i>	39.101.010	50,65%	0	0%	3.400	0%
5.	Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2023 <i>Approving the plan of not distributing the Fund's profits in 2023</i>	39.101.010	50,65%	0	0%	3.400	0%
6.	Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn và quyết định tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính trong năm tài chính 2024 của Quỹ <i>Approving the authorization for the Fund Representative Board to select and decide on the audit firm to audit the Fund's financial statements in fiscal year 2024</i>	39.101.000	50,65%	0	0%	3.410	0%

C
ÔNG
TINH
ÀN L
M VIỆ
T P

7.	Thông qua Điều Lệ Quỹ sửa đổi, bổ sung lần thứ hai về các nội dung/ <i>Approving the second amended and supplemented Fund Charter on the following contents:</i>						
7.1.	Thông qua lược bỏ Điều 61.1.3 của Điều Lệ Quỹ <i>Approving the deletion of Article 61.1.3 of the Fund Charter</i>	39.104.400	50,65%	0	0%	10	0%
7.2.	Thông qua lược bỏ Điều 61.1.4 của Điều Lệ Quỹ <i>Approving the deletion of Article 61.1.4 of the Fund Charter</i>	39.104.400	50,65%	0	0%	10	0%
7.3	Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều 70.1 của Điều Lệ Quỹ <i>Approving amendments and supplements to Article 70.1 of the Fund Charter</i>	39.101.000	50,65%	0	0%	3.410	0%

V. CÁC NỘI DUNG ĐƯỢC THÔNG QUA/APPROVED CONTENTS

Căn cứ kết quả lấy ý kiến Nhà Đầu Tư tại Mục IV nêu trên, các vấn đề sau đây đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2023 của Quỹ thông qua/*Based on the results of the Investor's opinion in Section IV above, the following issues have been approved by the Fund's Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2023:*

1. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động của Quỹ năm 2023 và chiến lược đầu tư của Quỹ năm 2024;
Approving the Report on the Fund's performance results in 2023 and investment strategies in 2024;
2. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2023 đã được kiểm toán của Quỹ;
Approving the Audited 2023 financial statements of the Fund;
3. Thông qua Báo cáo giám sát hoạt động quản lý quỹ hoán đổi danh mục năm 2023 của Ngân Hàng Giám Sát;
Approving the Supervision report on ETF management activities in 2023 of the Supervisory Bank;
4. Thông qua Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023 của Ban Đại Diện Quỹ;
Approving the Report on the Fund Representative Board's performance results in 2023;
5. Thông qua phương án không phân phối lợi nhuận của Quỹ năm 2023;
Approving the plan of not distributing the Fund's profits in 2023;
6. Thông qua việc ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ lựa chọn và quyết định tổ chức kiểm toán thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính trong năm tài chính 2024 của Quỹ;
Approving the authorization for the Fund Representative Board to select and decide on the audit firm to audit the Fund's financial statements in fiscal year 2024;

7. Thông qua Điều Lệ Quỹ sửa đổi, bổ sung lần thứ hai về các nội dung/*Approving the second amended and supplemented Fund Charter on the following contents:*
- 7.1. Thông qua lược bỏ Điều 61.1.3 của Điều Lệ Quỹ/*Approving the deletion of Article 61.1.3 of the Fund Charter;*
 - 7.2. Thông qua lược bỏ Điều 61.1.4 của Điều Lệ Quỹ/*Approving the deletion of Article 61.1.4 of the Fund Charter;*
 - 7.3. Thông qua sửa đổi, bổ sung Điều 70.1 của Điều Lệ Quỹ/*Approving amendments and supplements to Article 70.1 of the Fund Charter.*

Biên bản này được lập vào lúc 16 giờ 15 phút ngày 26/4/2024 tại trụ sở chính của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam/*This Minutes is made at ...: 15PM on April 26, 2024 at the head office of KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.*

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CÔNG TY TNHH
QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
LEGAL REPRESENTATIVE
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT
CO., LTD**



[Signature]
YUN HANG JIN

**THÀNH VIÊN
BAN KIỂM PHIẾU
MEMBER OF THE VOTE
COUNTING COMMITTEE**

[Signature]

NGUYỄN TRẦN THÙY TRANG

**THÀNH VIÊN
BAN KIỂM PHIẾU
MEMBER OF THE VOTE
COUNTING COMMITTEE**

[Signature]

TRẦN PHƯỚC DUY

**XÁC NHẬN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT
CONFIRMATION OF THE SUPERVISOR BANK**

[Signature]

Lương Thái Hà



QUỸ ETF KIM GROWTH VN30
KIM GROWTH VN30 ETF
Số/No.: 240329/BC-KQHĐ/1

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024
Ho Chi Minh City, March 29, 2024

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2023 VÀ CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ NĂM 2024
QUỸ ETF KIM GROWTH VN30

REPORT ON
PERFORMANCE RESULTS IN 2023 AND INVESTMENT STRATEGIES IN 2024
KIM GROWTH VN30 ETF

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ NĂM 2023/PERFORMANCE RESULTS IN 2023

Quỹ ETF KIM Growth VN30 (“**Quỹ**”), do Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam quản lý, có Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ đại chúng số 52/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 07/12/2021.

*KIM Growth VN30 ETF (“**Fund**”), managed by KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd, Certificate of fund establishment registration No. 52/GCN-UBCK issued by the State Securities Commission on December 7, 2021.*

Trong năm 2023, Quỹ đã theo đuổi chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỷ lệ lợi nhuận của chỉ số tham chiếu VN30 (là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh xây dựng) và không chủ động tìm kiếm tăng trưởng cao hơn chỉ số tham chiếu, cũng như không sử dụng các biện pháp phòng thủ khi thị trường chứng khoán biến động bất lợi.

In 2023, the Fund has pursued a passive investment strategy with the goal of sticking to the return rate of the reference index VN30 (which is a price index developed by the Ho Chi Minh City Stock Exchange) and not actively seeking growth higher than the reference index as well as not using defensive measures when the stock market fluctuates adversely.

Tại ngày 29/12/2023, mức độ sai lệch so với chỉ số tham chiếu (Tracking Error) của Quỹ là **0,43%**, thấp hơn so với quy định của Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

*On December 29, 2023, the Fund’s Tracking Error compared to the reference index was **0.43%**, lower than the regulations set by the Ho Chi Minh City Stock Exchange.*

Danh mục đầu tư của Quỹ đã bám sát khá tốt chỉ số tham chiếu, tính từ ngày kết thúc IPO đến ngày 29/12/2023, chỉ số tham chiếu VN30 giảm 26,1%, trong khi giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ giảm 25,4%.

The Fund’s portfolio has closely followed the reference index quite well, from the IPO end date to December 29, 2023, the reference index VN30 decreased by 26,1%, while the net asset value per fund certificate decreased by 25.4%.

	NAV/CCQ	Tăng trưởng/ <i>Growth</i>	
		2023	Từ ngày kết thúc đăng ký góp vốn

	<i>NAV/Fund certificate</i>		<i>Since the end date of the capital contribution registration</i>
QUỸ ETF KIM GROWTH VN30 <i>KIM GROWTH VN30 ETF</i>	7.456,06	13,6%	-25,4%
Chỉ số tham chiếu <i>Reference index</i>	1.131,46	12,6%	-26,1%

Tại ngày 29/12/2023, số chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 77,2 triệu đơn vị với quy mô tổng giá trị tài sản ròng tại ngày 29/12/2023 đạt 575,61 tỷ đồng.

On December 29, 2023, the number of outstanding fund certificates was 77.2 million units, with a total net asset value as of December 29, 2023, reaching 575.61 billion Vietnamese dong.

Tại ngày 29/12/2023, tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài là 88,9%.

At December 29, 2023, foreign investors' holdings were 88.9%.

Về phân phối lợi nhuận, Quỹ đề xuất không thực hiện phân phối lợi nhuận trong năm 2023 để tái đầu tư.
Regarding profit distribution, the Fund proposes not to make profit distributions in 2023 for reinvestment.

II. CHIẾN LƯỢC ĐẦU TƯ CỦA QUỸ NĂM 2024/INVESTMENT STRATEGIES IN 2024

Mục tiêu đầu tư của Quỹ trong năm 2024 là hướng tới đạt hiệu quả đầu tư bám sát mức sinh lời thực tế của chỉ số VN30 trong tất cả các giai đoạn. Để đạt mục tiêu này, Quỹ áp dụng phương pháp đầu tư mô phỏng rổ cổ phiếu VN30 để giảm thiểu mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu.

The investment goal of the Fund in 2024 is to achieve investment efficiency closely following the actual profitability of VN30 index in all periods. To achieve this goal, the Fund applies an investment method that simulates the VN30 stock basket to minimize deviations from the reference index.

Thay mặt và đại diện/For and on behalf of
CÔNG TY TNHH
QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
KIM VIETNAM FUND MANAGEMENT CO., LTD



Yun Hang Jin

Chủ tịch Hội đồng thành viên
Chairman of the Members' Council

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2024
Ho Chi Minh City, March 29, 2024

Kính gửi: - Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2023 của Quỹ ETF
Respectfully to: *KIM Growth VN30/Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2023 of the KIM Growth VN30 ETF;*
- Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam/*KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.*

1. Giới thiệu Ban Đại Diện Quỹ/*Introduction about the Fund Representative Board*

Chủ tịch/*Chairman* : Vũ Trần Vĩnh Thụy
Thành viên độc lập/*Independent Member* : Ngô Thị Minh Nghĩa
Thành viên/*Member* : Nguyễn Thị Thanh Lam

2. Báo cáo kết quả hoạt động năm 2023/*Report on activity results in 2023*

Theo quy định của Điều Lệ Quỹ và pháp luật có liên quan, để thực hiện trách nhiệm và quyền hạn của mình, trong năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023), Ban Đại Diện Quỹ ETF KIM Growth VN30 đã tổ chức 04 cuộc họp định kỳ hằng quý và 10 cuộc họp bất thường theo đề xuất của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam, cụ thể như sau:

According to the provisions of the Fund Charter and relevant laws, to carry out its responsibilities and powers, in 2023 (from January 1, 2023 to December 31, 2023), the Fund Representative Board of KIM Growth VN30 ETF has organized 04 regular quarterly meetings and 10 extraordinary meetings as proposed by KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd, specifically as follows:

- (i) Các nội dung được thông qua tại các cuộc họp định kỳ hằng quý/*Contents approved at regular quarterly meetings:*
- Cuộc họp định kỳ Quý IV/2022 ngày 10/01/2023/*Regular meeting of the fourth quarter of 2022 on January 10, 2023:*
 - Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý IV/2022/*Approving the Report summarizing the Fund's activities in the fourth quarter of 2022.*
 - Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý IV/2022/*Approving the Report summarizing the remuneration and operating expenses of the Fund Representative Board in in the fourth quarter of 2022.*
 - Cuộc họp định kỳ Quý I/2023 ngày 13/4/2023/*Regular meeting of the first quarter of 2023 on April 13, 2023:*
 - Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý I/2023/*Approving the Report summarizing the Fund's activities in the first quarter of 2023.*
 - Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý I/2023/*Approving the Report summarizing the remuneration and operating expenses of the Fund Representative Board in the first quarter of 2023.*

- Phê duyệt Danh sách các tổ chức tín dụng mà Công ty Quản lý Quỹ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại Điều Lệ Quỹ/*Approving the list of credit institutions to which the Fund Management Company may deposit money and invest in money market instruments specified in the Fund Charter.*
- Cuộc họp định kỳ Quý II/2023 ngày 18/7/2023/*Regular meeting of the second quarter of 2023 on July 18, 2023:*
 - Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý II/2023/*Approving the Report summarizing the Fund's activities in the second quarter of 2023.*
 - Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý II/2023/*Approving the Report summarizing the remuneration and operating expenses of the Fund Representative Board in the second quarter of 2023.*
- Cuộc họp định kỳ Quý III/2023 ngày 17/10/2023/*Regular meeting of the third quarter of 2023 on October 17, 2023:*
 - Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý III/2023/*Approving the Report summarizing the Fund's activities in the third quarter of 2023.*
 - Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý III/2023/*Approving the Report summarizing the remuneration and operating expenses of the Fund Representative Board in the third quarter of 2023.*

(ii) Các nội dung được thông qua tại các cuộc họp bất thường/*Contents approved at extraordinary meetings:*

Cuộc họp/Meeting	Nội dung/Content
Cuộc họp bất thường ngày 01/3/2023 <i>Extraordinary meeting on March 1, 2023</i>	- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2022 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 dưới hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản là ngày 31/3/2023. <i>Approving the last registration date to exercise the right to attend Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2022 of KIM GROWTH VN30 ETF in the form of collecting Investors' opinions in writing is March 31, 2023.</i>
Cuộc họp bất thường ngày 03/4/2023 <i>Extraordinary meeting on April 3, 2023</i>	- Thông qua tài liệu Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2022 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30. <i>Approving the meeting documents of the Annual General Meeting of Investors for fiscal year 2022 of KIM GROWTH VN30 ETF.</i>
Cuộc họp bất thường ngày 11/7/2023 <i>Extraordinary meeting on July 11, 2023</i>	- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY) làm đơn vị thực hiện soát xét, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30. Nội dung cụ thể của hợp đồng dịch vụ kiểm toán với EY (bao gồm phí dịch vụ kiểm toán) giao cho người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam đàm phán và quyết định. <i>Approving the selection of Ernst & Young Vietnam Limited (EY) as the unit to review and audit the 2023 financial statements of KIM GROWTH VN30 ETF. The specific content of the audit service contract with EY (including audit service fee) is assigned to the Legal Representative of KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd to negotiate and decide.</i>

<p>Cuộc họp bất thường ngày 11/10/2023</p> <p><i>Extraordinary meeting on October 11, 2023</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2023 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là ngày 31/10/2023. <p><i>Approving the last registration date to exercise the right to attend the 1st 2023 Extraordinary General Meeting of Investors of KIM GROWTH VN30 ETF by voting at the meeting is October 31, 2023.</i></p>
<p>Cuộc họp bất thường ngày 01/11/2023</p> <p><i>Extraordinary meeting on November 1, 2023</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua tài liệu họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2023 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30. <p><i>Approving the meeting documents of the 1st 2023 Extraordinary General Meeting of Investors of KIM GROWTH VN30 ETF.</i></p>
<p>Cuộc họp bất thường ngày 24/11/2023</p> <p><i>Extraordinary meeting on November 24, 2023</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc tạm hoãn cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2023 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 (“Quỹ”) dự kiến tổ chức vào ngày 29/11/2023. <p><i>Approving the postponement of the 1st 2023 Extraordinary General Meeting of Investors of KIM GROWTH VN30 ETF (“Fund”) scheduled to be held on November 29, 2023.</i></p> <p>Lý do tạm hoãn: điều chỉnh tài liệu họp liên quan đến việc lấy ý kiến biểu quyết về thay đổi mức giá dịch vụ Quỹ phải trả cho Ngân Hàng Giám Sát để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật chứng khoán.</p> <p><i>Reason for postponement: adjusting meeting documents related to collecting voting opinions of changing service prices the Fund must pay to the Supervisory Bank to ensure compliance with securities laws.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc hủy Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt tại ngày 31/10/2023 để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2023 của Quỹ. <p><i>Approving the cancellation of the General List of securities owners closing at October 31, 2023 to exercise the right to attend the 1st 2023 Extraordinary General Meeting of Investors of the Fund.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc giao cho người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam quyết định và thông báo lại thời gian, địa điểm tổ chức cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2023 của Quỹ và ngày đăng ký cuối cùng mới để chốt danh sách nhà đầu tư tham dự họp. <p><i>Approving to assign the Legal Representative of KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd to decide and re-announce the time and location of the 1st 2023 Extraordinary General Meeting of Investors of the Fund and the new last registration date to close the list of Investors attending the meeting.</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc giao cho người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam thực hiện các thủ tục tạm hoãn thời gian tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2023 của Quỹ phù hợp với quy định pháp luật. <p><i>Approving to assign the Legal Representative of KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd to carry out procedures to postpone the</i></p>

	<p><i>organization of the 1st 2023 Extraordinary General Meeting of Investors of the Fund in accordance with the laws.</i></p>
<p>Cuộc họp bất thường ngày 12/12/2023 <i>Extraordinary meeting on December 12, 2023</i></p>	<p>- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là ngày 25/12/2023.</p> <p><i>Approving the last registration date to exercise the right to attend the 1st 2024 Extraordinary General Meeting of Investors of KIM GROWTH VN30 ETF by voting at the meeting is December 25, 2023.</i></p>
<p>Cuộc họp bất thường ngày 13/12/2023 <i>Extraordinary meeting on December 13, 2023</i></p>	<p>- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là ngày 02/01/2024.</p> <p><i>Approving the last registration date to exercise the right to attend the 1st 2024 Extraordinary General Meeting of Investors of KIM GROWTH VN30 ETF by voting at the meeting is January 2, 2024.</i></p> <p>*Nghị quyết Ban Đại Diện Quỹ ngày 13/12/2023 này thay thế cho Nghị quyết Ban Đại Diện Quỹ ngày 12/12/2023.</p> <p><i>*This Resolution of the Fund Representative Board on December 13, 2023 replaces the Resolution of the Fund Representative Board on December 12, 2023.</i></p>
<p>Cuộc họp bất thường ngày 21/12/2023 <i>Extraordinary meeting on December 21, 2023</i></p>	<p>- Thông qua việc đính chính ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là ngày 04/01/2024.</p> <p><i>Approving the correction of the last registration date to exercise the right to attend the 1st 2024 Extraordinary General Meeting of Investors of KIM GROWTH VN30 ETF by voting at the meeting is January 4, 2024.</i></p>
<p>Cuộc họp bất thường ngày 26/12/2023 <i>Extraordinary meeting on December 26, 2023</i></p>	<p>- Thông qua việc hủy ngày đăng ký cuối cùng (ngày 04/01/2024) để chốt danh sách nhà đầu tư của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 cho việc tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2024 đã công bố ngày 13/12/2023 và đính chính ngày 21/12/2023.</p> <p><i>Approving the cancellation of the last registration date (January 4, 2024) to close the investor list of KIM GROWTH VN30 ETF for the organization of the 1st 2024 Extraordinary General Meeting of Investors, which has disclosed on December 13, 2023 and corrected on December 21, 2023.</i></p> <p>Lý do hủy: do có sự thay đổi về kế hoạch tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2024 của Quỹ theo đề xuất của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam.</p> <p><i>Reason for cancellation: due to a change in the plan to organize the 1st 2024 Extraordinary General Meeting of Investors of the Fund as proposed by KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd.</i></p> <p>- Thông qua việc giao cho người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam thực hiện công bố thông tin hủy</p>

	<p>ngày đăng ký cuối cùng (ngày 04/01/2024) đã công bố ngày 13/12/2023 và đính chính ngày 21/12/2023 phù hợp với quy định pháp luật.</p> <p><i>Approving to assign the Legal Representative of KIM Vietnam Fund Management Co., Ltd to proceed with information disclosure on the cancellation of the last registration date (January 4, 2024), which has disclosed on December 13, 2023 and corrected on December 21, 2023 in accordance with the laws.</i></p>
	<p>- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là ngày 15/01/2024.</p> <p><i>Approving the last registration date to exercise the right to attend the 1st 2024 Extraordinary General Meeting of Investors of KIM GROWTH VN30 ETF by voting at the meeting is January 15, 2024.</i></p>

Thay mặt và đại diện/For and on behalf of
BAN ĐẠI DIỆN QUỸ
FUND REPRESENTATIVE BOARD



Vũ Trần Vinh Thụy
 Chủ Tịch Ban Đại Diện Quỹ
Chairman of the Fund Representative Board

Hà Nội, ngày 29 tháng 03 năm 2024

**BÁO CÁO GIÁM SÁT HOẠT ĐỘNG QUẢN LÝ QUỸ HOÁN ĐỔI DANH MỤC
QUỸ ETF KIM GROWTH VN30 NĂM 2023**

**Kính gửi: - Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2023 của Quỹ ETF
KIM GROWTH VN30**

- Ban Đại Diện Quỹ ETF KIM GROWTH VN30**
- Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam**

Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam xin báo cáo đến Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2023 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 (“Quỹ”) về việc cung cấp dịch vụ lưu ký và giám sát đối với Quỹ như sau:

1. Tóm tắt các thông tin chung về Quỹ

Tên quỹ : Quỹ ETF KIM GROWTH VN30
Tên viết tắt : KIM VN30 ETF
Giấy chứng nhận đăng ký : 52/GCN-UBCK cấp ngày 07/12/2021
lập quỹ số
Trụ sở chính : Phòng 1807-1808, Tầng 18 Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Dựa theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Quỹ cho năm tài chính 2023, tình hình biến động vốn của Quỹ trong giai đoạn trên như sau:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>	<i>Phát sinh trong kỳ VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>
Vốn góp phát hành			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	66.500.000	44.700.000	111.200.000
Giá trị ghi theo mệnh giá	665.000.000.000	447.000.000.000	1.112.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành	(130.010.269.075)	(101.990.018.108)	(232.000.287.183)
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ Quỹ ETF	534.989.730.925	345.009.981.892	879.999.712.817
Vốn góp mua lại			
Số lượng (<i>chứng chỉ quỹ</i>)	(5.000.000)	(29.000.000)	(34.000.000)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(50.000.000.000)	(290.000.000.000)	(340.000.000.000)
Thặng dư vốn góp hoán đổi lại	15.120.901.180	85.247.790.235	100.368.691.415
Tổng giá trị hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ ETF	(34.879.098.820)	(204.752.209.765)	(239.631.308.585)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	61.500.000	15.700.000	77.200.000
Giá trị vốn góp hiện hành	500.110.632.105	140.257.772.127	640.368.404.232
Lợi nhuận chưa phân phối	(96.341.031.968)	31.593.103.741	(64.747.928.227)
Giá trị tài sản ròng hiện hành	403.769.600.137		575.620.476.005
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	6.565,35		7.456,22

(Về chi tiết các thông tin tài chính của Quỹ xin vui lòng tham khảo trong Báo cáo tài chính đã được kiểm toán)

2. Báo cáo về việc giám sát hoạt động quản lý Quỹ của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam (“Công ty Quản lý Quỹ”) đối với Quỹ ETF KIM GROWTH VN30

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Công ty Quản lý quỹ đã thực hiện việc lập báo cáo định kỳ theo đúng quy định, cung cấp đầy đủ các chứng từ liên quan đến các giao dịch tài sản mà Quỹ đã thực hiện cho Ngân hàng giám sát (“NHGS”).

Trong quá trình thực hiện các quyền và nghĩa vụ của NHGS đối với Quỹ ETF KIM GROWTH VN30, Ngân hàng giám sát ghi nhận một số nội dung sau:

2.1. Cuộc họp của Ban Đại Diện Quỹ theo thông báo của Công ty Quản lý Quỹ

Trong năm 2023 (từ ngày 01/01/2023 đến ngày 31/12/2023), Ban Đại Diện Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 đã tổ chức các cuộc họp và đã thông qua các nội dung như sau:

- (i) Các nội dung được thông qua tại các cuộc họp định kỳ hằng quý:
 - Cuộc họp định kỳ Quý IV/2022 ngày 10/01/2023:
 - + Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý IV/2022.

- + Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý IV/2022.
- Cuộc họp định kỳ Quý I/2023 ngày 13/4/2023:
 - + Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý I/2023.
 - + Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý I/2023.
 - + Phê duyệt Danh sách các tổ chức tín dụng mà Công ty Quản lý Quỹ được gửi tiền và đầu tư công cụ thị trường tiền tệ quy định tại Điều Lệ Quỹ.
- Cuộc họp định kỳ Quý II/2023 ngày 18/7/2023:
 - + Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý II/2023.
 - + Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý II/2023.
- Cuộc họp định kỳ Quý III/2023 ngày 17/10/2023:
 - + Thông qua Báo cáo tổng kết tình hình hoạt động của Quỹ trong Quý III/2023.
 - + Thông qua Báo cáo tổng kết mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong Quý III/2023.

(ii) Các nội dung được thông qua tại các cuộc họp bất thường:

Cuộc họp	Nội dung
Cuộc họp bất thường ngày 01/3/2023	- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2022 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 dưới hình thức lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản là ngày 31/3/2023.
Cuộc họp bất thường ngày 03/4/2023	- Thông qua tài liệu Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2022 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30.
Cuộc họp bất thường ngày 11/7/2023	- Thông qua việc lựa chọn Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam (EY) làm đơn vị thực hiện soát xét, kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30. Nội dung cụ thể của hợp đồng dịch vụ kiểm toán với EY (bao gồm phí dịch vụ kiểm toán) giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM

	Việt Nam đàm phán và quyết định.
Cuộc họp bất thường ngày 11/10/2023	- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2023 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là ngày 31/10/2023.
Cuộc họp bất thường ngày 01/11/2023	- Thông qua tài liệu họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2023 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30.
Cuộc họp bất thường ngày 24/11/2023	<ul style="list-style-type: none"> - Thông qua việc tạm hoãn cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2023 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 dự kiến tổ chức vào ngày 29/11/2023. Lý do tạm hoãn: điều chỉnh tài liệu họp liên quan đến việc lấy ý kiến biểu quyết về thay đổi mức giá dịch vụ Quỹ phải trả cho Ngân Hàng Giám Sát để đảm bảo phù hợp với quy định pháp luật chứng khoán. - Thông qua việc hủy Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán chốt tại ngày 31/10/2023 để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2023 của Quỹ. - Thông qua việc giao cho người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam quyết định và thông báo lại thời gian, địa điểm tổ chức cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2023 của Quỹ và ngày đăng ký cuối cùng mới để chốt danh sách nhà đầu tư tham dự họp. - Thông qua việc giao cho người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam thực hiện các thủ tục tạm hoãn thời gian tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2023 của Quỹ phù hợp với quy định pháp luật.
Cuộc họp bất	- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền

<p>thường ngày 12/12/2023</p>	<p>tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là ngày 25/12/2023.</p>
<p>Cuộc họp bất thường ngày 13/12/2023</p>	<p>- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là ngày 02/01/2024. *Nghị quyết Ban Đại Diện Quỹ ngày 13/12/2023 thay thế cho Nghị quyết Ban Đại Diện Quỹ ngày 12/12/2023.</p>
<p>Cuộc họp bất thường ngày 21/12/2023</p>	<p>- Thông qua việc đính chính ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là ngày 04/01/2024.</p>
<p>Cuộc họp bất thường ngày 26/12/2023</p>	<p>- Thông qua việc hủy ngày đăng ký cuối cùng (ngày 04/01/2024) để chốt danh sách nhà đầu tư của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 cho việc tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2024 đã công bố ngày 13/12/2023 và đính chính ngày 21/12/2023. Lý do hủy: do có sự thay đổi về kế hoạch tổ chức Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2024 của Quỹ theo đề xuất của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam.</p> <p>- Thông qua việc giao cho Người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam thực hiện công bố thông tin hủy ngày đăng ký cuối cùng (ngày 04/01/2024) đã công bố ngày 13/12/2023 và đính chính ngày 21/12/2023 phù hợp với quy định pháp luật.</p> <p>- Thông qua ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư Bất Thường Lần 1 Năm 2024 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp là ngày 15/01/2024.</p>

11
06
04
14

2.2. Hoạt động đầu tư và giao dịch tài sản của Quỹ

Xin vui lòng xem chi tiết hoạt động đầu tư và giao dịch tài sản của Quỹ đã được đề cập trong “Báo cáo của Ngân hàng giám sát” được đính kèm Báo cáo tài chính được kiểm toán cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2023 cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30.

3. Báo cáo về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát, Lưu ký

Với tư cách là Ngân hàng giám sát của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30, Ngân hàng đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ trong việc cung cấp dịch vụ giám sát, lưu ký chứng khoán, dịch vụ quản lý tài sản của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30, thể hiện trong một số nội dung như sau:

- Thực hiện việc lưu ký các tài sản của Quỹ an toàn, đồng thời quản lý tách biệt tài sản của Quỹ với những tài sản của Công ty Quản lý Quỹ, những tài sản của các quỹ khác của cùng một Công ty Quản lý Quỹ, những tài sản của những khách hàng khác của Ngân hàng giám sát và những tài sản của Ngân hàng giám sát.
- Việc chuyển giao tài sản của Quỹ trong hoạt động đầu tư, thoái vốn đầu tư chỉ được thực hiện theo chỉ thị bằng văn bản của Công ty Quản lý Quỹ theo đúng quy định tại Hợp đồng lưu ký, Hợp đồng giám sát.
- Việc thanh toán các giao dịch chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải tuân thủ các nguyên tắc giao dịch chứng khoán đồng thời với thanh toán tiền và các nguyên tắc bù trừ, thanh toán theo quy định của pháp luật. Việc thanh toán các giao dịch tài sản khác thì phải thực hiện theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ và các quy định pháp luật khác nếu có liên quan. Mọi giao dịch chuyển khoản, thanh toán tiền, chuyển giao tài sản đều phải thực hiện đúng đến các đối tác giao dịch của Quỹ, các tài khoản của Quỹ. Giá trị thanh toán phải phù hợp với khối lượng tài sản, giá giao dịch và đúng với số tiền ghi trong các chứng từ thanh toán.
- Thực hiện đúng, đầy đủ và kịp thời, theo lệnh, chỉ thị hợp pháp của Công ty Quản lý Quỹ; thực thi đầy đủ, kịp thời các quyền và nghĩa vụ liên quan đến quyền sở hữu tài sản của Quỹ.
- Xác nhận các báo cáo về tài sản của Quỹ do Công ty Quản lý Quỹ lập, bảo đảm khối lượng tài sản trong báo cáo là đúng, đầy đủ, chính xác với thực trạng tài sản lưu ký tại Ngân hàng.

- Tham gia và cung cấp đầy đủ các thông tin tại các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ nhưng không có quyền biểu quyết.
- Thực hiện báo cáo và lưu trữ hồ sơ theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ và Hợp đồng giám sát.
- Thực hiện giám sát hoạt động của Công ty quản lý Quỹ trong việc quản lý tài sản Quỹ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ.

Báo Cáo Giám Sát hoạt động của Quỹ hoán đổi danh mục được dựa trên các thông tin, tài liệu và dữ liệu được cung cấp bởi Công ty Quản lý Quỹ. Báo cáo này không bao gồm các vấn đề và các sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát của Ngân hàng giám sát do các thông tin bị che giấu hoặc được cung cấp không chính xác bởi Công ty Quản lý Quỹ.

Đại diện Ngân hàng giám sát



Võ Trí Thanh

Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng

Quỹ ETF KIM GROWTH VN30

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023



Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
Thông tin chung	1 - 2
Báo cáo của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ	3
Báo cáo của Công ty Quản lý Quỹ	4 - 10
Báo cáo của Ngân hàng Giám sát	11
Báo cáo kiểm toán độc lập	12 - 13
Báo cáo thu nhập	14
Báo cáo tình hình tài chính	15 - 16
Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch Chứng chỉ Quỹ ETF	17
Báo cáo danh mục đầu tư	18 - 19
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	20 - 21
Thuyết minh báo cáo tài chính	22 - 52

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

THÔNG TIN CHUNG

QUỸ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 ("Quỹ") là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là "quỹ ETF") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 52/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2021. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng là 71.000.000.000 đồng Việt Nam ("VND"). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 7.100.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá bán một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có). Giá mua lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí mua lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 772.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 77.200.000 chứng chỉ quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 182/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 9 năm 2021.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 705/QĐ-SGDHCM ngày 21 tháng 12 năm 2021 với mã chứng khoán FUEKIV30 và chính thức giao dịch từ ngày 7 tháng 1 năm 2022.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VN30 do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam, Phòng 1807 - 1808, Tầng 18 Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam. Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM Growth VN30

THÔNG TIN CHUNG (tiếp theo)

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ"). Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quý, thay mặt cho Quý để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quý một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quý theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quý.

BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Các thành viên Ban Đại diện Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

<u>Họ và tên</u>	<u>Chức vụ</u>	<u>Ngày bổ nhiệm</u>
Ông Vũ Trần Vĩnh Thụy	Chủ tịch, thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2021
Bà Ngô Thị Minh Nghĩa	Thành viên độc lập	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Thanh Lam	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty Quản lý Quỹ trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Ông Yun Hang Jin, chức vụ Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Quý.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam ("Công ty Quản lý Quỹ") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính này, Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cần phải:

- ▶ lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ▶ thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ▶ nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Quỹ có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính; và
- ▶ lập báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Quỹ sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Quỹ, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Quỹ và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.


Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Theo ý kiến của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính và danh mục đầu tư của Quỹ vào ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quỹ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Điều hành:




Ông Yuri Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng Thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ

1. Tên của Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 ("Quỹ").

2. Mục tiêu của Quỹ

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

3. Hiệu quả hoạt động của Quỹ

Theo báo cáo tài chính của Quỹ, tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, thay đổi giá trị tài sản ròng (NAV)/ chứng chỉ quỹ (CCQ) là -25,25% so với NAV/CCQ tại ngày thành lập quỹ;

Trong khi giá trị của danh mục cơ cấu thay đổi là -26,22%, thay đổi của chỉ số tham chiếu là -25,20% trong cùng kỳ so sánh.

4. Chính sách và chiến lược đầu tư của Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 sử dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát chỉ số VN30 Index trong tất cả các giai đoạn. Quỹ không chủ động tìm kiếm tăng trưởng cao hơn Chỉ số tham chiếu VN30 Index, cũng không sử dụng các biện pháp phòng thủ khi thị trường chứng khoán có những biến động bất lợi và không thực hiện hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá quá cao.

Với việc đầu tư thụ động bám sát chỉ số, Quỹ ETF KIM Growth VN30 hướng tới giảm thiểu chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

5. Phân loại Quỹ

Quỹ hoán đổi danh mục.

6. Thời điểm bắt đầu hoạt động của Quỹ

Quỹ được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước ("UBCKNN") cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ số 52/GCN-UBCK ngày 7 tháng 12 năm 2021, theo đó, Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

7. Mức độ rủi ro của Quỹ: Trung bình

8. Quy mô Quỹ tại thời điểm báo cáo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, giá trị tài sản ròng của Quỹ là 575.620.476.005 VND và vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 772.000.000.000 VND, tương đương với số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành là 77.200.000.

9. Chỉ số tham chiếu của Quỹ

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, chỉ số VN30 tại thời điểm báo cáo là 1,131.46.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ QUỸ (tiếp theo)

10. Chính sách phân phối lợi nhuận của Quỹ

Quỹ chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- Phù hợp với chính sách phân chia lợi nhuận quy định tại điều lệ Quỹ;
- Thực hiện sau khi Quỹ đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và trích lập đầy đủ các quỹ quy định tại Điều Lệ Quỹ (nếu có);
- Sau khi chi trả, Quỹ vẫn phải bảo đảm có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác và bảo đảm giá trị tài sản ròng không thấp hơn năm mươi (50) tỷ đồng.

Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng chỉ Quỹ, Quỹ phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Hình thức phân chia lợi nhuận có thể bằng tiền hoặc bằng Chứng chỉ Quỹ.

Việc phân chia lợi nhuận của Quỹ được thực hiện trên cơ sở đề xuất của Công ty Quản lý Quỹ và phải được Đại hội Nhà Đầu tư hoặc Ban Đại diện Quỹ (nếu được ủy quyền) chấp nhận.

Nhà Đầu tư có trong Danh sách Nhà Đầu tư tại Ngày giao dịch được công bố bởi Công ty Quản lý Quỹ cho việc phân chia lợi nhuận ("Ngày Chốt Danh Sách") được coi là đủ điều kiện để nhận lợi nhuận được phân chia. Trường hợp Nhà Đầu tư đã chuyển nhượng số Chứng chỉ Quỹ của mình trong thời gian giữa thời điểm Ngày Chốt Danh Sách và thời điểm chi trả thì người chuyển nhượng là người nhận lợi nhuận.

11. Lợi nhuận thuần thực tế phân phối trên một đơn vị chứng chỉ quỹ

Trong năm, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

II. SỐ LIỆU HOẠT ĐỘNG

1. Cơ cấu tài sản quỹ

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 %	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 %
Danh mục chứng khoán	99,77	99,60
Các tài sản khác	0,23	0,40
Cộng	100,00	100,00

2. Chi tiết chỉ tiêu hoạt động

	Chỉ tiêu	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
1	Giá trị tài sản ròng của Quỹ (VND)	575.620.476.005	403.769.600.137
2	Tổng số chứng chỉ quỹ ("CCQ") đang lưu hành (đơn vị)	77.200.000	61.500.000
3	Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ (VND)	7.456,22	6.565,35
4	Giá trị tài sản ròng cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm (VND)	8.287,97	10.214,87
5	Giá trị tài sản ròng thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm (VND)	6.565,05	5.908,53
6	Giá cuối ngày trên 1 đơn vị quỹ tại ngày báo cáo (VND)	7.500	6.650
7	Giá cuối ngày cao nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm (VND)	8.330	10.110
8	Giá cuối ngày thấp nhất trên 1 đơn vị quỹ trong năm (VND)	6.560	5.960
9	Tổng tăng trưởng (%)/1 đơn vị quỹ	-25,25%	-34,18%
10	Phân phối góp trên 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
11	Phân phối ròng trên 1 đơn vị quỹ (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
12	Ngày chốt quyền (Ex-date of distribution) (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
13	Tỷ lệ chi phí hoạt động của quỹ	0,94%	1,23%
14	Tốc độ vòng quay danh mục	20,53%	17,70%

(*) Quỹ chưa áp dụng chính sách phân phối lợi nhuận.

3. Tăng trưởng qua các thời kỳ

Giai đoạn	Tăng trưởng của NAV/CCQ	Tăng trưởng NAV/CCQ hàng năm
1 năm	13,57%	Không áp dụng
3 năm (*)	Không áp dụng	Không áp dụng
Từ khi thành lập (ngày 7/12/2021) (**)	-25,25%	Không áp dụng
Tăng trưởng của chỉ số tham chiếu	-25,20%	Không áp dụng

(*) Công thức tính tăng trưởng hàng năm trong giai đoạn 3 năm:

$$R = \sqrt[3]{(1 + R1)(1 + R2)(1 + R3)} - 1$$

(**) Công thức tính tăng trưởng hàng năm từ khi thành lập:

$$R = \sqrt[n]{(1 + R1)(1 + R2) \dots (1 + Rn)} - 1$$

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam

Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

III. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG TRONG KỲ

1. Kinh tế vĩ mô

Lạm phát tổng thể có nhiều biến động trong năm 2023 nhưng vẫn giữ mức 3,25%, đạt mục tiêu của Quốc hội đề ra. Lạm phát tại tháng 01/2023 tăng cao với 4,89%, áp lực lạm phát rất lớn và giảm dần đến tháng 6/2023 chỉ còn 2%, đến tháng 12 tăng 3,58%. Nguyên nhân chủ yếu đến từ giá xăng dầu trong nước giảm liên tục theo giá thế giới làm cho chỉ số giá nhóm xăng dầu so với cùng kỳ năm trước. Cao hơn so với CPI bình quân chung, lạm phát cơ bản tăng 4,16% so với năm 2022. Trong năm 2024, dự báo áp lực lạm phát có thể gia tăng do giá nguyên liệu đầu vào thế giới đang ở mức cao và đồng đô la Mỹ tăng giá làm tăng chi phí nhập khẩu nguyên vật liệu, gây sức ép lên mặt bằng giá hàng hóa trong nước.

Quy mô GDP theo giá hiện hành năm 2023 ước đạt 10.221,8 nghìn tỷ đồng, tương đương 430 tỷ USD. GDP bình quân đầu người năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 101,9 triệu đồng/người, tương đương 4.284,5 USD, tăng 160 USD so với năm 2022. Năng suất lao động của toàn nền kinh tế năm 2023 theo giá hiện hành ước đạt 199,3 triệu đồng/lao động (tương đương 8.380 USD/lao động, tăng 274 USD so với năm 2022); theo giá so sánh, năng suất lao động tăng 3,65% do trình độ của người lao động được cải thiện (tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng, chứng chỉ năm 2023 ước đạt 27%, cao hơn 0,6 điểm phần trăm so với năm 2022).

Năm 2023, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã điều chỉnh giảm lãi suất điều hành tổng cộng 4 lần, từ 0,5 - 2% mỗi năm, và yêu cầu các tổ chức tín dụng cắt giảm chi phí để giảm lãi suất cho vay. Sau điều chỉnh cuối cùng, lãi suất cho vay qua đêm và tái cấp vốn giảm xuống 5%/năm và 4,5%/năm, lãi suất tái chiết khấu giảm xuống 3%/năm. Lãi suất cho vay và tiền gửi đã giảm, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận vốn tín dụng với chi phí thấp hơn. Tuy nhiên, tăng trưởng tín dụng vẫn thấp hơn mục tiêu do sự giảm đầu tư, sản xuất, kinh doanh và tiêu dùng dẫn đến nhu cầu vay giảm, cùng với khó khăn trong thị trường bất động sản.

2. Thị trường chứng khoán

Trong năm 2023, thị trường chứng khoán Việt Nam đã có diễn biến tích cực ban đầu, với VN-Index tăng gần 24% và đạt mức cao nhất là hơn 1.255 điểm vào đầu tháng 9. Điều này được thúc đẩy bởi chính sách tiền tệ nới lỏng của Ngân hàng Nhà nước, bao gồm 4 lần cắt giảm lãi suất nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế.

Tuy nhiên, sau đó thị trường đã điều chỉnh, và VN-Index đã giảm hơn 200 điểm trong khoảng gần 2 tháng. Thành quả của giai đoạn trước gần như bị hủy bỏ do yếu tố ngoại biên. Chỉ số DXY (đo lường sức mạnh đồng USD) đã tăng hơn 7% từ giữa tháng 7 đến đầu tháng 10, tạo áp lực lên tỷ giá, và Ngân hàng Nhà nước đã can thiệp bằng cách rút một lượng lớn tiền về hệ thống thông qua kênh tín phiếu. Đồng thời, khối ngoại tiếp tục bán ròng, ảnh hưởng đến tâm lý của nhà đầu tư trong nước. Mặc dù yếu tố vĩ mô trong nước vẫn tích cực (tăng trưởng GDP quý III đạt 5,3%, quý IV đạt 6,72%, lạm phát được kiểm soát, lãi suất tiếp tục giảm...), VN-Index vẫn giảm điểm.

Cuối năm, VN-Index dao động quanh ngưỡng 1.100 điểm, và đóng cửa phiên cuối cùng vào ngày 29/12 ở mức 1.129,93 điểm, tăng 12,1% so với cuối năm 2022.

Trong năm 2023, thị trường chứng khoán ở Việt Nam có độ nhạy cao với chính sách tiền tệ. Thị trường có sự phấn khích và tăng mạnh sau các động thái cắt giảm lãi suất liên tiếp của Ngân hàng Nhà nước, nhưng lại phản ứng tiêu cực khi có động thái hút tiền từ cơ quan này để ổn định tỷ giá. Trong hai tháng cuối năm, sau khi Ngân hàng Nhà nước ngừng hút tiền, thanh khoản của hệ thống ngân hàng ổn định trở lại, và thị trường chứng khoán trải qua một giai đoạn hồi phục nhẹ trước khi đi ngang.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

IV. CHI TIẾT CÁC CHỈ TIÊU HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1. Số liệu chi tiết hoạt động của Quỹ

	<i>1 năm đến thời điểm báo cáo</i>	<i>3 năm đến thời điểm báo cáo</i>	<i>Từ khi thành lập</i>
Tổng tăng trưởng/1 đơn vị quỹ	13,57%	Không áp dụng	-25,25%
Tăng trưởng hàng năm(%)/1 đơn vị quỹ	Không áp dụng	Không áp dụng	Không áp dụng
Tăng trưởng của danh mục cơ cấu	14,07%	Không áp dụng	-26,22%
Thay đổi giá trị thị trường của 1 đơn vị quỹ (*)	12,78%	Không áp dụng	-23,16%

(*) Chỉ tiêu này tính từ ngày Quỹ ETF KIM Growth VN30 được chính thức niêm yết trên sàn HSX (Ngày 7 tháng 1 năm 2022).

Biểu đồ tăng trưởng hàng tháng của Quỹ trong 3 năm gần nhất:

Thay đổi giá trị tài sản ròng

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>	<i>Tỷ lệ thay đổi</i>
Giá trị tài sản ròng (NAV) của Quỹ	575.620.476.005	403.769.600.137	42,56%
Giá trị tài sản ròng (NAV) trên 1 đơn vị CCQ	7.456,22	6.565,35	13,57%

2. Thống kê về Nhà đầu tư nắm giữ Chứng chỉ quỹ tại thời điểm báo cáo

<i>Quy mô nắm giữ (chứng chỉ quỹ)</i>	<i>Số lượng Nhà đầu tư nắm giữ</i>	<i>Số lượng đơn vị Chứng chỉ quỹ nắm giữ</i>	<i>Tỷ lệ nắm giữ</i>
Dưới 5.000	409	323.800	0,42%
Từ 5.000 đến 10.000	19	118.200	0,15%
Từ 10.000 đến 50.000	14	242.500	0,31%
Từ 50.000 đến 500.000	5	440.600	0,57%
Từ 500.000 trở lên	10	76.074.900	98,55%
Tổng cộng	457	77.200.000	100,00%

3. Chi phí ngậm và giảm giá

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam cam kết không có chi phí ngậm và giảm giá trong suốt quá trình quản lý hoạt động của Quỹ ETF KIM Growth VN30 và luôn bảo đảm tính độc lập trong quản lý Quỹ ETF.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

V. THÔNG TIN VỀ TRIỂN VỌNG THỊ TRƯỜNG

Trong bối cảnh khó khăn của nền kinh tế, thị trường chứng khoán Việt Nam (TTCK) vẫn đạt được kết quả tích cực. Đến cuối năm 2023, chỉ số VN-Index đạt 1.129,93 điểm, tăng 12,19% so với cuối năm 2022. Thanh khoản trên thị trường cổ phiếu đạt trên 17.500 tỷ đồng mỗi phiên. Quy mô vốn hóa thị trường cổ phiếu ước đạt gần 6.000.000 tỷ đồng, tăng 9,5% so với cuối năm 2022. Thị trường phái sinh cũng duy trì ổn định với khối lượng giao dịch trung bình đạt 236.867 hợp đồng trên một phiên và số lượng tài khoản chứng khoán tăng lên 7,4 triệu tài khoản. Hoạt động đấu thầu trái phiếu cũng tăng 54,9% so với năm 2022. Hệ thống giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ cũng đi vào hoạt động, đóng góp quan trọng vào sự phát triển của thị trường.

Thách thức lớn nhất của TTCK được dự đoán sẽ nằm ở các yếu tố vĩ mô của kinh tế thế giới và Việt Nam như vấn đề tỷ giá, lạm phát. Các đối tác thương mại lớn của Việt Nam, như châu Âu đang gặp khó khăn, Mỹ đang trong giai đoạn cuối của việc siết chặt chính sách tiền tệ, và Trung Quốc đang đối mặt với khó khăn trong thị trường bất động sản.

Dự báo kịch bản thị trường cho năm 2024, tăng trưởng lợi nhuận năm 2023 của các doanh nghiệp niêm yết trên toàn thị trường chỉ có thể đạt mức khoảng 3,6%. Tuy nhiên, năm 2024, dự báo lợi nhuận tăng trưởng của thị trường được ước tính có thể đạt mức 16,8%. Động lực chủ yếu đến từ những lĩnh vực sẽ phục hồi so với năm 2023 như: bán lẻ, vật liệu cơ bản, hàng hóa, điện hay ngân hàng... Điểm rơi lợi nhuận của thị trường trong năm 2024 có thể rơi vào quý III với mức tăng trưởng khoảng 30%.

Dựa trên kịch bản về tăng trưởng lợi nhuận khoảng 16,8% trong năm 2024, kết hợp với cả mức P/E dự báo khoảng 12 - 12,5 lần, theo các chuyên gia dự báo, trong kịch bản cơ sở với xác suất là 70%, VN-Index có thể đạt mức 1.300 đến 1.350 điểm.

VI. THÔNG TIN KHÁC

Thông tin về Nhân sự điều hành quỹ và Ban điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ông Yun Hang Jin - Chủ tịch Hội đồng thành viên

Ông Yun Hang Jin là chuyên gia cao cấp có hơn 20 năm kinh nghiệm tại các thị trường mới nổi (emerging market), đặc biệt là Trung Quốc và Việt Nam. Ông Yun Hang Jin đã làm việc tại các tổ chức tài chính hàng đầu Hàn Quốc như Công ty Chứng khoán LG, Công ty Chứng khoán Korea Investment ... Tại Việt Nam, ông Yun Hang Jin trước đó đảm nhiệm chức danh Trưởng Văn phòng đại diện của Công ty Korea Investment Management Co., Ltd. Tại TP. Hồ Chí Minh; hiện ông Yun Hang Jin là Chủ tịch Hội đồng Thành viên của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam.

Ông Huỳnh Tuấn Khánh - Tổng giám đốc

Ông Huỳnh Tuấn Khánh có chứng chỉ Đầu tư tài chính CFA và Chứng chỉ hành nghề quản lý quỹ do Ủy ban Chứng khoán nhà nước Việt Nam cấp. Ông Huỳnh Tuấn Khánh có trên 12 năm kinh nghiệm làm việc tại các công ty trong lĩnh vực chứng khoán, tài chính như Công ty TNHH Quản lý Quỹ Manulife, Công ty cổ phần chứng khoán Rồng Việt, Ngân Hàng Á Châu.

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam Quỹ ETF KIM Growth VN30

BÁO CÁO CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN KHÁC (tiếp theo)

Ông Bae Seung Kwon - Giám đốc Khởi đầu tư

Ông Bae Seung Kwon có các Chứng chỉ hành nghề quản lý tài sản do Hàn Quốc và Ủy ban Chứng khoán Việt Nam cấp. Ông Bae Seung Kwon đảm nhiệm các hoạt động nghiên cứu thị trường và đầu tư của Công ty Korea Investment Management Co., Ltd. (Hàn Quốc) tại thị trường Việt Nam từ năm 2015. Trước đó, ông từng có nhiều năm làm việc tại PwC, British American Tobacco và A.T. Kearney.

Bà Vũ Ngọc Linh – Giám đốc Bộ phận Nghiên cứu

Bà Vũ Ngọc Linh là chuyên gia cao cấp trong lĩnh vực tài chính-chứng khoán. Trước khi gia nhập KIM Việt Nam, bà Vũ Ngọc Linh đã có 10 năm làm việc tại bộ phận Phân tích Chứng khoán và Ngân hàng đầu tư của J.P.Morgan và 4 năm làm việc tại Công ty Quản lý Quỹ Manulife tại bộ phận Trái phiếu và Thị trường vốn.

Ông Trương Vĩnh An - Giám đốc Đầu tư

Ông Trương Vĩnh An có chứng chỉ Phân tích tài chính (CFA) và Chứng chỉ hành nghề quản lý tài sản do Ủy ban Chứng khoán Việt Nam cấp. Ông Trương Vĩnh An có nhiều năm làm việc tại các công ty chứng khoán và quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam trước khi gia nhập KIM Việt Nam. Hiện ông Trương Vĩnh An phụ trách quản lý danh mục cho Quỹ TVAM Vietnam Equity Fund (Nhật Bản) của KIM Việt Nam.

Ông Nguyễn Duy Mạnh – Giám đốc Đầu tư

Ông Nguyễn Duy Mạnh có 15 năm kinh nghiệm tại Việt Nam và quốc tế khi làm việc cho Franklin Templeton và Indochina Capital Group. Hiện ông Nguyễn Duy Mạnh đang quản lý danh mục cho Quỹ KIM Vietnam Growth Fund (UCITS). Ông Nguyễn Duy Mạnh có chứng chỉ Phân tích tài chính (CFA).

Ông Nguyễn Xuân Huy - Giám đốc Đầu tư

Ông Nguyễn Xuân Huy là chuyên gia phân tích và đầu tư với nhiều năm làm việc tại các quỹ đầu tư hàng đầu Việt Nam như PXP Vietnam Asset Management, Vinacapital.

Ông Vũ Giang Sơn - Phó Giám đốc Đầu tư

Ông Vũ Giang Sơn gia nhập KIM Việt Nam từ năm 2021, đảm nhiệm thiết kế và xây dựng các sản phẩm đầu tư thụ động của Công ty. Trước đó, ông Vũ Giang Sơn đã từng làm việc tại Ngân hàng Techcombank và Công ty Chứng khoán BIDV. Ông Vũ Giang Sơn có chứng chỉ Phân tích tài chính (CFA).

Thành phố Hồ Chí Minh, Ngày 27 tháng 3 năm 2024

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



YUN HANG JIN

BÁO CÁO CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Chúng tôi là Ngân hàng Giám sát của Quỹ ETF KIM GROWTH VN30 (“Quỹ”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, với sự hiểu biết của chúng tôi thì trong giai đoạn này, Quỹ đã hoạt động và được quản lý với các nội dung dưới đây:

- a) Trong quá trình giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của Quỹ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ đã tuân thủ các giới hạn về hạn mức đầu tư được quy định tại các văn bản pháp luật chứng khoán hiện hành về Quỹ hoán đổi danh mục, Báo cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- b) Việc định giá, đánh giá tài sản của ETF KIM GROWTH VN30 đã phù hợp với Điều lệ Quỹ, Báo cáo bạch của Quỹ và các văn bản pháp luật liên quan.
- c) Trong năm, Quỹ không thực hiện các giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ.
- d) Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, Quỹ không thực hiện phân phối lợi nhuận cho nhà đầu tư.

ĐẠI DIỆN NGÂN HÀNG GIÁM SÁT



Vũ Trí Thanh

Trưởng Trung tâm Dịch vụ Khách hàng

NHÂN VIÊN GIÁM SÁT *

Vũ Trường Sơn

Số tham chiếu: 12952890/67595166

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Nhà đầu tư của Quỹ ETF KIM Growth VN30

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Quỹ ETF KIM Growth VN30 (“Quỹ”), được lập Ngày 27 tháng 3 năm 2024 và được trình bày từ trang 14 đến trang 52 bao gồm báo cáo tình hình tài chính, báo cáo danh mục đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ

Ban Điều hành của Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam là Công ty Quản lý Quỹ chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Quỹ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Quỹ có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Quỹ liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Quỹ. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Điều hành Công ty cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính, danh mục đầu tư của Quý tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Quý cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi xin lưu ý đến Thuyết minh số 2.4 của báo cáo tài chính. Kỳ kế toán năm áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính kèm theo là từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, trong khi kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày dữ liệu tương ứng là từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập Quý) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan là không so sánh được với dữ liệu của kỳ tài chính hiện tại.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam



Nguyễn Phương Nga
Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0763-2024-004-1

Trần Thị Thu Hiền
Kiểm toán viên
Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2487-2023-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
Quỹ ETF KIM Growth VN30

B01-ETF

BÁO CÁO THU NHẬP
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
01	I. THU NHẬP, DOANH THU HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		35.851.578.844	(93.900.151.350)
02	1.1 Cổ tức được chia	11	8.442.382.100	1.924.817.540
03	1.2 Tiền lãi được nhận	11	6.321.794	11.318.860
04	1.3 Lỗ bán các khoản đầu tư	12	(35.763.257.143)	(9.572.234.338)
05	1.4 Chênh lệch tăng/(giảm) đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	63.166.132.093	(86.264.053.412)
10	II. CHI PHÍ ĐẦU TƯ		277.840.462	104.705.096
11	2.1 Chi phí giao dịch hoán đổi, bán các khoản đầu tư	13	277.840.462	104.705.096
20	III. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG QUỸ ETF		3.980.634.641	2.336.175.522
20.1	3.1 Phí quản lý quỹ ETF		2.480.651.364	1.165.119.485
20.2	3.2 Phí dịch vụ lưu ký tài sản quỹ ETF	14	388.284.733	292.919.592
20.3	3.3 Phí dịch vụ giám sát		99.243.582	74.902.084
20.4	3.4 Phí dịch vụ quản trị quỹ ETF		199.094.308	211.306.451
20.5	3.5 Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng		66.000.000	64.935.484
20.6	3.6 Phí dịch vụ khác của Nhà cung cấp dịch vụ cho Quỹ ETF	15	451.027.500	205.828.896
20.7	3.7 Chi phí họp, Đại hội Quỹ mở		-	15.170.196
20.8	3.8 Chi phí kiểm toán		139.103.703	141.296.297
20.11	3.9 Chi phí hoạt động khác	16	157.229.451	164.697.037
23	IV. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		31.593.103.741	(96.341.031.968)
30	V. TỔNG LỢI NHUẬN KẾ TOÁN TRƯỚC THUẾ		31.593.103.741	(96.341.031.968)
31	5.1 Lỗ đã thực hiện	10	(31.573.028.352)	(10.076.978.556)
32	5.2 Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	10	63.166.132.093	(86.264.053.412)
41	VI. LỢI NHUẬN/(LỖ) KẾ TOÁN SAU THUẾ TNDN		31.593.103.741	(96.341.031.968)

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Vũ Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

B02-ETF

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
100	I. TÀI SẢN			
110	1. Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	4	1.109.179.820	1.034.921.452
111	1.1 Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF		1.109.179.820	1.034.720.111
112	1.2 Tiền gửi tại đại lý phân phối		-	201.341
120	2. Các khoản đầu tư thuần	5	575.065.083.850	402.666.279.750
121	2.1 Các khoản đầu tư		575.065.083.850	402.666.279.750
130	3. Các khoản phải thu		204.250.000	571.620.000
133	3.1 Phải thu và dự thu cổ tức, tiền lãi các khoản đầu tư		204.250.000	571.620.000
100	TỔNG TÀI SẢN		576.378.513.670	404.272.821.202
300	NỢ PHẢI TRẢ		758.037.665	503.221.065
314	1. Phải trả thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	6	1.500.000	6.403.225
316	2. Chi phí phải trả	7	153.900.000	92.296.297
319	3. Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	8	602.637.665	404.521.543
300	TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		758.037.665	503.221.065
400	III. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CÓ THỂ PHÂN PHỐI CHO NHÀ ĐẦU TƯ NẤM GIỮ CHỨNG CHỈ QUỸ ETF		575.620.476.005	403.769.600.137
411	1. Vốn góp của Nhà đầu tư	9	772.000.000.000	615.000.000.000
412	1.1 Vốn góp phát hành		1.112.000.000.000	665.000.000.000
413	1.2 Vốn góp mua lại		(340.000.000.000)	(50.000.000.000)
414	2. Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư		(131.631.595.768)	(114.889.367.895)
420	3. Lỗ chưa phân phối	10	(64.747.928.227)	(96.341.031.968)
430	IV. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG QUỸ ETF TRÊN 1 ĐƠN VỊ CHỨNG CHỈ QUỸ	9	7.456,22	6.565,35

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 Chứng chỉ quỹ	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 Chứng chỉ quỹ
004	1. Số lượng chứng chỉ quỹ ETF đang lưu hành	18	77.200.000	61.500.000

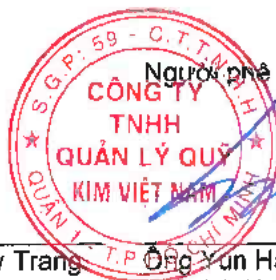
Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG, GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ ETF
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

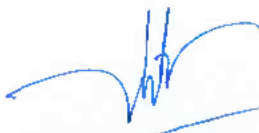
STT	CHỈ TIÊU	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
I	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF (NAV) đầu kỳ	403.769.600.137	-
II	Thay đổi NAV trong kỳ	31.593.103.741	(96.341.031.968)
II.1	- Thay đổi NAV do biến động thị trường và hoạt động giao dịch của quỹ ETF trong kỳ	31.593.103.741	(96.341.031.968)
III	Thay đổi NAV do hoán đổi lại, phát hành thêm chứng chỉ quỹ ETF	140.257.772.127	500.110.632.105
III.1	- Khoản thu từ việc phát hành bổ sung chứng chỉ quỹ ETF	345.009.981.892	534.989.730.925
	- Khoản thanh toán từ việc hoán đổi lại chứng chỉ quỹ ETF	(204.752.209.765)	(34.879.098.820)
IV	Giá trị tài sản ròng của quỹ ETF cuối kỳ	575.620.476.005	403.769.600.137

Người lập:



Bà Võ Xuân Quý
Kế toán

Người phê duyệt:



Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:




Ông Nguyễn Văn Hùng
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
I	CỔ PHIẾU NIÊM YẾT			575.065.083.850	99,77%
1	ACB	1.705.885	23.900	40.770.651.500	7,07%
2	BCM	19.600	62.900	1.232.840.000	0,21%
3	BID	110.161	43.400	4.780.987.400	0,83%
4	BVH	36.600	39.500	1.445.700.000	0,25%
5	CTG	392.792	27.100	10.644.663.200	1,85%
6	FPT	526.880	96.100	50.633.168.000	8,79%
7	GAS	55.860	75.500	4.217.430.000	0,73%
8	GVR	76.900	21.200	1.630.280.000	0,28%
9	HDB	987.997	20.300	20.056.339.100	3,48%
10	HPG	1.557.350	27.950	43.527.932.500	7,55%
11	MBB	1.398.801	18.650	26.087.638.650	4,53%
12	MSN	313.900	67.000	21.031.300.000	3,65%
13	MWG	568.800	42.800	24.344.640.000	4,22%
14	PLX	62.200	34.500	2.145.900.000	0,37%
15	POW	227.000	11.250	2.553.750.000	0,44%
16	SAB	68.000	63.000	4.284.000.000	0,74%
17	SHB	1.415.300	10.800	15.285.240.000	2,65%
18	SSB	659.000	23.900	15.750.100.000	2,73%
19	SSI	511.200	32.800	16.767.360.000	2,91%
20	STB	919.100	27.950	25.688.845.000	4,46%
21	TCB	1.116.500	31.800	35.504.700.000	6,16%
22	TPB	644.168	17.400	11.208.523.200	1,94%
23	VCB	299.831	80.300	24.076.429.300	4,18%
24	VHM	637.500	43.200	27.540.000.000	4,78%
25	VIB	681.960	19.600	13.366.416.000	2,32%
26	VIC	557.500	44.600	24.864.500.000	4,31%
27	VJC	144.600	108.000	15.616.800.000	2,71%
28	VNM	408.500	67.600	27.614.600.000	4,79%
29	VPB	2.711.500	19.200	52.060.800.000	9,05%
30	VRE	443.500	23.300	10.333.550.000	1,79%
II	CÁC TÀI SẢN KHÁC			204.250.000	0,04%
1	Dự thu cổ tức			204.250.000	0,04%

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

B04-ETF

BÁO CÁO DANH MỤC ĐẦU TƯ (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

STT	Loại tài sản	Số lượng	Giá thị trường tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	Tổng giá trị VND	Tỷ lệ trên tổng giá trị tài sản của Quỹ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023
IV 1	TIỀN Tiền gửi ngân hàng			1.109.179.820 1.109.179.820	0,19% 0,19%
	TỔNG GIÁ TRỊ DANH MỤC			576.378.513.670	100,00%

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
01	1. Lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp		31.593.103.741	(96.341.031.968)
01.1	Điều chỉnh lỗ do việc mua lại chứng chỉ quỹ		22.753.932.835	6.478.321.154
01.2	Điều chỉnh lợi nhuận do việc mua hộ chứng khoán hạn chế	12	(1.770.205.000)	(384.382.500)
02	2. Điều chỉnh cho các khoản (tăng)/giảm giá trị tài sản ròng từ các hoạt động đầu tư		(63.104.528.390)	86.405.349.709
03	(Lãi)/lỗ đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện	5	(63.166.132.093)	86.264.053.412
04	Chi phí trích trước		61.603.703	141.296.297
05	3. Lợi nhuận sử dụng vào hoạt động đầu tư trước thay đổi vốn lưu động		(10.527.696.814)	(3.841.743.605)
06	Tăng các khoản đầu tư		(103.182.624.842)	(201.590.341.816)
07	Giảm/(tăng) dự thu phải thu tiền lãi các khoản đầu tư		367.370.000	(571.620.000)
13	(Tăng)/giảm thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		(4.903.225)	6.403.225
16	Giảm phải trả, phải nộp khác		-	(49.000.000)
17	Tăng phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF		198.116.122	404.521.543
19	Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư		(113.149.738.759)	(205.641.780.653)
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
21	1. Tiền thu từ phát hành chứng chỉ quỹ (*)		114.815.656.892	206.839.150.925
22	2. Tiền chi mua lại chứng chỉ quỹ		(1.591.659.765)	(162.448.820)
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		113.223.997.127	206.676.702.105
40	II. Tăng tiền thuần trong năm		74.258.368	1.034.921.452

(*) Bao gồm dòng tiền trong giao dịch chứng khoán hạn chế trong giao dịch hoán đổi Chứng chỉ Quỹ

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM VIỆT NAM
 Quỹ ETF KIM Growth VN30

B05-ETF

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
50	IV. Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ		1.034.921.452	-
52	Tiền gửi ngân hàng đầu kỳ:			
52.1	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		1.034.720.111	-
52.2	- Tiền gửi cho hoạt động mua bán của nhà đầu tư		201.341	-
55	V. Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ	4	1.109.179.820	1.034.921.452
56	Tiền gửi ngân hàng cuối kỳ:			
57	- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động quỹ ETF		1.109.179.820	1.034.720.111
58	- Tiền gửi cho hoạt động mua bán của nhà đầu tư		-	201.341
60	VI. Chênh lệch tiền và các khoản tương đương tiền trong năm		74.258.368	1.034.921.452

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thùy Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

1.1 Thông tin về Quỹ

Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 ("Quỹ") là quỹ hoán đổi danh mục (gọi tắt là "quỹ ETF") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng số 52/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 7 tháng 12 năm 2021. Quỹ không bị giới hạn về thời gian hoạt động.

Vốn điều lệ của Quỹ (vốn huy động được trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng) được quy định trong Giấy chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng là 71.000.000.000 đồng Việt Nam ("VND"). Theo Giấy chứng nhận này, Quỹ được phép phát hành 7.100.000 chứng chỉ quỹ ra công chúng với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ trong đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng. Trong quá trình hoạt động của Quỹ, Quỹ được phép phát hành thêm và hoán đổi lại chứng chỉ quỹ với mệnh giá là 10.000 VND trên một chứng chỉ quỹ. Giá bán một lô chứng chỉ quỹ các lần phát hành sau được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có). Giá mua lại một lô chứng chỉ quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí mua lại (nếu có). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của Nhà Đầu tư vào Quỹ là 772.000.000.000 đồng Việt Nam, tương đương với 77.200.000 chứng chỉ quỹ.

Quỹ được đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ ra công chúng theo Giấy chứng nhận Đăng ký chào bán Chứng chỉ Quỹ đầu tư chứng khoán ra công chúng số 182/GCN-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 20 tháng 9 năm 2021.

Chứng chỉ quỹ được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") theo Quyết định số 705/QĐ-SGDHCM ngày 21 tháng 12 năm 2021 với mã chứng khoán FUEKIV30 và chính thức giao dịch từ ngày 7 tháng 1 năm 2022.

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng biến động của chỉ số tham chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số tham chiếu là chỉ số VN30 do HOSE xây dựng và quản lý.

Địa chỉ liên hệ của Quỹ: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam, Phòng 1807 – 1808, Tầng 18 Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Ngân hàng Giám sát

Ngân hàng Giám sát của Quỹ là Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam.

Ngân hàng Giám sát được chỉ định bởi Đại hội Nhà đầu tư, thực hiện lưu ký chứng khoán, lưu trữ các hợp đồng kinh tế và ghi nhận tài sản của Quỹ cũng như giám sát hoạt động của Quỹ. Quyền và nghĩa vụ của Ngân hàng Giám sát được quy định tại Điều lệ Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.1 Thông tin về Quỹ (tiếp theo)

Công ty Quản lý Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 được quản lý bởi Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam. Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam được thành lập tại Việt Nam theo Giấy phép số 59/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp lần đầu ngày 1 tháng 10 năm 2020 (và các sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm), và là đại diện theo ủy quyền của Quý, thay mặt cho Quý để thực hiện quyền sở hữu đối với tài sản của Quý một cách trung thực và cẩn trọng. Công ty Quản lý Quỹ tuân thủ các quy định của pháp luật và điều lệ của Công ty Quản lý Quỹ, thực hiện việc quản lý tài sản của Quý theo quy định tại Điều lệ Quỹ, tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện, công bằng, trung thực và vì lợi ích cao nhất của Quý.

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ

Quy mô vốn

Vốn điều lệ của Quỹ theo Giấy Chứng nhận Đăng ký lập Quỹ đại chúng là 71.000.000.000 VND.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, vốn góp bằng mệnh giá của nhà đầu tư vào Quỹ là 772.000.000.000 đồng, tương đương với 77.200.000 chứng chỉ quỹ.

Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu VN30 sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ số VN30 là chỉ số giá do Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh xây dựng và quản lý. Mục tiêu này phù hợp với Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ do UBCKNN cấp, Điều lệ và Bản cáo bạch của Quỹ.

Xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ

Ngày định giá

Ngày định giá là ngày xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ. Giá trị tài sản ròng của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày định giá trùng với ngày nghỉ hoặc ngày lễ thì Ngày định giá là ngày làm việc kế tiếp liền ngay sau đó.

Đối với kỳ định giá hàng tháng, Ngày định giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày định giá rơi vào ngày nghỉ hoặc ngày lễ.

Xác định Giá trị tài sản ròng của Quỹ

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ bằng giá trị tài sản ròng của Quỹ chia cho tổng số đơn vị quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng là tổng giá trị thị trường của các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày định giá.

Giá trị tài sản ròng cho mỗi đơn vị quỹ được tính cho mỗi ngày giao dịch của Quỹ sẽ được làm tròn xuống đến hai (02) chữ số thập phân.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

Tần suất giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ

Chứng chỉ quỹ được giao dịch hàng ngày nếu ngày đó là ngày làm việc ("Ngày giao dịch"). Công ty Quản lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà đầu tư, đại lý phân phối và các đơn vị cung cấp dịch vụ có liên quan về lịch giao dịch cụ thể khi Ngày giao dịch không phải là ngày làm việc trên trang thông tin điện tử của công ty và/hoặc bằng thư điện tử.

Công ty Quản lý Quỹ có thể thay đổi Ngày giao dịch hay tần suất giao dịch khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại hội Nhà đầu tư thông qua phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Quỹ. Việc thay đổi Ngày giao dịch sẽ được thông báo trước trên trang thông tin điện tử của Công ty Quản lý Quỹ. Việc giảm tần suất giao dịch sẽ được Đại hội Nhà đầu tư thông qua và luôn đảm bảo tần suất giao dịch không được ít hơn hai (02) lần trong một (01) tháng.

Hạn chế đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ và các hạn chế đầu tư phải phù hợp với mục tiêu và chính sách đầu tư đã được quy định rõ trong Điều lệ hoạt động của Quỹ, Bản Cáo bạch và Thông tư 98/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành về hướng dẫn thành lập và quản lý quỹ hoán đổi danh mục ("Thông tư 98"), cụ thể như sau:

- ▶ Quỹ không được đầu tư vào quá mười phần trăm (10%) tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của một tổ chức phát hành, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá hai mươi phần trăm (20%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán phát hành bởi cùng một tổ chức, ngoại trừ trái phiếu Chính phủ;
- ▶ Quỹ không được đầu tư quá ba mươi phần trăm (30%) tổng giá trị tài sản của Quỹ vào tiền của các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng, công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật, cổ phiếu niêm yết, cổ phiếu đăng ký giao dịch, trái phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ đại chúng, chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà quỹ đang nắm giữ, phát hành bởi các công ty hoặc một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ, trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng chỉ của chính Quỹ đó;
- ▶ Quỹ chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do Công ty Quản lý Quỹ quản lý và đảm bảo các hạn chế sau:
 - Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, cổ phiếu của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
- ▶ Quỹ không được đầu tư vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ, trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu;

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ (tiếp theo)

1.2 Đặc điểm hoạt động chính của Quỹ (tiếp theo)

- ▶ Quỹ không được đầu tư vào chứng khoán được phát hành bởi Công ty Quản lý Quỹ, cá nhân có liên quan đến Công ty Quản lý Quỹ, Thành viên lập Quỹ trừ trường hợp đó là chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục chỉ số tham chiếu;
- ▶ Tại mọi thời điểm, tổng giá trị cam kết trong các giao dịch chứng khoán phái sinh, dư nợ vay và các khoản phải trả của Quỹ không được vượt quá giá trị tài sản ròng của Quỹ.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

2.1 Chuẩn mực và Hệ thống kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính của Quỹ được lập theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục được quy định tại Thông tư số 181/2015/TT-BTC ("Thông tư 181") ngày 13 tháng 11 năm 2015 do Bộ Tài chính ban hành về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Theo Thông tư số 181, báo cáo tài chính của Quỹ bao gồm:

1. Báo cáo thu nhập;
2. Báo cáo tình hình tài chính;
3. Báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF;
4. Báo cáo danh mục đầu tư;
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
6. Thuyết minh báo cáo tài chính.

Theo đó, báo cáo tài chính được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, danh mục đầu tư, kết quả thu nhập, tình hình thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán áp dụng được đăng ký của Quỹ là nhật ký chung.

2.3 Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán của Quỹ áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Quỹ cũng lập báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc vào ngày 30 tháng 6 để nộp cho các cơ quan chức năng theo yêu cầu của Thông tư 198 và Thông tư số 96/2020/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 16 tháng 11 năm 2020.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

2.4 Thông tin so sánh

Kỳ kế toán năm áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính này là từ ngày 1 tháng 1 năm 2023 và kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, trong khi kỳ kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày của dữ liệu tương ứng là từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 (ngày thành lập Quỹ) đến ngày 31 tháng 12 năm 2022. Theo đó, dữ liệu tương ứng của báo cáo thu nhập, báo cáo thay đổi giá trị tài sản ròng, giao dịch chứng chỉ quỹ ETF và báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các thuyết minh báo cáo tài chính có liên quan là không so sánh được với dữ liệu của kỳ tài chính hiện tại do khác biệt về kỳ báo cáo.

2.5 Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán và trình bày báo cáo tài chính là đồng Việt Nam ("VND").

2.6 Cam kết tuân thủ

Ban Điều hành Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kim Việt Nam khẳng định rằng báo cáo tài chính này tuân thủ Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục và các quy định có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành của Công ty Quản lý Quỹ, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3.2 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ, tiền gửi có kỳ hạn và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba (03) tháng, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

3.3 Các khoản đầu tư

Ghi nhận ban đầu

Quỹ ghi nhận các khoản đầu tư chứng khoán tại ngày giao dịch.

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận ban đầu theo giá mua và không bao gồm các khoản chi phí liên quan đến việc mua các khoản đầu tư đó kể cả phí môi giới, phí giao dịch và phí ngân hàng. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được đánh giá lại theo giá thị trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Cổ phiếu thường và cổ tức chia bằng cổ phiếu được hạch toán vào các khoản đầu tư với giá trị bằng không (0) và được đánh giá lại theo giá trị của các cổ phiếu đó vào ngày lập báo cáo tình hình tài chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 Các khoản đầu tư (tiếp theo)

Ghi nhận tiếp theo

Các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết được ghi nhận trên khoản mục "Các khoản đầu tư" trên báo cáo tình hình tài chính theo giá trị thị trường của cổ phiếu. Đối với cổ phiếu niêm yết, giá thị trường là giá đóng cửa tại ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá. Trường hợp cổ phiếu không có giao dịch nhiều hơn hai (2) tuần tính đến ngày trước ngày định giá (bao gồm cả trường hợp do bị đình chỉ giao dịch, hoặc hủy niêm yết hoặc hủy đăng ký giao dịch), giá trị của các khoản đầu tư tại ngày lập báo cáo được xác định là giá mua cổ phiếu hoặc giá trị sổ sách của cổ phiếu.

Phần chênh lệch giữa giá trị đánh giá lại các khoản đầu tư tại thời điểm đánh giá và giá ghi sổ của chúng được phản ánh vào khoản mục "Chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện" trên báo cáo thu nhập.

Giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

Quyền mua cổ phiếu: Giá trị của quyền mua cổ phiếu được xác định là phần chênh lệch giữa giá thị trường của cổ phiếu tại ngày lập báo cáo tài chính và giá phát hành quyền mua, nhân với tỷ lệ thực hiện quyền. Trong trường hợp giá trị quyền xác định là âm (-), giá sử dụng để định giá là 0 VNĐ (không Đồng Việt Nam).

Nguyên tắc định giá

Các khoản đầu tư của Quỹ được định giá theo các nguyên tắc và phương pháp quy định trong Thông tư 98 như sau:

Cổ phiếu niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán

- Giá đóng cửa hoặc tên gọi khác, tùy thuộc vào quy định nội bộ của Sở giao dịch chứng khoán của ngày có giao dịch gần nhất trước ngày định giá;
- Trường hợp không có giao dịch nhiều hơn 15 ngày tính đến ngày định giá, là một trong các mức giá sau:
 - ▶ Giá trị sổ sách; hoặc
 - ▶ Giá mua; hoặc
 - ▶ Giá xác định theo phương pháp đã được Ban đại diện Quỹ chấp thuận.

Chấm dứt ghi nhận

Các khoản đầu tư được chấm dứt ghi nhận khi quyền được nhận luồng tiền từ khoản đầu tư chứng khoán đó đã chấm dứt hoặc Quỹ đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu chứng khoán.

Lãi/(lỗ) bán các khoản đầu tư

Lãi/(lỗ) từ hoạt động bán các khoản đầu tư thể hiện phần chênh lệch giữa giá bán và giá vốn của các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền vào cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.4 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu bao gồm các khoản phải thu từ hoạt động bán chứng khoán, lãi dự thu cổ tức, tiền lãi gửi ngân hàng và phải thu khác. Các khoản phải thu được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu được xem xét trích lập dự phòng rủi ro theo tuổi nợ quá hạn gốc của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan phát luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán thì mức trích lập dự phòng theo hướng dẫn của Thông tư số 48/2019/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 8 tháng 8 năm 2019 được sửa đổi bởi Thông tư số 24/2022/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 4 năm 2022 như sau:

<u>Thời gian quá hạn</u>	<u>Mức trích dự phòng</u>
Từ sáu tháng đến dưới một năm	30%
Từ một năm đến dưới hai năm	50%
Từ hai năm đến dưới ba năm	70%
Từ ba năm trở lên	100%

3.5 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Phải trả hoạt động đầu tư và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

3.6 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư

Các Chứng chỉ Quỹ với quyền hưởng cổ tức được phân loại thành vốn góp của nhà đầu tư, trong đó bao gồm vốn góp phát hành và vốn góp hoán đổi lại. Mỗi chứng chỉ quỹ có mệnh giá là 10.000 đồng Việt Nam. Một lô chứng chỉ quỹ tương ứng với 100.000 chứng chỉ quỹ.

Số lượng giao dịch hoán đổi tối thiểu là một lô chứng chỉ quỹ. Giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho tổng số lô chứng chỉ quỹ và làm tròn xuống lấy đến hàng đơn vị. Giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ được tính bằng cách chia tổng giá trị tài sản ròng của Quỹ cho số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày định giá và làm tròn xuống lấy đến hai (2) số thập phân.

Vốn góp phát hành

Vốn góp phát hành phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy danh mục chứng khoán cơ cấu. Vốn góp phát hành được phản ánh theo mệnh giá chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.6 Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của Nhà đầu tư (tiếp theo)

Vốn góp hoán đổi lại

Vốn góp hoán đổi lại phản ánh nguồn vốn từ việc hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ. Vốn góp hoán đổi lại được phản ánh theo mệnh giá của chứng chỉ quỹ và được ghi nhận tại ngày làm việc liền sau ngày giao dịch hoán đổi - ngày xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Quỹ.

Thặng dư vốn góp của Nhà đầu tư

Thặng dư vốn thể hiện chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành/giá hoán đổi lại chứng chỉ quỹ trong giao dịch hoán đổi.

Giá phát hành là mức giá mà nhà đầu tư phải thanh toán để mua một lô chứng chỉ quỹ. Giá phát hành bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi cộng với phí phát hành (nếu có).

Giá hoán đổi lại là mức giá mà Quỹ phải thanh toán cho nhà đầu tư đặt lệnh hoán đổi lô chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu. Giá hoán đổi lại bằng giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ tính tại cuối ngày liền trước ngày giao dịch hoán đổi trừ đi phí hoán đổi lại (nếu có).

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận chưa phân phối phản ánh lãi/(lỗ) chưa phân phối lũy kế tại thời điểm báo cáo, bao gồm lợi nhuận đã thực hiện lũy kế và lợi nhuận chưa thực hiện lũy kế.

Lợi nhuận đã thực hiện trong kỳ kế toán là số chênh lệch giữa tổng thu nhập, doanh thu sau khi loại trừ phần chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư chưa thực hiện với tổng các khoản chi phí của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ là chênh lệch tăng/(giảm) do đánh giá lại các khoản đầu tư thuộc danh mục đầu tư của Quỹ phát sinh trong kỳ.

Cuối kỳ kế toán, Quỹ xác định lợi nhuận đã thực hiện và lợi nhuận chưa thực hiện trong kỳ và ghi nhận vào "Lợi nhuận chưa phân phối".

Lợi nhuận/Tài sản phân phối cho Nhà đầu tư

Để hạn chế tối đa chi phí phát sinh, Quỹ ETF KIM Growth VN30 sẽ không phân phối lợi nhuận cho Nhà đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 *Doanh thu*

Doanh thu được ghi nhận khi Quý có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu:

Tiền lãi

Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi tại ngân hàng được ghi nhận vào báo cáo thu nhập trên cơ sở dự thu trừ khi khả năng thu lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Thu nhập cổ tức được ghi nhận vào báo cáo thu nhập khi quyền nhận cổ tức của Quý được thiết lập.

Thu nhập từ hoạt động kinh doanh chứng khoán niêm yết

Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh chứng khoán được ghi nhận trong báo cáo thu nhập khi nhận được Thông báo kết quả giao dịch chứng khoán từ Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam và được kiểm tra bởi Ngân hàng Giám sát.

3.8 *Chi phí*

Các khoản chi phí được hạch toán trong báo cáo thu nhập trên cơ sở dồn tích, không căn cứ vào thời điểm thực tế chi tiền.

Giá dịch vụ quản lý Quỹ phải trả cho Công ty Quản lý Quỹ

Giá dịch vụ quản lý quỹ được trả cho Công ty Quản lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý cho Quý. Giá dịch vụ quản lý quỹ là 0,55% NAV/năm. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ lưu ký

Giá dịch vụ lưu ký tài sản bao gồm phí lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Lưu ký và phí lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán. Giá dịch vụ lưu ký tài sản phải trả cho Ngân hàng Lưu ký là 0,06% NAV/năm không bao gồm VAT, với mức tối thiểu là 20.000.000 đồng một tháng. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ lưu ký chứng khoán phải trả cho Trung tâm lưu ký chứng khoán theo quy định của Trung tâm lưu ký chứng khoán từng thời kỳ.

Giá dịch vụ giám sát

Giá dịch vụ giám sát Quý được trả cho Ngân hàng Giám sát để thực hiện dịch vụ giám sát hoạt động của Quý. Giá dịch vụ giám sát được tính là 0,02% NAV/năm (chưa bao gồm VAT), với mức tối thiểu là 5.000.000 đồng một tháng (chưa bao gồm VAT). Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.8 Chi phí (tiếp theo)

Phí dịch vụ giao dịch chứng khoán

Phí giao dịch chứng khoán phải trả cho Ngân hàng Lưu ký là 0,03% giá trị giao dịch, tối thiểu là 100.000 VND/ngày giao dịch.

Giá dịch vụ quản trị Quỹ

Giá dịch vụ quản trị quỹ được trả cho Ngân hàng Giám sát là 0,03% NAV/năm (chưa bao gồm VAT) với mức tối thiểu là 15.000.000 đồng mỗi tháng (chưa bao gồm VAT). Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng

Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được trả cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán là đại lý chuyển nhượng cho Quỹ. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng này chưa bao gồm mức phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người nắm giữ chứng chỉ quỹ niêm yết. Giá phí thực hiện quyền trả cho từng lần xác nhận danh sách người sở hữu chứng chỉ quỹ niêm yết này là 1.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán dưới 500 người, 2.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 500 người đến dưới 1.000 người, 3.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng từ 1.000 người đến dưới 5.000 người, 4.000.000 VND/lần khi danh sách tổng người sở hữu chứng khoán có số lượng trên 5.000 người, mức giá này chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán hàng quý.

Giá dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số tham chiếu

Giá dịch vụ sử dụng chỉ số tham chiếu là 0,05% NAV/năm với mức tối thiểu là 50.000.000 VND/năm (chưa bao gồm VAT) được trả cho Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ("HOSE") cho dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ số VN30. Giá dịch vụ sử dụng chỉ số tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu

Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu là 0,05% NAV/năm với mức tối thiểu là 50.000.000 VND/năm (chưa bao gồm VAT). Giá dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu được tính toán và cộng dồn hàng ngày và được thanh toán sáu tháng một lần cho HOSE.

Thù lao Ban Đại diện Quỹ

Các chi phí của Ban Đại diện Quỹ sẽ được tính vào chi phí của Quỹ. Chi phí cũng có thể bao gồm các chi phí bảo hiểm trách nhiệm phát sinh đối với Ban Đại diện Quỹ liên quan đến việc thực hiện các quyền hạn và nghĩa vụ của Ban Đại diện Quỹ đối với Quỹ. Thù lao của các thành viên của Ban Đại diện Quỹ sẽ nằm trong mức ngân sách hoạt động hàng năm của Ban Đại diện Quỹ đã được thông qua tại Đại hội Nhà đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Thuế

Theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam, Quỹ không thuộc đối tượng chịu thuế thu nhập doanh nghiệp. Tuy nhiên, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ thuế của các cá nhân và tổ chức tham gia trong các giao dịch sau:

a. *Giao dịch trả cổ tức cho Nhà đầu tư*

Khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư, Quỹ phải tuân thủ quy định khấu trừ và nộp thuế theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 ("Thông tư 78") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 và Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 ("Thông tư 111") được sửa đổi bổ sung theo Thông tư 92/2015/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2015 ("Thông tư 92") do Bộ Tài chính ban hành và Công văn số 10945/BTC-TCT ngày 19 tháng 8 năm 2010 của Tổng Cục Thuế về chính sách thuế đối với việc chia cổ tức cho tổ chức đầu tư. Theo đó, khi trả cổ tức cho các tổ chức đầu tư, không phân biệt tổ chức đầu tư trong nước hoặc nước ngoài, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% số cổ tức được chi trả (ngoại trừ phần lợi nhuận được phân phối mà đã chịu thuế thu nhập doanh nghiệp ở khâu trước và lãi trái phiếu thu được từ trái phiếu thuộc diện miễn thuế theo quy định của pháp luật). Đồng thời, khi Quỹ trả cổ tức cho nhà đầu tư là cá nhân, Công ty Quản lý Quỹ có trách nhiệm khấu trừ số thuế thu nhập cá nhân bằng 5% số cổ tức được chi trả.

b. *Giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ Quỹ*

Công ty Quản lý Quỹ có nghĩa vụ khấu trừ, kê khai thuế đối với giao dịch hoán đổi lại chứng chỉ quỹ từ cá nhân (trong nước và nước ngoài) và những tổ chức được phân loại là tổ chức nước ngoài theo Thông tư 111 được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư 92 và Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6 tháng 8 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành. Mức thuế áp dụng là 0,1% trên giá trị chuyển nhượng. Công ty Quản lý Quỹ sẽ không khấu trừ thuế đối với các giao dịch mua lại chứng chỉ quỹ từ nhà đầu tư là tổ chức trong nước. Các nhà đầu tư này phải chịu trách nhiệm tự kê khai và nộp thuế đối với phần thu nhập phát sinh từ giao dịch hoán đổi lại này.

3.10 Các bên liên quan

Các bên/người được xem là có liên quan nếu một bên/người có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là có liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc cùng chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các Quỹ đầu tư khác dưới sự quản lý của Công ty Quản lý Quỹ, Công ty Quản lý Quỹ, các cổ đông của Công ty Quản lý Quỹ, những chức danh quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc của Công ty Quản lý Quỹ, thành viên Ban Đại diện Quỹ, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan với Quỹ. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải chỉ là hình thức pháp lý.

3.11 Số dư bằng không

Các khoản mục hay số dư được quy định trong Thông tư 181 về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục không được thể hiện trong các báo cáo tài chính này thì được hiểu là có số dư bằng không.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

4. TIỀN GỬI NGÂN HÀNG VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Tiền gửi tại Ngân hàng Giám sát và Lưu ký cho hoạt động của quỹ ETF	1.109.179.820	1.034.720.111
Tiền gửi tại đại lý phân phối	-	201.341
	1.109.179.820	1.034.921.452

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	Giá hoán đổi (*) / giá mua VND	Giá trị thị trường hoặc giá trị hợp lý VND	Chênh lệch đánh giá lại			Giá trị đánh giá lại VND
			Chênh lệch tăng VND	Chênh lệch giảm VND	Chênh lệch thuần VND	
Ngày 31 tháng 12 năm 2023						
Cổ phiếu niêm yết	<u>598.163.005.169</u>	<u>575.065.083.850</u>	<u>26.975.451.980</u>	<u>(50.073.373.299)</u>	<u>(23.097.921.319)</u>	<u>575.065.083.850</u>
	598.163.005.169	575.065.083.850	26.975.451.980	(50.073.373.299)	(23.097.921.319)	575.065.083.850
Ngày 31 tháng 12 năm 2022						
Cổ phiếu niêm yết	<u>488.930.333.162</u>	<u>402.666.279.750</u>	-	<u>(86.264.053.412)</u>	<u>(86.264.053.412)</u>	<u>402.666.279.750</u>
	488.930.333.162	402.666.279.750	-	(86.264.053.412)	(86.264.053.412)	402.666.279.750
Ảnh hưởng từ chênh lệch đánh giá lại các khoản đầu tư vào báo cáo thu nhập					63.166.132.093	

(*) Giá hoán đổi được xác định dựa trên số lượng cổ phiếu cuối kỳ kế toán và giá vốn của chứng khoán được tính theo phương pháp bình quân gia quyền tại cuối ngày giao dịch.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

6. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Thuế thu nhập cá nhân - Thủ lao Ban đại diện Quỹ	1.500.000	6.403.225

7. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Phí kiểm toán	140.400.000	71.296.297
Thủ lao Ban đại diện Quỹ	13.500.000	13.500.000
Phí quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán Nhà nước	-	7.500.000
	153.900.000	92.296.297

8. PHẢI TRẢ DỊCH VỤ QUẢN LÝ QUỸ ETF

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND</i>	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND</i>
Phí quản lý Quỹ ETF	253.607.428	183.391.823
Phí dịch vụ cấp quyền sử dụng chỉ số trả HOSE	139.109.838	80.227.980
Phí dịch vụ tính toán giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV) trả HOSE	139.109.838	80.227.980
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	27.666.264	20.338.088
Phí dịch vụ quản trị Quỹ ETF	16.500.000	16.500.000
Phí dịch vụ Đại lý chuyển nhượng	16.500.000	16.500.000
Phí dịch vụ giám sát	10.144.297	7.335.672
	602.637.665	404.521.543

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Phát sinh trong kỳ VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Vốn góp phát hành			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	66.500.000	44.700.000	111.200.000
Giá trị ghi theo mệnh giá	665.000.000.000	447.000.000.000	1.112.000.000.000
Thặng dư vốn góp phát hành	(130.010.269.075)	(101.990.018.108)	(232.000.287.183)
Tổng giá trị phát hành Chứng chỉ Quỹ ETF	534.989.730.925	345.009.981.892	879.999.712.817
Vốn góp mua lại			
Số lượng (chứng chỉ quỹ)	(5.000.000)	(29.000.000)	(34.000.000)
Giá trị ghi theo mệnh giá	(50.000.000.000)	(290.000.000.000)	(340.000.000.000)
Thặng dư vốn góp hoán đổi lại	15.120.901.180	85.247.790.235	100.368.691.415
Tổng giá trị hoán đổi lại Chứng chỉ Quỹ ETF	(34.879.098.820)	(204.752.209.765)	(239.631.308.585)
Số lượng chứng chỉ quỹ hiện hành	61.500.000	15.700.000	77.200.000
Giá trị vốn góp hiện hành	500.110.632.105	140.257.772.127	640.368.404.232
Lợi nhuận chưa phân phối	(96.341.031.968)	31.593.103.741	(64.747.928.227)
Giá trị tài sản ròng hiện hành	403.769.600.137		575.620.476.005
Giá trị tài sản ròng trên 1 đơn vị quỹ	6.565,35		7.456,22

10. LỖ CHƯA PHÂN PHỐI

	Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Phát sinh trong kỳ VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND
Lỗ đã thực hiện	(10.076.978.556)	(31.573.028.352)	(41.650.006.908)
Lợi nhuận/(lỗ) chưa thực hiện	(86.264.053.412)	63.166.132.093	(23.097.921.319)
	(96.341.031.968)	31.593.103.741	(64.747.928.227)

11. CỔ TỨC ĐƯỢC CHIA VÀ TIỀN LÃI ĐƯỢC NHẬN TỪ TIỀN GỬI NGÂN HÀNG

	Năm nay VND	Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND
Cổ tức được chia	8.442.382.100	1.924.817.540
Cổ tức đã nhận	8.238.132.100	1.353.197.540
Dự thu cổ tức chưa đến ngày nhận	204.250.000	571.620.000
Tiền lãi được nhận	6.321.794	11.318.860
	8.448.703.894	1.936.136.400

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

12. LỖ BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Cho kỳ kế toán</i> <i>từ ngày 7 tháng 12</i> <i>năm 2021 đến ngày</i> <i>31 tháng 12 năm</i> <i>2022</i> VND
Lỗ bán các khoản đầu tư	(14.779.529.308)	(3.478.295.684)
Lỗ từ giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ	(22.753.932.835)	(6.478.321.154)
Lãi giao dịch chứng khoán hạn chế trong giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ	1.770.205.000	384.382.500
	(35.763.257.143)	(9.572.234.338)

Chi tiết các khoản đầu tư chứng khoán của Quỹ trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

	<i>Tổng giá trị bán/</i> <i>giá trị chứng khoán</i> <i>mua vào cho giao</i> <i>dịch hoán đổi</i> VND	<i>Giá vốn bình quân</i> <i>gia quyền tính đến</i> <i>c cuối ngày giao dịch/</i> <i>giá trị hoán đổi</i> VND	<i>Lỗ bán chứng khoán</i> <i>năm nay</i> VND
Cổ phiếu niêm yết			
Lỗ bán các khoản đầu tư	90.050.356.850	104.829.886.158	(14.779.529.308)
Lỗ từ giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ	203.160.550.000	225.914.482.835	(22.753.932.835)
	293.210.906.850	330.744.368.993	(37.533.462.143)

13. CHI PHÍ GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI, BÁN CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ

	<i>Năm nay</i> VND	<i>Cho kỳ kế toán</i> <i>từ ngày 7 tháng 12</i> <i>năm 2021 đến ngày</i> <i>31 tháng 12 năm</i> <i>2022</i> VND
Chi phí môi giới giao dịch mua các khoản đầu tư	142.764.920	54.221.514
Chi phí môi giới giao dịch bán các khoản đầu tư	135.075.542	50.483.582
	277.840.462	104.705.096

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHÍ DỊCH VỤ LƯU KÝ TÀI KHOẢN QUỸ ETF

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>năm 2022</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Phí dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản	291.482.837	256.467.117
Phí dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán	49.590.692	21.090.589
Phí dịch vụ lưu ký trả Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam ("VSD")	47.211.204	15.361.886
	388.284.733	292.919.592

15. PHÍ DỊCH VỤ KHÁC CỦA NHÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ CHO QUỸ ETF

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>năm 2022</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Chi phí cung cấp dịch vụ tính chỉ số tham chiếu trả HOSE	225.513.750	102.914.448
Chi phí cấp quyền sử dụng chỉ số trả HOSE	225.513.750	102.914.448
	451.027.500	205.828.896

16. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12</i>	
	<i>Năm nay</i>	<i>năm 2022</i>
	<i>VND</i>	<i>VND</i>
Thù lao Ban đại diện quỹ	60.000.000	64.032.254
Phí thực hiện quyền trả VSD	30.300.000	22.200.000
Chi phí quản lý niêm yết của HOSE	30.000.000	30.000.000
Chi phí thiết kế, in ấn, gửi thư	17.759.632	-
Phí đăng ký niêm yết bổ sung trả VSD	9.000.000	11.500.000
Chi phí quản lý thường niên trả Ủy ban Chứng khoán	7.500.000	10.000.000
Chi phí ngân hàng	2.669.819	1.964.783
Chi phí thiết lập Quỹ	-	25.000.000
	157.229.451	164.697.037

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau:

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
1	02/01/2023	403.750.662.729	61.500.000	6.565,05	(0,30)
2	03/01/2023	420.578.328.716	61.500.000	6.838,67	273,62
3	04/01/2023	421.733.345.889	61.500.000	6.857,45	18,78
4	05/01/2023	426.427.897.913	61.500.000	6.933,78	76,33
5	08/01/2023	424.592.965.791	61.500.000	6.903,95	(29,83)
6	09/01/2023	426.083.737.214	61.500.000	6.928,19	24,24
7	10/01/2023	425.824.744.922	61.500.000	6.923,97	(4,22)
8	11/01/2023	427.693.335.765	61.500.000	6.954,36	30,39
9	12/01/2023	428.092.912.746	61.500.000	6.960,86	6,50
10	15/01/2023	429.517.224.193	61.500.000	6.984,01	23,15
11	16/01/2023	431.856.041.705	61.500.000	7.022,04	38,03
12	17/01/2023	443.080.145.764	61.500.000	7.204,55	182,51
13	18/01/2023	447.879.180.727	61.500.000	7.282,58	78,03
14	19/01/2023	450.353.327.672	61.500.000	7.322,81	40,23
15	26/01/2023	450.280.507.743	61.500.000	7.321,63	(1,18)
16	29/01/2023	453.753.024.959	61.500.000	7.378,09	56,46
17	30/01/2023	447.040.331.996	61.500.000	7.268,94	(109,15)
18	31/01/2023	451.478.853.288	61.500.000	7.341,11	72,17
19	01/02/2023	436.647.894.028	61.500.000	7.099,96	(241,15)
20	02/02/2023	438.800.949.339	61.500.000	7.134,97	35,01
21	05/02/2023	435.631.686.727	61.500.000	7.083,44	(51,53)
22	06/02/2023	438.979.498.556	61.500.000	7.137,87	54,43
23	07/02/2023	429.095.362.052	61.500.000	6.977,16	(160,71)
24	08/02/2023	430.639.941.815	61.500.000	7.002,27	25,11
25	09/02/2023	425.672.629.531	61.500.000	6.921,50	(80,77)
26	12/02/2023	421.160.743.671	61.500.000	6.848,14	(73,36)
27	13/02/2023	417.807.791.139	61.500.000	6.793,62	(54,52)
28	14/02/2023	415.607.810.862	61.500.000	6.757,85	(35,77)
29	15/02/2023	418.974.762.646	61.500.000	6.812,59	54,74
30	16/02/2023	423.738.546.922	61.500.000	6.890,05	77,46
31	19/02/2023	423.092.881.604	61.500.000	6.879,55	(10,50)
32	20/02/2023	436.565.540.846	61.500.000	7.098,62	219,07
33	21/02/2023	433.962.232.439	61.500.000	7.056,29	(42,33)
34	22/02/2023	422.003.850.752	61.500.000	6.861,85	(194,44)
35	23/02/2023	421.947.297.507	61.500.000	6.860,93	(0,92)
36	26/02/2023	400.229.384.417	59.500.000	6.726,54	(134,39)
37	27/02/2023	376.328.336.035	57.000.000	6.602,25	(124,29)
38	28/02/2023	344.461.377.125	52.000.000	6.624,25	22,00
39	01/03/2023	350.992.976.199	52.000.000	6.749,86	125,61
40	02/03/2023	349.076.161.700	52.000.000	6.713,00	(36,86)
41	05/03/2023	310.766.806.864	47.000.000	6.612,05	(100,95)
42	06/03/2023	311.049.841.610	47.000.000	6.618,08	6,03
43	07/03/2023	314.992.954.427	47.000.000	6.701,97	83,89
44	08/03/2023	319.101.859.846	47.000.000	6.789,40	87,43

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau (tiếp theo):

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
				tại ngày tính NAV VND	
45	09/03/2023	322.061.051.630	47.000.000	6.852,36	62,96
46	12/03/2023	321.092.681.835	47.000.000	6.831,75	(20,61)
47	13/03/2023	321.964.698.194	47.000.000	6.850,31	18,56
48	14/03/2023	318.060.137.392	47.000.000	6.767,23	(83,08)
49	15/03/2023	305.508.088.701	44.000.000	6.943,36	176,13
50	16/03/2023	300.512.872.465	44.000.000	6.829,83	(113,53)
51	19/03/2023	300.693.818.120	44.000.000	6.833,95	4,12
52	20/03/2023	294.738.126.455	44.000.000	6.698,59	(135,36)
53	21/03/2023	297.760.906.186	44.000.000	6.767,29	68,70
54	22/03/2023	300.079.156.158	44.000.000	6.819,98	52,69
55	23/03/2023	301.065.032.106	44.000.000	6.842,38	22,40
56	26/03/2023	302.424.192.433	44.000.000	6.873,27	30,89
57	27/03/2023	303.859.030.151	44.000.000	6.905,88	32,61
58	28/03/2023	304.533.776.985	44.000.000	6.921,22	15,34
59	29/03/2023	305.281.842.246	44.000.000	6.938,22	17,00
60	30/03/2023	306.935.791.206	44.000.000	6.975,81	37,59
61	31/03/2023	308.775.416.437	44.000.000	7.017,62	41,81
62	02/04/2023	308.759.912.958	44.000.000	7.017,27	(0,35)
63	03/04/2023	313.073.272.528	44.000.000	7.115,30	98,03
64	04/04/2023	312.952.920.965	44.000.000	7.112,56	(2,74)
65	05/04/2023	313.373.423.359	44.000.000	7.122,12	9,56
66	06/04/2023	310.371.868.566	44.000.000	7.053,90	(68,22)
67	09/04/2023	310.352.237.859	44.000.000	7.053,45	(0,45)
68	10/04/2023	309.918.365.819	44.000.000	7.043,59	(9,86)
69	11/04/2023	311.143.277.624	44.000.000	7.071,43	27,84
70	12/04/2023	310.841.385.035	44.000.000	7.064,57	(6,86)
71	13/04/2023	309.106.975.830	44.000.000	7.025,15	(39,42)
72	16/04/2023	305.856.607.895	44.000.000	6.951,28	(73,87)
73	17/04/2023	306.301.886.386	44.000.000	6.961,40	10,12
74	18/04/2023	306.157.232.590	44.000.000	6.958,11	(3,29)
75	19/04/2023	303.735.189.280	44.000.000	6.903,07	(55,04)
76	20/04/2023	303.003.417.003	44.000.000	6.886,44	(16,63)
77	23/04/2023	300.844.553.791	44.000.000	6.837,37	(49,07)
78	24/04/2023	300.834.142.294	44.000.000	6.837,13	(0,24)
79	25/04/2023	298.203.865.338	44.000.000	6.777,36	(59,77)
80	26/04/2023	300.536.689.430	44.000.000	6.830,37	53,01
81	27/04/2023	299.475.420.429	44.000.000	6.806,25	(24,12)
82	30/04/2023	302.262.497.548	44.000.000	6.869,60	63,35
83	03/05/2023	302.239.753.712	44.000.000	6.869,08	(0,52)
84	04/05/2023	298.847.194.442	44.000.000	6.791,98	(77,10)
85	07/05/2023	298.482.322.401	44.000.000	6.783,68	(8,30)
86	08/05/2023	301.710.644.114	44.000.000	6.857,06	73,38
87	09/05/2023	301.689.408.318	44.000.000	6.856,57	(0,49)
88	10/05/2023	303.203.937.597	44.000.000	6.890,99	34,42
89	11/05/2023	303.180.005.706	44.000.000	6.890,45	(0,54)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau (tiếp theo):

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
90	14/05/2023	306.463.103.537	44.000.000	6.965,07	74,62
91	15/05/2023	307.735.307.926	44.000.000	6.993,98	28,91
92	16/05/2023	307.365.643.773	44.000.000	6.985,58	(8,40)
93	17/05/2023	305.193.708.557	44.000.000	6.936,22	(49,36)
94	18/05/2023	307.673.620.783	44.000.000	6.992,58	56,36
95	21/05/2023	307.100.828.291	44.000.000	6.979,56	(13,02)
96	22/05/2023	308.501.412.075	44.000.000	7.011,39	31,83
97	23/05/2023	306.859.191.246	44.000.000	6.974,07	(37,32)
98	24/05/2023	304.984.271.186	44.000.000	6.931,46	(42,61)
99	25/05/2023	305.149.909.826	44.000.000	6.935,22	3,76
100	28/05/2023	304.738.963.825	44.000.000	6.925,88	(9,34)
101	29/05/2023	307.807.452.405	44.000.000	6.995,62	69,74
102	30/05/2023	308.387.808.302	44.000.000	7.008,81	13,19
103	31/05/2023	306.801.634.765	44.000.000	6.972,76	(36,05)
104	01/06/2023	308.154.215.250	44.000.000	7.003,50	30,74
105	04/06/2023	313.558.161.362	44.000.000	7.126,32	122,82
106	05/06/2023	314.735.479.129	44.000.000	7.153,07	26,75
107	06/06/2023	317.959.180.944	44.000.000	7.226,34	73,27
108	07/06/2023	318.916.883.076	44.000.000	7.248,11	21,77
109	08/06/2023	315.104.642.246	44.000.000	7.161,46	(86,65)
110	11/06/2023	317.521.085.734	44.000.000	7.216,38	54,92
111	12/06/2023	320.037.962.075	44.000.000	7.273,59	57,21
112	13/06/2023	321.684.590.049	44.000.000	7.311,01	37,42
113	14/06/2023	320.669.319.216	44.000.000	7.287,93	(23,08)
114	15/06/2023	320.079.277.345	44.000.000	7.274,52	(13,41)
115	18/06/2023	320.196.916.209	44.000.000	7.277,20	2,68
116	19/06/2023	317.281.416.951	44.000.000	7.210,94	(66,26)
117	20/06/2023	311.863.606.103	43.000.000	7.252,64	41,70
118	21/06/2023	314.053.084.240	43.000.000	7.303,56	50,92
119	22/06/2023	315.609.623.062	43.000.000	7.339,75	36,19
120	25/06/2023	318.171.614.994	43.000.000	7.399,33	59,58
121	26/06/2023	319.425.185.915	43.000.000	7.428,49	29,16
122	27/06/2023	320.315.704.044	43.000.000	7.449,20	20,71
123	28/06/2023	322.197.089.128	43.000.000	7.492,95	43,75
124	29/06/2023	317.723.269.536	43.000.000	7.388,91	(104,04)
125	30/06/2023	317.105.990.383	43.000.000	7.374,55	(14,36)
126	02/07/2023	317.090.281.227	43.000.000	7.374,19	(0,36)
127	03/07/2023	317.148.525.957	43.000.000	7.375,54	1,35
128	04/07/2023	318.446.355.791	43.000.000	7.405,72	30,18
129	05/07/2023	319.209.207.581	43.000.000	7.423,46	17,74
130	06/07/2023	316.288.996.787	43.000.000	7.355,55	(67,91)
131	09/07/2023	319.082.031.802	43.000.000	7.420,51	64,96
132	10/07/2023	322.947.108.316	43.000.000	7.510,39	89,88
133	11/07/2023	323.931.987.354	43.000.000	7.533,30	22,91
134	12/07/2023	316.351.987.841	42.000.000	7.532,19	(1,11)
135	13/07/2023	318.982.872.530	42.000.000	7.594,83	62,64
136	16/07/2023	320.194.441.250	42.000.000	7.623,67	28,84
137	17/07/2023	321.286.233.150	42.000.000	7.649,67	26,00
138	18/07/2023	321.896.417.835	42.000.000	7.664,20	14,53
139	19/07/2023	321.441.367.199	42.000.000	7.653,36	(10,84)

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau (tiếp theo):

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ tại ngày tính NAV VND	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
140	20/07/2023	460.414.636.242	60.000.000	7.673,57	20,21
141	23/07/2023	467.539.419.459	60.000.000	7.792,32	118,75
142	24/07/2023	509.219.336.642	65.000.000	7.834,14	41,82
143	25/07/2023	550.579.368.552	70.000.000	7.865,41	31,27
144	26/07/2023	552.124.560.747	70.000.000	7.887,49	22,08
145	27/07/2023	590.955.666.062	75.000.000	7.879,40	(8,09)
146	30/07/2023	597.183.771.960	75.000.000	7.962,45	83,05
147	31/07/2023	606.204.504.257	75.000.000	8.082,72	120,27
148	01/08/2023	601.946.871.704	75.000.000	8.025,95	(56,77)
149	02/08/2023	601.507.993.199	75.000.000	8.020,10	(5,85)
150	03/08/2023	597.359.947.085	75.000.000	7.964,79	(55,31)
151	06/08/2023	607.393.042.872	75.000.000	8.098,57	133,78
152	07/08/2023	615.777.975.589	75.000.000	8.210,37	111,80
153	08/08/2023	615.345.895.063	75.000.000	8.204,61	(5,76)
154	09/08/2023	611.456.704.690	75.000.000	8.152,75	(51,86)
155	10/08/2023	604.622.387.110	75.000.000	8.061,63	(91,12)
156	13/08/2023	611.758.113.221	75.000.000	8.156,77	95,14
157	14/08/2023	613.048.082.844	75.000.000	8.173,97	17,20
158	15/08/2023	611.956.874.235	75.000.000	8.159,42	(14,55)
159	16/08/2023	619.680.377.748	75.000.000	8.262,40	102,98
160	17/08/2023	615.169.978.145	75.000.000	8.202,26	(60,14)
161	20/08/2023	586.724.975.325	75.000.000	7.822,99	(379,27)
162	21/08/2023	586.811.656.091	75.000.000	7.824,15	1,16
163	22/08/2023	588.381.964.712	75.000.000	7.845,09	20,94
164	23/08/2023	583.187.728.805	75.000.000	7.775,83	(69,26)
165	24/08/2023	593.008.370.197	75.000.000	7.906,77	130,94
166	27/08/2023	589.054.901.952	75.000.000	7.854,06	(52,71)
167	28/08/2023	598.620.251.210	75.000.000	7.981,60	127,54
168	29/08/2023	599.788.436.896	75.000.000	7.997,17	15,57
169	30/08/2023	604.732.344.510	75.000.000	8.063,09	65,92
170	31/08/2023	609.133.808.960	75.000.000	8.121,78	58,69
171	04/09/2023	609.079.400.997	75.000.000	8.121,05	(0,73)
172	05/09/2023	614.032.886.986	75.000.000	8.187,10	66,05
173	06/09/2023	621.598.403.305	75.000.000	8.287,97	100,87
174	07/09/2023	619.211.990.695	75.000.000	8.256,15	(31,82)
175	10/09/2023	616.170.619.767	75.000.000	8.215,60	(40,55)
176	11/09/2023	607.088.311.996	75.000.000	8.094,51	(121,09)
177	12/09/2023	644.220.567.052	78.000.000	8.259,23	164,72
178	13/09/2023	640.155.668.282	78.000.000	8.207,12	(52,11)
179	14/09/2023	633.033.126.239	78.000.000	8.115,80	(91,32)
180	17/09/2023	635.423.002.065	78.000.000	8.146,44	30,64
181	18/09/2023	639.747.163.565	79.500.000	8.047,13	(99,31)
182	19/09/2023	640.675.718.588	79.500.000	8.058,81	11,68
183	20/09/2023	645.385.479.448	79.500.000	8.118,05	59,24
184	21/09/2023	637.398.568.008	79.500.000	8.017,59	(100,46)
185	24/09/2023	626.143.098.061	79.500.000	7.876,01	(141,58)
186	25/09/2023	606.446.813.755	79.500.000	7.628,26	(247,75)
187	26/09/2023	603.006.045.843	79.500.000	7.584,98	(43,28)
188	27/09/2023	610.936.740.525	79.500.000	7.684,73	99,75
189	28/09/2023	608.757.032.120	79.500.000	7.657,32	(27,41)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau (tiếp theo):

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
				tại ngày tính NAV VND	
190	30/09/2023	609.673.614.565	79.500.000	7.668,85	11,53
191	01/10/2023	609.660.012.499	79.500.000	7.668,67	(0,18)
192	02/10/2023	610.093.399.049	79.500.000	7.674,13	5,46
193	03/10/2023	591.181.299.035	79.500.000	7.436,24	(237,89)
194	04/10/2023	595.150.459.427	79.500.000	7.486,16	49,92
195	05/10/2023	587.806.295.145	79.500.000	7.393,78	(92,38)
196	08/10/2023	595.746.568.672	79.500.000	7.493,66	99,88
197	09/10/2023	608.821.243.705	80.500.000	7.562,99	69,33
198	10/10/2023	614.033.900.588	80.500.000	7.627,75	64,76
199	11/10/2023	617.722.740.432	80.500.000	7.673,57	45,82
200	12/10/2023	616.754.407.272	80.500.000	7.661,54	(12,03)
201	15/10/2023	617.330.998.309	80.500.000	7.668,70	7,16
202	16/10/2023	610.211.874.526	80.500.000	7.580,27	(88,43)
203	17/10/2023	603.759.396.083	80.500.000	7.500,11	(80,16)
204	18/10/2023	595.566.033.367	80.500.000	7.398,33	(101,78)
205	19/10/2023	584.626.793.701	80.500.000	7.262,44	(135,89)
206	22/10/2023	594.525.995.881	80.500.000	7.385,41	122,97
207	23/10/2023	585.618.105.035	80.500.000	7.274,75	(110,66)
208	24/10/2023	591.028.699.219	80.500.000	7.341,97	67,22
209	25/10/2023	589.007.894.008	80.500.000	7.316,86	(25,11)
210	26/10/2023	563.436.016.233	80.500.000	6.999,20	(317,66)
211	29/10/2023	564.776.179.532	80.500.000	7.015,85	16,65
212	30/10/2023	554.235.149.225	80.500.000	6.884,90	(130,95)
213	31/10/2023	549.862.318.053	80.500.000	6.830,58	(54,32)
214	01/11/2023	556.328.971.119	80.500.000	6.910,91	80,33
215	02/11/2023	575.261.822.634	80.500.000	7.146,10	235,19
216	05/11/2023	574.508.694.194	80.500.000	7.136,75	(9,35)
217	06/11/2023	583.583.852.808	80.500.000	7.249,48	112,73
218	07/11/2023	577.894.126.702	80.500.000	7.178,80	(70,68)
219	08/11/2023	597.568.226.906	80.500.000	7.423,20	244,40
220	09/11/2023	596.276.972.308	80.500.000	7.407,16	(16,04)
221	12/11/2023	588.885.483.244	80.500.000	7.315,34	(91,82)
222	13/11/2023	551.145.692.963	75.500.000	7.299,94	(15,40)
223	14/11/2023	535.224.121.816	72.500.000	7.382,40	82,46
224	15/11/2023	541.228.671.922	72.500.000	7.465,22	82,82
225	16/11/2023	541.568.873.505	72.500.000	7.469,91	4,69
226	19/11/2023	527.674.000.463	72.500.000	7.278,26	(191,65)
227	20/11/2023	527.333.942.429	72.500.000	7.273,57	(4,69)
228	21/11/2023	530.070.480.239	72.500.000	7.311,31	37,74
229	22/11/2023	530.628.872.677	72.500.000	7.319,01	7,70
230	23/11/2023	517.661.863.670	72.500.000	7.140,16	(178,85)
231	26/11/2023	519.850.919.627	72.500.000	7.170,35	30,19
232	27/11/2023	515.606.004.677	72.500.000	7.111,80	(58,55)
233	28/11/2023	520.424.986.978	72.500.000	7.178,27	66,47
234	29/11/2023	522.630.582.523	72.500.000	7.208,69	30,42
235	30/11/2023	517.142.196.906	72.500.000	7.132,99	(75,70)
236	03/12/2023	521.262.533.281	72.500.000	7.189,82	56,83
237	04/12/2023	529.260.402.897	72.500.000	7.300,14	110,32
238	05/12/2023	526.028.100.387	72.500.000	7.255,56	(44,58)
239	06/12/2023	530.206.485.429	72.500.000	7.313,19	57,63

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

17. GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG (tiếp theo)

Giá trị tài sản ròng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 như sau (tiếp theo):

STT	Ngày định giá	Giá trị tài sản ròng VND	Số lượng chứng chỉ quỹ CCQ	NAV/CCQ	Tăng/(giảm) NAV/CCQ VND
				tại ngày tính NAV VND	
240	07/12/2023	531.109.516.710	72.500.000	7.325,64	12,45
241	10/12/2023	532.766.238.891	72.500.000	7.348,49	22,85
242	11/12/2023	533.992.483.556	72.500.000	7.365,41	16,92
243	12/12/2023	535.725.545.514	72.500.000	7.389,31	23,90
244	13/12/2023	528.845.485.204	72.500.000	7.294,42	(94,89)
245	14/12/2023	527.718.661.189	72.500.000	7.278,87	(15,55)
246	17/12/2023	524.296.079.440	72.500.000	7.231,67	(47,20)
247	18/12/2023	532.502.859.488	74.500.000	7.147,68	(83,99)
248	19/12/2023	541.056.638.580	75.200.000	7.194,90	47,22
249	20/12/2023	543.588.968.915	75.200.000	7.228,57	33,67
250	21/12/2023	558.245.772.825	77.200.000	7.231,16	2,59
251	24/12/2023	558.218.794.427	77.200.000	7.230,81	(0,35)
252	25/12/2023	565.527.986.890	77.200.000	7.325,49	94,68
253	26/12/2023	567.374.773.916	77.200.000	7.349,41	23,92
254	27/12/2023	567.776.939.832	77.200.000	7.354,62	5,21
255	28/12/2023	574.161.618.723	77.200.000	7.437,32	82,70
256	31/12/2023	575.620.476.005	77.200.000	7.456,22	18,90

Giá trị tài sản ròng bình quân trong kỳ (VND) 451.008.591.724

Biến động Giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ ETF

- Mức cao nhất trong năm (VND) 379,27
 - Mức thấp nhất trong năm (VND) 0,18

18. SỐ LƯỢNG CHỨNG CHỈ QUỸ ĐANG LƯU HÀNH

	Ngày 31 tháng 12 năm 2023	Ngày 31 tháng 12 năm 2022
	Chứng chỉ quỹ	Chứng chỉ quỹ
Số lượng chứng chỉ quỹ đang lưu hành được nhà đầu tư nắm giữ	77.200.000	61.500.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC

19.1 Nghiệp vụ với các bên liên quan

Các bên được xem như là các bên liên quan khi một bên có khả năng kiểm soát bên kia hoặc có ảnh hưởng trọng yếu đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định tài chính và hoạt động kinh doanh.

Công ty Quản lý Quỹ và Ban Đại diện Quỹ

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)				
			Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	
Công ty TNHH Quản Công ty lý Quỹ KIM Việt Nam Quản lý Quỹ		Phi quản lý Quỹ	(183.391.823)	(2.480.651.364)	2.410.435.759	(253.607.428)	2.480.651.364
Ban Đại diện Quỹ	Quản lý Quỹ	Thù lao Ban Đại diện Quỹ	(19.903.225)	(60.000.000)	64.903.225	(15.000.000)	60.000.000

Công ty TNHH Quản lý Quỹ KIM Việt Nam
Quỹ ETF KIM Growth VN30

B06-ETF

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

19. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN VÀ CÁC HỢP ĐỒNG THEN CHỐT KHÁC (tiếp theo)

19.2 Các hợp đồng then chốt khác

Ngân hàng Giám sát

Theo hợp đồng giám sát và lưu ký ký với Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam ("Ngân hàng Giám sát"), Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ giám sát là 0,02% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 5.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng, và giá dịch vụ lưu ký là 0,06% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 20.000.000 VND một tháng.

Ngân hàng Giám sát cũng đồng thời là tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ. Quỹ có nghĩa vụ phải trả cho Ngân hàng Giám sát một khoản giá dịch vụ quản trị quỹ là 0,03% một năm tính trên giá trị tài sản ròng của Quỹ với mức tối thiểu là 15.000.000 VND một tháng, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Các giao dịch trọng yếu trong năm như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Các giao dịch	Phải thu/(Phải trả)				Chi phí VND
			Ngày 31 tháng 12 năm 2022 VND	Tăng trong kỳ VND	Giảm trong kỳ VND	Ngày 31 tháng 12 năm 2023 VND	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Ngân hàng Giám sát	Tiền gửi thanh toán Phải trả dịch vụ lưu ký - bảo quản tài sản Phải trả dịch vụ lưu ký - giao dịch chứng khoán Phải trả dịch vụ giám sát Phải trả dịch vụ quản trị quỹ	1.034.921.452 (20.338.088) -	284.195.740.177 (291.482.837) (49.590.692) (99.243.582) (199.094.308)	(284.121.280.468) 284.154.661 49.590.692 96.434.957 199.094.308	1.109.179.820 (27.666.264) -	- 291.482.837 49.590.692 99.243.582 199.094.308

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

20. CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

	<i>Cho kỳ kế toán từ ngày 7 tháng 12 năm 2021 đến ngày 31 tháng 12 năm 2022</i>	
	<i>Năm nay %</i>	<i>năm 2022 %</i>
Tỷ lệ chi phí hoạt động trong kỳ	0,94	1,23
Tốc độ vòng quay danh mục trong kỳ	20,53	17,70

20.1 Tỷ lệ chi phí hoạt động

Tỷ lệ chi phí hoạt động là tỷ lệ đánh giá chi phí hoạt động của Quỹ ETF tính cho một đơn vị giá trị tài sản ròng. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân tỷ lệ chi phí hoạt động với tỷ trọng thời gian hoạt động thực tế của Quỹ trong 1 năm.

Tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động} * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

Những chi phí không được tính vào chi phí hoạt động của Quỹ khi tính chỉ tiêu tỷ lệ chi phí hoạt động bao gồm:

- Chi phí lãi vay;
- Chi phí lãi, lỗ tỷ giá hối đoái (bao gồm đã thực hiện và chưa thực hiện);
- Thuế khấu trừ tại nguồn đối với thu nhập của các nhà đầu tư hoặc thuế phát sinh từ các khoản thu nhập đã nộp trong năm (thuế Thu nhập doanh nghiệp), bao gồm cả thuế nhà thầu;
- Chi phí hoán đổi, chi phí bán chứng chỉ quỹ và các chi phí khác phát sinh từ việc hoán đổi, bán chứng chỉ quỹ; và
- Các khoản cổ tức và các khoản phân phối khác đã trả cho nhà đầu tư.

20.2 Tốc độ vòng quay danh mục

Tốc độ vòng quay danh mục là số quay vòng tài sản đầu tư của Quỹ ETF trong một (1) năm. Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023, tỷ lệ này được tính toán trên cơ sở hoạt động tròn năm bằng cách nhân tỷ lệ chi phí hoạt động với tỷ trọng thời gian hoạt động thực tế của Quỹ trong 1 năm.

Tốc độ vòng quay danh mục được xác định theo công thức:

$$\text{Tốc độ vòng quay danh mục (\%)} = \frac{(\text{Tổng giá trị hoán đổi trong năm} + \text{Tổng giá trị bán trong năm}) / 2 * 100\%}{\text{Giá trị tài sản ròng (NAV) trung bình trong năm}}$$

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Quý có các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết, tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Quý. Nợ phải trả tài chính của Quý chủ yếu bao gồm các khoản phải trả Công ty Quản lý Quỹ, phải trả nhà cung cấp dịch vụ, phải trả cho Nhà đầu tư và phải trả dịch vụ quản lý Quỹ. Quý không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Quý có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản. Công ty Quản lý Quỹ đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Điều hành Công ty Quản lý Quỹ liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Quý để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Điều hành xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền gửi và các khoản chứng khoán đầu tư.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Quý chủ yếu liên quan đến tiền gửi ngân hàng của Quý. Tài sản này có tính thanh khoản cao và không được Quý nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc chờ tăng giá.

Công ty Quản lý Quỹ quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Quý và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Quý không áp dụng phương pháp phân tích độ nhạy đối với lãi suất do danh mục đầu tư của Quý là các khoản tiền gửi thanh toán, có rủi ro lãi suất thấp tại ngày lập báo cáo tài chính.

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị thay đổi xuất phát từ những thay đổi về tỷ giá.

Quý được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo và giao dịch chính của Quý là VND. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái của Quý là không có do Quý không nắm giữ tài sản và nợ phải trả bằng ngoại tệ tại ngày 31 tháng 12 năm 2023.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thị trường (tiếp theo)

Rủi ro về giá cổ phiếu niêm yết

Các cổ phiếu đã niêm yết do Quý nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Quý quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Công ty Quản lý Quỹ xem xét các quyết định đầu tư trong hạn mức được quy định.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết của Quý là 575.065.083.850 đồng Việt Nam. Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 10% thì kết quả hoạt động đầu tư của Quý sẽ giảm 57.506.508.385 đồng Việt Nam, phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 10%, kết quả hoạt động đầu tư của Quý sẽ tăng lên 57.506.508.385 đồng Việt Nam.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Quý có rủi ro tín dụng từ tiền gửi ngân hàng và các khoản phải thu.

Công ty Quản lý Quỹ đánh giá rằng rủi ro tín dụng của Quý ở mức thấp vì Quý duy trì số dư tiền gửi tại các Ngân hàng có uy tín hoạt động tại Việt Nam đã được Ban Đại diện Quỹ phê duyệt. Các khoản phải thu là dự thu cổ tức tại thời điểm cuối kỳ kế toán có thời hạn thanh toán ngắn, các bên đối tác có chỉ số tín dụng ở mức an toàn.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Quý gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Quý chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Quản lý Quỹ thường xuyên đánh giá các yêu cầu về thanh khoản, phân tích thời gian ra/vào của các luồng tiền và giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền gửi ngân hàng ở mức mà Ban Đại diện cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Quý và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

21. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

Rủi ro thanh khoản (tiếp theo)

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính của Quỹ dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng:

	<i>Bất kỳ lúc nào VND</i>	<i>Dưới 3 tháng VND</i>	<i>Tổng cộng VND</i>
Tài sản			
Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF	1.109.179.820	-	1.109.179.820
Các khoản đầu tư	-	575.065.083.850	575.065.083.850
Các khoản phải thu	-	204.250.000	204.250.000
Tổng tài sản	1.109.179.820	575.269.333.850	576.378.513.670
Nợ phải trả			
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	-	1.500.000	1.500.000
Chi phí phải trả	-	153.900.000	153.900.000
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	-	602.637.665	602.637.665
Tổng nợ phải trả	-	758.037.665	758.037.665
Mức chênh thanh khoản ròng	1.109.179.820	574.511.296.185	575.620.476.005

Quỹ cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Quỹ có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn để thực hiện các nghĩa vụ hiện tại.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
 tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

22. THUYẾT MINH BỔ SUNG TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Quỹ tại thời điểm cuối kỳ:

	<i>Ngày 31 tháng 12 năm 2023</i>	
	<i>Giá trị ghi sổ VND</i>	<i>Giá trị hợp lý VND</i>
Tài sản tài chính		
Tiền gửi ngân hàng và tương đương tiền	1.109.179.820	1.109.179.820
- Tiền gửi ngân hàng cho hoạt động của quỹ ETF	<i>1.109.179.820</i>	<i>1.109.179.820</i>
Các khoản đầu tư thuần	575.065.083.850	575.065.083.850
- Cổ phiếu niêm yết	<i>575.065.083.850</i>	<i>575.065.083.850</i>
Các khoản phải thu	204.250.000	204.250.000
	<u>576.378.513.670</u>	<u>576.378.513.670</u>
Nợ phải trả tài chính		
Chi phí phải trả	602.637.665	(*)
Phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF	153.900.000	(*)
	<u>756.537.665</u>	

(*) Giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính này không xác định được vì Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Hệ thống kế toán các quỹ hoán đổi danh mục và các quy định của Bộ Tài chính chưa hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính phải trả được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Quỹ sử dụng phương pháp và giá định sau đây để ước tính giá trị hợp lý:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu, chi phí phải trả, phải trả dịch vụ quản lý quỹ ETF bằng với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của cổ phiếu được ước tính theo phương pháp định giá quy định tại *Thuyết minh 3.3.*

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 và cho năm tài chính kết thúc cùng ngày

23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN NĂM

Không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính của Quý.

Người lập:

Bà Võ Xuân Quý
Kế toán

Người phê duyệt:

Bà Nguyễn Trần Thủy Trang
Kế toán Trưởng

Người phê duyệt:



Ông Yun Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 27 tháng 3 năm 2024

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
QUỸ ETF KIM GROWTH VN30

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2024

MỤC LỤC

CÁC ĐỊNH NGHĨA	6
Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG	9
Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ của Quỹ	9
Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ	9
Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ	9
Điều 4. Tổng vốn huy động và số Lô Chứng Chỉ Quỹ chào bán	9
Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ	10
Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ.....	10
Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát	10
Chương II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ	10
Điều 8. Mục tiêu đầu tư.....	10
Điều 9. Chiến lược đầu tư	10
Điều 10. Hạn chế đầu tư.....	11
Điều 11. Hạn chế hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ....	13
Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư	13
Chương III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỐ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ	13
Điều 13. Nhà Đầu Tư	13
Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư	14
Điều 15. Điều kiện đối với Nhà Đầu Tư tham gia Giao Dịch Hoán Đổi Danh Mục	15
Điều 16. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư	15
Điều 17. Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi.....	15
Điều 18. Giao dịch hoán đổi Danh Mục Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại (Giao dịch sơ cấp)	16
Điều 19. Mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ	20
Điều 20. Giao dịch Chứng Chỉ Quỹ ETF trên HOSE (giao dịch thứ cấp).....	21
Điều 21. Giá Phát Hành, Giá Mua Lại, Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Mua Lại	22
Điều 22. Chuyển nhượng phí thương mại.....	23
Chương IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ	23
Điều 23. Đại Hội Nhà Đầu Tư	23
Điều 24. Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường	24
Điều 25. Điều kiện tiến hành cuộc họp và thông qua quyết định Đại Hội Nhà Đầu Tư	24
Điều 26. Thẻ thức tiến hành cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư bằng văn bản.....	25
Điều 27. Thông qua quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư	26
Điều 28. Phản đối nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư	27
Chương V: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ	27
Điều 29. Ban Đại Diện Quỹ	27
Điều 30. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ	28
Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ.....	28
Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ	29
Điều 33. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quỹ	29
Điều 34. Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ.....	29

Điều 35.	Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ	29
Điều 36.	Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ	30
Chương VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ		30
Điều 37.	Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ.....	30
Điều 38.	Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ	30
Điều 39.	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ.....	31
Điều 40.	Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ	32
Chương VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT		33
Điều 41.	Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát	33
Điều 42.	Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát	33
Điều 43.	Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát	34
Điều 44.	Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát	35
Chương VIII: CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN		36
Điều 45.	Các hoạt động được ủy quyền	36
Điều 46.	Tiêu chí lựa chọn Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ liên quan	36
Điều 47.	Trách nhiệm của Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ liên quan	36
Điều 48.	Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền	37
Điều 49.	Chấm dứt hoạt động ủy quyền	37
Chương IX: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI.....		38
Điều 50.	Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ.....	38
Chương X: THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG.....		39
Điều 51.	Điều kiện lựa chọn Thành Viên Lập Quỹ	39
Điều 52.	Quyền và trách nhiệm của Thành Viên Lập Quỹ	39
Điều 53.	Tổ chức tạo lập thị trường.....	40
Chương XI: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO		40
Điều 54.	Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán	40
Điều 55.	Năm tài chính	41
Điều 56.	Chế độ kế toán	41
Chương XII: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ		41
Điều 57.	Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ	41
Điều 58.	Nguyên tắc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng	42
Điều 59.	Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng	42
Điều 60.	Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Quỹ	44
Chương XIII: GIÁ DỊCH VỤ, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ.....		44
Điều 61.	Các loại giá dịch vụ, chi phí do Quỹ trả.....	44
Điều 62.	Thu nhập của Quỹ.....	47
Điều 63.	Chi phí hoạt động của Quỹ.....	47
Điều 64.	Phân chia lợi tức của Quỹ.....	48
Chương XIV: TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ		49
Điều 65.	Hợp nhất, sáp nhập Quỹ	49
Điều 66.	Giải thể Quỹ.....	50
Chương XV: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH		52

Điều 67.	Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quỹ và các quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ	52
Chương XVI: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ		52
Điều 68.	Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư	52
Điều 69.	Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ	52
Điều 70.	Đăng ký Điều Lệ Quỹ và Điều khoản thi hành	52
Phụ lục 1		
CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ		54
Phụ lục 2		
CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT		55
Phụ lục 3		
CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT		56

CƠ SỞ PHÁP LÝ

Việc thành lập và hoạt động của Quỹ ETF KIM Growth VN30 và các vấn đề liên quan chịu sự điều chỉnh của:

1. Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 do Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua và có hiệu lực từ ngày 01/01/2021 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Doanh nghiệp;
2. Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019 do Quốc hội Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ("**Luật Chứng khoán**");
3. Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 do Chính phủ ban hành quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
4. Nghị định số 156/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 do Chính phủ ban hành quy định về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực chứng khoán và thị trường chứng khoán;
5. Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn hoạt động và quản lý Quỹ đầu tư chứng khoán ("**Thông tư 98**");
6. Thông tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán;
7. Thông tư số 125/2011/TT-BTC ngày 05/9/2011 của Bộ Tài Chính hướng dẫn kế toán áp dụng đối với công ty quản lý quỹ;
8. Thông tư số 198/2012/TT-BTC ngày 15/11/2012 của Bộ Tài chính về chế độ kế toán áp dụng đối với Quỹ mở;
9. Thông tư số 51/2021/TT-BTC ban hành ngày 30/6/2021 hướng dẫn nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;
10. Thông tư số 197/2015/TT-BTC ngày 03/12/2015 của Bộ Tài chính quy định về hành nghề chứng khoán;
11. Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
12. Thông Tư số 181/2015/TT-BTC ngày 13 tháng 11 năm 2015 của Bộ Tài Chính về chế độ kế toán áp dụng đối với quỹ hoán đổi danh mục;
13. Thông tư 127/2018/TT-BTC ngày 27 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính quy định về giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại Sở giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam do Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành;
14. Thông tư số 128/2018/TT-BTC ngày 27/12/2018 của Bộ Tài chính quy định giá dịch vụ trong lĩnh vực chứng khoán áp dụng tại các tổ chức kinh doanh chứng khoán, ngân hàng thương mại tham gia vào thị trường chứng khoán Việt Nam; và
15. Các văn bản pháp luật hướng dẫn có liên quan.

CÁC ĐỊNH NGHĨA

Trừ khi ngữ cảnh có quy định khác đi, những từ và cụm từ dưới đây sẽ mang nghĩa như sau:

“Quỹ Hoán Đổi Danh Mục” hoặc “Quỹ ETF”	Là Quỹ ETF KIM Growth VN30, một loại hình quỹ mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ. Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
“Công Ty Quản Lý Quỹ”	Là Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 59/UBCK-GP ngày 01 tháng 10 năm 2020 và Giấy phép điều chỉnh số 84/GPĐC-UBCK ngày 24 tháng 12 năm 2020; Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305683167 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 01/10/2020 và cấp thay đổi lần thứ 2 ngày 13/12/2021. Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam được Nhà Đầu Tư ủy thác quản lý Quỹ ETF KIM Growth VN30, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ này; và được ủy quyền ký hợp đồng giám sát với Ngân Hàng Giám Sát.
“Ngân Hàng Giám Sát”	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0100112437 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008 và đăng ký thay đổi lần 13 ngày 16/01/2019 và Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Hoạt Động Lưu Ký Chứng Khoán số 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp ngày 02/5/2003, Giấy Chứng Nhận Thành Viên Lưu Ký số 18/GCNTVLK do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006, cung cấp các dịch vụ (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của Quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ quản lý tài sản của Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
“Công Ty Kiểm Toán”	Là Công Ty Kiểm Toán độc lập cho Quỹ ETF, nằm trong danh sách Công Ty Kiểm Toán được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận, thực hiện việc kiểm toán hàng năm tài sản của Quỹ ETF. Công Ty Kiểm Toán được Đại Hội Nhà Đầu Tư (hoặc Ban Đại Diện Quỹ theo ủy quyền của Đại Hội Nhà Đầu Tư) quyết định hàng năm theo Điều Lệ Quỹ và pháp luật có liên quan.
“Điều Lệ Quỹ”	Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có).
“Bản Cáo Bạch”	Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán, phát hành và niêm yết Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ.
“Hợp Đồng Giám Sát”	Là hợp đồng được ký kết giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư của Quỹ.
“Nhà Đầu Tư”	Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ Chứng Chỉ Quỹ.
“Đại Hội Nhà Đầu Tư”	Là đại hội các Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ.
“Ban Đại Diện Quỹ”	Là những người đại diện cho Nhà Đầu Tư được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu ra để thay mặt Nhà Đầu Tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
“Vốn Điều Lệ”	Là tổng số vốn bằng tiền hoặc giá trị cổ phiếu do tất cả do tất cả Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thực góp tại đợt phát hành Chứng Chỉ Quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều Lệ Quỹ.

“Chứng Chỉ Quỹ” hoặc “Chứng Chỉ Quỹ ETF”	Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của Nhà Đầu Tư đối với một phần vốn góp tại Quỹ. Mệnh giá 01 Chứng Chỉ Quỹ là 10.000 đồng.
“Lô Chứng Chỉ Quỹ” hoặc “Lô ETF”	Một lô chứng chỉ Quỹ ETF bao gồm một trăm nghìn (100.000) Chứng Chỉ Quỹ. Lô ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa Quỹ ETF và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư.
“Giá Dịch Vụ Phát Hành”	Là giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi mua các Lô Chứng Chỉ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng hoặc thực hiện giao dịch hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ.
“Giá Dịch Vụ Mua Lại”	Là mức giá dịch vụ mà Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ phải trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu.
“Lợi Tức Quỹ”	Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư.
“Năm Tài Chính”	Bắt đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. Trường hợp thời gian từ đầu ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn chín mươi (90) ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.
“Giá Trị Tài Sản Ròng” hay “NAV”	Là tổng giá trị thị trường các tài sản có trong danh mục trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày trước Ngày Định Giá.
“Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu Trên Một Chứng Chỉ Quỹ” hay “iNAV”	Là Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ ETF được xác định trong phiên giao dịch.
“Ngày Định Giá”	Là ngày mà Công Ty Quản Lý Quỹ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ theo quy định của pháp luật hiện hành.
“Ngày Giao Dịch Hoán Đổi”	Là Ngày Định Giá mà Quỹ ETF, thông qua Công Ty Quản Lý Quỹ phát hành và mua lại các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư theo cơ chế hoán đổi danh mục.
“Thời Điểm Đóng Sở Lệnh”	Là thời điểm cuối cùng mà Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối nhận lệnh giao dịch hoán đổi từ Nhà Đầu Tư để thực hiện trong Ngày Giao Dịch Hoán Đổi. Thời Điểm Đóng Sở Lệnh được quy định tại Điều Lệ Quỹ, công bố công khai tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt và không được muộn hơn thời điểm đóng cửa thị trường trong Ngày Giao Dịch Hoán Đổi của HOSE nơi Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết.
“Thành Viên Lập Quỹ”	Là công ty chứng khoán có đăng ký hoạt động môi giới và tự doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký đã ký hợp đồng lập Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.
“Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường”	Là Thành Viên Lập Quỹ được Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn để ký hợp đồng cung cấp dịch vụ tạo lập thị trường cho Quỹ.
“Đại Lý Phân Phối”	Là các Thành Viên Lập Quỹ hoặc các công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán, có Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động phân phối Chứng Chỉ Quỹ đại chúng và đã ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.

“Đại Lý Chuyển Nhượng”	Là Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc nhà cung cấp dịch vụ được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng theo quy định tại Điều Lệ Quỹ này.
“Chỉ Số Tham Chiếu”	Là chỉ số VN30, chỉ số theo quy mô vốn hóa thị trường, gồm 30 cổ phiếu thành phần, đại diện cho hoạt động của 30 công ty niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) có giá trị vốn hóa và thanh khoản lớn hàng đầu, đáp ứng tư cách tham gia vào bộ chỉ số và các điều kiện sàng lọc theo quy định. Chỉ số này do HOSE xây dựng phù hợp quy định của pháp luật hiện hành. Thông tin chi tiết của chỉ số này tham khảo tại trang thông tin điện tử của HOSE.
“Chứng Khoán Cơ Cấu”	Là chứng khoán cơ sở cấu thành danh mục chứng khoán của Chỉ số VN30, không bao gồm chứng khoán phái sinh.
“Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu”	Là danh mục bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu được thiết kế nhằm mô phỏng biến động của Chỉ Số Tham Chiếu và được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp nhận trong giao dịch hoán đổi lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF.
“Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi”	Bao gồm: Lệnh mua, trong đó Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và phát hành các Lô Chứng Chỉ Quỹ; và Lệnh bán, trong đó Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư yêu cầu Quỹ tiếp nhận các Lô Chứng Chỉ Quỹ và hoàn trả Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu.
“Hoán Đổi Danh Mục”	Là việc đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại. Giao dịch Hoán Đổi Danh Mục được thực hiện giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đáp ứng các điều kiện quy định tại Bản Cáo Bạch và Điều Lệ này.
“Ngày Làm Việc”	Là bất kỳ ngày nào không phải thứ Bảy, Chủ Nhật hoặc ngày nghỉ lễ mà vào ngày đó các sàn giao dịch chứng khoán và các ngân hàng tại Việt Nam mở cửa hoạt động kinh doanh bình thường.
“Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư”	Là tài liệu dưới bất kỳ hình thức nào ghi nhận thông tin về Nhà Đầu Tư và tình trạng sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư.
“Bỏ phiếu điện tử (e-voting)”	Là hình thức giúp các Nhà Đầu Tư có thể thực hiện quyền bỏ phiếu của mình qua mạng internet, thông qua máy tính và các thiết bị di động.
“VSDC”	Là Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam hoặc bất kỳ cơ quan nào khác thay thế hoặc kế thừa quyền hạn và nghĩa vụ của cơ quan này.
“UBCKNN”	Là Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước Việt Nam.
“HOSE” hoặc “Sở Giao Dịch Chứng Khoán”	Là Sở Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh.
“VNĐ” hay “Đồng Việt Nam”	Là đồng tiền đang lưu hành hợp pháp của Việt Nam.
“Các Định Nghĩa Khác”	Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan.

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ của Quỹ

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt: Quỹ ETF KIM Growth VN30

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh: KIM Growth VN30 ETF

Tên viết tắt: KIM VN30 ETF

Địa chỉ liên hệ: Công ty TNHH quản lý quỹ KIM Việt Nam,

- Trụ sở chính: Phòng 1807 – 1808, Tầng 18, Tòa nhà mPlaza Saigon, Số 39 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

- Điện thoại: 028 3824 2220

Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ

Thời gian hoạt động của Quỹ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Thành Lập Quỹ và không giới hạn về thời hạn hoạt động.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ

Quỹ ETF KIM Growth VN30 là Quỹ đại chúng dạng mở, hình thành từ việc tiếp nhận, hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ cấu lầy Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật Việt Nam, Chứng Chỉ Quỹ được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán..

Điều 4. Tổng vốn huy động và số Lô Chứng Chỉ Quỹ chào bán

4.1. Tổng vốn của Quỹ do vốn đóng góp của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư tạo thành. Vốn Điều Lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ tối thiểu là 50.000.000.000 VNĐ. Số vốn này được chia thành 50 Lô Chứng Chỉ Quỹ.

4.2. Mệnh giá của một Chứng Chỉ Quỹ là 10.000 VNĐ.

4.3. Trong đợt chào bán lần đầu, mỗi Nhà Đầu Tư đăng ký mua tối thiểu 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ, mỗi Thành Viên Lập Quỹ đăng ký mua các Lô Chứng Chỉ Quỹ theo thỏa thuận giữa Thành Viên Lập Quỹ và Công ty Quản Lý Quỹ nhưng đảm bảo không thấp hơn 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ.

4.4. Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư tham gia góp vốn thành lập quỹ bằng việc hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lầy các Lô Chứng Chỉ Quỹ do Quỹ phát hành, trừ trường hợp quy định tại Điều 4.5. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và số lượng các Lô Chứng Chỉ Quỹ phân phối cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được xác định trên cơ sở Chỉ Số Tham Chiếu của ngày giao dịch cuối cùng trong đợt chào bán.

4.5. Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ chỉ được tham gia góp vốn thành lập Quỹ bằng tiền trong các trường hợp sau đây:

4.5.1. Phát sinh chênh lệch giữa giá trị của Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và Giá Phát Hành của Lô Chứng Chỉ Quỹ.

4.5.2. Những mã chứng khoán nằm trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư bị hạn chế chuyển nhượng, bị hạn chế đầu tư do bị giới hạn tỷ lệ sở hữu nước ngoài tại thời điểm thực hiện giao dịch.

4.5.3. Chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi phát sinh sự kiện doanh nghiệp như chia cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ trong khoảng thời gian thực hiện góp vốn.

4.5.4. Quy trình thực hiện việc thanh toán bổ sung bằng tiền mặt được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

4.6. Trình tự, thủ tục, điều kiện đăng ký và góp vốn thành lập Quỹ được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

4.7. Toàn bộ Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được phong tỏa tại VSDC. Ngay sau khi Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, các tài sản này được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Quỹ mở tại Ngân Hàng Giám Sát.

4.8. Trong vòng 30 ngày kể từ thời điểm Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ hoàn tất các thủ tục niêm yết Chứng Chỉ Quỹ tại HOSE.

Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ

Đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán Chứng Chỉ Quỹ ra công chúng.

Điều 6. Công Ty Quản Lý Quỹ

Tên Công ty:	CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	59/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 01/10/2020 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Địa chỉ trụ sở chính:	Phòng 1807-1808 Tầng 18, Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại:	028 3824 2220

Điều 7. Ngân Hàng Giám Sát

Tên Ngân Hàng Giám Sát:	NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	106/GP-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 17/12/2019 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0100112437 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16/01/2019
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số:	14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003
Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số	18/GCNTVLK do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006
Địa chỉ trụ sở chính:	198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại:	024 3934 3137

Chương II: CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ

Điều 8. Mục tiêu đầu tư

Mục tiêu đầu tư của Quỹ là mô phỏng gần nhất có thể về biến động của Chỉ Số Tham Chiếu sau khi trừ đi chi phí của Quỹ. Chỉ Số Tham Chiếu là chỉ số VN30 do HOSE xây dựng và quản lý như được mô tả chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đảm bảo mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE.

Điều 9. Chiến lược đầu tư

9.1. Chiến lược đầu tư

- 9.1.1. Quỹ sử dụng chiến lược đầu tư thụ động với mục tiêu bám sát tỉ lệ lợi nhuận của Chỉ Số Tham Chiếu bằng cách đầu tư vào Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Chỉ Số Tham Chiếu.
- 9.1.2. Khi danh mục trên có sự thay đổi thì Quỹ sẽ thực hiện điều chỉnh danh mục của Quỹ để phù hợp với danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu và tỷ trọng tài sản.
- 9.1.3. Quỹ sẽ hướng đến việc có kết quả tương đồng với chỉ số tham chiếu và không thực hiện chiến lược phòng thủ khi thị trường giảm và không hiện thực hóa lợi nhuận khi thị trường được định giá cao. Việc đầu tư thụ động nhằm giảm thiểu

chi phí và mô phỏng gần hơn chỉ số tham chiếu bằng cách duy trì tỷ lệ vòng quay vốn đầu tư thấp hơn so với các quỹ sử dụng chiến lược đầu tư chủ động.

9.1.4. Quỹ có sự linh hoạt trong phân bổ tài sản đầu tư tùy thuộc vào tình hình thị trường và cơ hội đầu tư tại từng thời điểm khác nhau dựa trên nhận định của Công Ty Quản Lý Quỹ với mục tiêu xuyên suốt trong toàn bộ thời gian hoạt động của Quỹ là bảo vệ lợi ích của Nhà Đầu Tư. Tuy nhiên, việc phân bổ tài sản đầu tư không được vượt quá những hạn chế đầu tư quy định tại Điều Lệ, Bản Cáo Bạch và pháp luật hiện hành.

9.2. Lĩnh vực, ngành nghề dự định đầu tư

Quỹ được phép đầu tư vào tất cả các ngành, nghề của thị trường chứng khoán Việt Nam mà pháp luật không cấm, phù hợp với chiến lược đầu tư của Quỹ.

9.3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư

9.3.1. Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu về cơ cấu, tỷ trọng tài sản, bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ Số Tham Chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu). Giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ Số Tham Chiếu. Danh Mục Đầu Tư có mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu gần nhất không vượt quá mức sai lệch tối đa theo quy định của HOSE và các quy định của pháp luật.

9.3.2. Danh mục đầu tư của Quỹ bao gồm các Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu và các tài sản chính sau đây tại Việt Nam. Việc đầu tư vào chứng khoán phái sinh chỉ nhằm mục đích phòng ngừa rủi ro và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu.

- a) Tiền gửi tại các ngân hàng thương mại theo quy định của pháp luật ngân hàng;
- b) Công cụ thị trường tiền tệ bao gồm giấy tờ có giá, công cụ chuyển nhượng theo quy định của pháp luật;
- c) Công cụ nợ của Chính phủ, trái phiếu được chính phủ bảo lãnh, trái phiếu chính quyền địa phương;
- d) Trái phiếu niêm yết trên các sở giao dịch chứng khoán, chứng chỉ quỹ đại chúng;
- e) Cổ phiếu niêm yết và cổ phiếu đăng ký giao dịch tại các sở giao dịch chứng khoán của Việt Nam.
- f) Chứng khoán phái sinh niêm yết giao dịch tại các Sở Giao dịch Chứng khoán và chỉ nhằm mục tiêu phòng ngừa rủi ro cho chứng khoán cơ sở mà Quỹ đang nắm giữ và giảm thiểu mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu;
- g) Quyền phát sinh gắn liền với chứng khoán mà Quỹ đang nắm giữ.

9.3.3. Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ được gửi tiền và đầu tư vào công cụ thị trường tiền tệ quy định tại điểm a, b Điều 9.3.2 của các tổ chức tín dụng trong danh sách đã được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.

Điều 10. Hạn chế đầu tư

10.1. Cơ cấu danh mục đầu tư của Quỹ phải đảm bảo tuân thủ các nguyên tắc sau:

10.1.1. Không được đầu tư vào Chứng Chỉ Quỹ của Quỹ ETF KIM Growth VN30.

10.1.2. Không được đầu tư vào chứng khoán của một tổ chức phát hành quá 10% tổng giá trị chứng khoán đang lưu hành của tổ chức đó, ngoại trừ công cụ nợ của Chính phủ.

10.1.3. Không được đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng khoán đang lưu hành và các tài sản khác (nếu có) quy định tại điểm a,b, Điều 9.3.2 Điều lệ này của một tổ chức phát hành, ngoại trừ công cụ nợ Chính phủ.

- 10.1.4. Trừ trường hợp là Chứng khoán cơ cấu nằm trong danh mục Chỉ số tham chiếu, không được đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các tài sản quy định tại điểm a, b, d, e Điều 9.3.2 được phát hành bởi các công ty trong cùng một nhóm công ty có quan hệ sở hữu với nhau thuộc các trường hợp sau đây: công ty mẹ, công ty con; các công ty sở hữu trên 35% cổ phần, phần vốn góp của nhau; nhóm công ty con có cùng một công ty mẹ.
- 10.1.5. Không được đầu tư trực tiếp vào bất động sản, cổ phiếu chưa niêm yết, cổ phiếu chưa đăng ký giao dịch của công ty đại chúng, phần vốn góp tại công ty trách nhiệm hữu hạn, trái phiếu phát hành riêng lẻ, trừ trường hợp đó là các tài sản Quỹ được hưởng lợi từ các quyền của chủ sở hữu.
- 10.1.6. Không được đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi Công Ty Quản Lý Quỹ, Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, trừ trường hợp đó là Chứng Khoán Cơ Cấu nằm trong danh mục của Chỉ Số Tham Chiếu.
- 10.1.7. Chỉ được đầu tư vào chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán khác do công ty quản lý quỹ khác quản lý và bảo đảm các hạn chế sau:
- Không đầu tư vào quá 10% tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành của một quỹ đại chúng, cổ phiếu đang lưu hành của một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 20% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào chứng chỉ quỹ của một quỹ đại chúng, một công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;
 - Không đầu tư quá 30% tổng giá trị tài sản của Quỹ vào các chứng chỉ quỹ đại chúng, cổ phiếu công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.
- 10.2. Cơ cấu đầu tư của Quỹ chỉ được vượt mức so với hạn chế đầu tư trong trường hợp quy định tại Điều 10.1.2, Điều 10.1.3, Điều 10.1.4, Điều 10.1.7 khi:
- 10.2.1. Biến động giá trên thị trường của tài sản trong Danh Mục Đầu Tư của Quỹ;
 - 10.2.2. Thực hiện các khoản thanh toán của Quỹ theo quy định pháp luật, bao gồm việc thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư;
 - 10.2.3. Hoạt động chia, tách, hợp nhất, sáp nhập các tổ chức phát hành;
 - 10.2.4. Cơ cấu danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu thay đổi;
 - 10.2.5. Quỹ mới được cấp phép thành lập mà thời gian hoạt động chưa quá 03 tháng kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ;
 - 10.2.6. Quỹ đang trong thời gian giải thể.
- 10.3. Trong thời hạn 03 tháng kể từ ngày có các sai lệch phát sinh do các nguyên nhân quy định từ Điều 10.2.1 đến 10.2.5, Công Ty Quản Lý Quỹ có nghĩa vụ thông báo UBCKNN và phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư để bảo đảm các hạn mức đầu tư quy định tại Điều 10.1.
- 10.4. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều Lệ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho Quỹ. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc điều chỉnh Danh Mục Đầu tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải công bố thông tin theo quy định, đồng thời phải thông báo cho UBCKNN về các sai lệch cơ cấu Danh Mục Đầu Tư, nguyên nhân, thời điểm phát sinh hoặc phát hiện ra sự việc, mức độ thiệt hại gây ra cho Quỹ (nếu có) hoặc lợi nhuận tạo cho Quỹ (nếu có), biện pháp khắc phục, thời gian và kết quả khắc phục.
- 10.5. Quỹ thực hiện đầu tư gián tiếp ra nước ngoài theo quy định của pháp luật về đầu tư sau khi được UBCKNN chấp thuận cho phép đầu tư gián tiếp ra nước ngoài và bảo đảm các nguyên tắc sau:
- 10.5.1. Quỹ đã được Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam cấp hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài;

- 10.5.2. Quỹ chỉ được đầu tư gián tiếp ra nước ngoài vào các tài sản đã được quy định tại Điều Lệ quỹ và phù hợp với quy định của Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam;
- 10.5.3. Quỹ không được đầu tư quá 20% Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ ra nước ngoài và không vượt quá hạn mức đầu tư đăng ký đã được Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam xác nhận.
- 10.5.4. Cơ cấu đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài, điều chỉnh hạn mức đầu tư gián tiếp ra nước ngoài của Quỹ phải tuân thủ quy định về cơ cấu đầu tư, hạn mức đầu tư, điều chỉnh hạn mức đầu tư theo các quy định tại Điều này.

Điều 11. Hạn chế hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ

- 11.1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để cho vay hoặc bảo lãnh cho bất kỳ khoản vay nào.
- 11.2. Công ty Quản Lý Quỹ không được phép vay để tài trợ cho các hoạt động đầu tư của Quỹ, trừ trường hợp vay ngắn hạn theo quy định của pháp luật về ngân hàng để trang trải các chi phí cần thiết cho Quỹ hoặc thực hiện thanh toán các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ với Nhà Đầu Tư. Tổng giá trị các khoản vay ngắn hạn của Quỹ không được quá 5% Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tại mọi thời điểm và thời hạn vay tối đa 30 ngày.
- 11.3. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch ký quỹ (vay mua chứng khoán) cho Quỹ hoặc cho bất kỳ cá nhân, tổ chức khác; không được sử dụng tài sản của Quỹ để thực hiện các giao dịch bán khống, cho vay chứng khoán.

Điều 12. Phương pháp lựa chọn đầu tư

Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ lựa chọn cổ phiếu đầu tư của Quỹ căn cứ trên các nguyên tắc sau đây:

- 12.1. Quỹ đầu tư vào Danh mục Chứng Khoán Cơ Cấu bao gồm tối thiểu 50% số chứng khoán cơ sở hình thành Chỉ Số Tham Chiếu (danh mục chứng khoán của Chỉ Số Tham Chiếu).
- 12.2. Giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu của Quỹ thông thường không thấp hơn 95% giá trị của danh mục chứng khoán tương ứng của Chỉ Số Tham Chiếu.
- 12.3. Khi Chỉ Số Tham Chiếu có sự thay đổi tại các kỳ xem xét định kỳ hoặc bất thường thì Quỹ sẽ điều chỉnh danh mục đầu tư, tỷ trọng các mã tương ứng với sự thay đổi của Chỉ Số Tham Chiếu.

Chương III: NHÀ ĐẦU TƯ, SỐ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ

Điều 13. Nhà Đầu Tư

- 13.1. Nhà Đầu Tư của Quỹ có thể là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất là 01 Chứng Chỉ Quỹ. Nhà Đầu Tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác ngoài trách nhiệm trong phạm vi số Chứng Chỉ Quỹ mà họ sở hữu.
- 13.2. Nhà Đầu Tư là tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội trong và ngoài nước được thành lập và hoạt động hợp pháp. Nhà Đầu Tư là tổ chức cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số Chứng Chỉ Quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của Nhà Đầu Tư là tổ chức ký.
- 13.3. Công Ty Quản Lý Quỹ có toàn quyền chấp nhận hoặc từ chối đề nghị đăng ký góp vốn thành lập quỹ của Nhà Đầu Tư và không có nghĩa vụ cung cấp lý do từ chối cho Nhà Đầu Tư.
- 13.4. Nhà Đầu Tư nước ngoài không bị hạn chế tỷ lệ sở hữu tại Quỹ.
- 13.5. Cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam không được tham gia góp vốn thành lập Quỹ, mua Chứng Chỉ Quỹ. Việc tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng Chỉ Quỹ của các tổ chức tín dụng, doanh nghiệp bảo hiểm, công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ, doanh nghiệp nhà nước thực hiện theo quy định pháp luật chuyên ngành có liên quan.

- 13.6. Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn lập Quỹ, mua Chứng Chỉ Quỹ, giao dịch Chứng Chỉ Quỹ mà Công Ty Quản Lý Quỹ đang quản lý với mức giá giao dịch áp dụng như các Nhà Đầu Tư khác.

Điều 14. Quyền và nghĩa vụ của Nhà Đầu Tư

- 14.1. Nhà Đầu Tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
- 14.1.1. Các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 101 của Luật Chứng khoán.
 - 14.1.2. Quyền được đối xử công bằng, mỗi Chứng Chỉ Quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau.
 - 14.1.3. Tự do chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ theo quy định tại Điều Lệ trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.
 - 14.1.4. Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của Quỹ.
 - 14.1.5. Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác).
 - 14.1.6. Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ Quỹ trong thời hạn quy định tại Điều Lệ Quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ Quỹ.
 - 14.1.7. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ này.
- 14.2. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành còn có các quyền sau đây:
- 14.2.1. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Ban Đại Diện Quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của Ngân Hàng Giám Sát liên quan đến hoạt động của Quỹ.
 - 14.2.2. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường trong các trường hợp sau:
 - a) Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát vi phạm quyền của Nhà Đầu Tư hoặc nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều Lệ Quỹ, Hợp Đồng Giám Sát hoặc được giao bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư, gây tổn thất cho Quỹ;
 - b) Ban Đại Diện Quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;
 - c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều Lệ.
 - 14.2.3. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của Quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát phải trả lời Nhà Đầu Tư.
 - 14.2.4. Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại Hội Nhà Đầu Tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất 10 ngày làm việc trước ngày khai mạc.
 - 14.2.5. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.
- 14.3. Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành có quyền đề cử người vào Quỹ. Ban Đại Diện Quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử được thực hiện theo quy định về pháp luật doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào hội đồng quản trị của cổ đông và nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ đông phổ thông.

- 14.4. Yêu cầu, kiến nghị của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều 14.2 và 14.3 phải được lập bằng văn bản và phải có (i) họ, tên, quốc tịch địa chỉ liên lạc của cá nhân hoặc tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, của pháp nhân/tổ chức; (ii) số Giấy chứng chứng thực cá nhân/chứng minh tư cách pháp nhân hợp pháp; (iii) số lượng Chứng số lượng Chứng Chỉ Quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng Nhà Đầu Tư; tổng số Chứng Chỉ Quỹ của cả nhóm Nhà Đầu Tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang Lưu hành của quỹ; (iv) nội dung yêu cầu, kiến nghị; (v) căn cứ và lý do.
- 14.5. Trường hợp triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường theo quy định tại Điều 14.2.2, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều Lệ Quỹ, Hợp Đồng Giám Sát.

Điều 15. Điều kiện đối với Nhà Đầu Tư tham gia Giao Dịch Hoán Đổi Danh Mục

Nhà Đầu Tư khi tham gia giao dịch Hoán Đổi Danh Mục phải đảm bảo các điều kiện sau:

- 15.1. Nhà Đầu Tư sở hữu đủ Chứng Khoán Cơ Cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Khoán Cơ Cấu lấy Chứng Chỉ Quỹ, ngoại trừ trường hợp bổ sung bằng tiền theo quy định tại Điều Lệ này.
- 15.2. Nhà Đầu Tư sở hữu tối thiểu 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ, tương ứng 100.000 Chứng Chỉ Quỹ, khi thực hiện giao dịch hoán đổi Chứng Chỉ Quỹ lấy Chứng Khoán Cơ Cấu.
- 15.3. Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi tại Thành Viên Lập Quỹ nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

Điều 16. Sổ đăng ký Nhà Đầu Tư

- 16.1. Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư phụ (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.
- 16.2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:
- 16.2.1. Tên, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát; tên đầy đủ của Quỹ; mã chứng khoán niêm yết của Quỹ.
- 16.2.2. Tổng số Chứng Chỉ Quỹ được quyền chào bán, tổng số Chứng Chỉ Quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho Quỹ.
- 16.2.3. Danh sách Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ: (i) họ tên, số Giấy chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); (ii) số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); (iii) số tài khoản của Nhà Đầu Tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; (iv) số lượng Chứng Chỉ Quỹ/Lô Chứng Chỉ Quỹ sở hữu; (v) tỷ lệ sở hữu; (vi) ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; (vii) xác nhận của VSDC về chi tiết danh mục cơ cấu của từng Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào Quỹ.
- 16.2.4. Ngày lập sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.
- 16.3. Công Ty Quản Lý Quỹ, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng Nhà Đầu Tư, kể cả Nhà Đầu Tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của Nhà Đầu Tư trên Sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư.

Điều 17. Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi

- 17.1. Chứng Khoán Cơ Cấu thực hiện giao dịch hoán đổi là các chứng khoán nằm trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi theo thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ

và thuộc loại chứng khoán tự do chuyển nhượng, đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ.

- 17.2. Chứng Chỉ Quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi phải thuộc loại tự do chuyển nhượng và đang được lưu ký trên tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư.
- 17.3. Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ thực hiện giao dịch hoán đổi có thể lấy từ các nguồn sau:

17.3.1. Đối với Thành Viên Lập Quỹ:

- a) Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ sẵn có trên tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ tại ngày giao dịch hoán đổi và chứng khoán chờ thanh toán từ các lệnh mua đã khớp trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (Ngày T);
- b) Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ đi vay qua hệ thống vay và cho vay của VSDC với mục đích thực hiện giao dịch hoán đổi đang nằm trong tài khoản phong tỏa tạm giữ chứng khoán của Thành Viên Lập Quỹ.

17.3.2. Đối với Nhà Đầu Tư; Chứng Khoán Cơ Cấu/Chứng Chỉ Quỹ đang có sẵn trong tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi.

Điều 18. Giao dịch hoán đổi Danh Mục Cơ Cấu lấy Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại (Giao dịch sơ cấp)

- 18.1. Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày cấp giấy chứng nhận chào bán chứng chỉ quỹ có hiệu lực, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện công bố thông tin chào bán Chứng Chỉ Quỹ lần đầu. Việc chào bán, phân phối các Lô Chứng Chỉ Quỹ lần đầu được thực hiện theo quy định tại Bản Cáo Bạch.

- 18.2. Việc hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ áp dụng cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư được thực hiện theo nguyên tắc sau:

18.2.1. Áp dụng cho Nhà Đầu Tư đáp ứng các điều kiện được quy định tại Điều 15 Điều Lệ và cho Thành Viên Lập Quỹ được nêu tại Bản Cáo Bạch hoặc theo thông báo cập nhật từ Công Ty Quản Lý Quỹ.

18.2.2. Giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện thông qua Thành Viên Lập Quỹ, nơi Nhà Đầu Tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về hoán đổi.

18.2.3. Tần suất giao dịch của Quỹ:

- a) Giao dịch hoán đổi được thực hiện hàng ngày (“Ngày Giao Dịch Hoán Đổi”)
- b) Trong trường hợp Ngày Giao Dịch Hoán Đổi rơi vào ngày nghỉ lễ thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thông báo đến Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối và các tổ chức cung cấp dịch vụ có liên quan và công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ. Việc thay đổi Ngày Giao Dịch Hoán Đổi sẽ được thông báo cho các bên Nhà Đầu Tư, Đại lý Phân phối, Ngân Hàng Giám Sát, các Tổ Chức Cung Cấp dịch vụ có liên quan và được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ và HOSE. Công Ty Quản Lý Quỹ có thể thay đổi tần suất giao dịch và/hoặc Ngày Giao Dịch Hoán Đổi khi thấy cần thiết, với điều kiện được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua phù hợp với quy định của Điều Lệ này và Pháp Luật, đảm bảo tần suất giao dịch hoán đổi thực hiện tối thiểu không ít hơn 02 lần trong 01 tháng.
- c) Thời điểm đóng sổ lệnh: Là 14h40 tại Ngày Giao Dịch Hoán Đổi (Ngày T). Đây là thời điểm cuối cùng mà Thành Viên Lập Quỹ hoặc Đại Lý Phân Phối nhận phiếu đặt Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư.

18.2.4. Đơn vị giao dịch hoán đổi tối thiểu là một Lô Chứng Chỉ Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền điều chỉnh số lượng Chứng Chỉ Quỹ trong một Lô Chứng Chỉ Quỹ, nhưng phải đảm bảo một Lô Chứng Chỉ Quỹ không ít hơn 100.000 Chứng

Chỉ Quỹ. Trong trường hợp có sự điều chỉnh, thời điểm áp dụng Lô Chứng Chỉ Quỹ mới sẽ được thực hiện sau ít nhất 15 ngày kể từ ngày thông tin về quy mô Lô Chứng Chỉ Quỹ mới được công bố trên các trang thông tin điện tử của HOSE, VSDC, Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ và các Đại Lý Phân Phối.

18.2.5. Chứng Khoán Cơ Cấu, Chứng Chỉ Quỹ ETF trong giao dịch hoán đổi phải đảm bảo các điều kiện quy định tại Điều 17 của Điều Lệ này.

18.2.6. Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư sẽ được chuyển đến Thành Viên Lập Quỹ (kể cả trường hợp Nhà Đầu Tư đặt lệnh thông qua Đại Lý Phân Phối) và được tổ chức trực tiếp nhận Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi lưu trữ theo quy định pháp luật về chứng khoán. Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Thành Viên Lập Quỹ sẽ được Thành Viên Lập Quỹ lưu trữ theo quy định pháp luật về chứng khoán. Lệnh đã điền chính xác và đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ nhận Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi qua internet, điện thoại, fax tùy theo khả năng đáp ứng của mình, việc thực hiện ở các hình thức này phải tuân thủ quy định về giao dịch điện tử và chứng khoán và phải đảm bảo:

- a) Ghi nhận đầy đủ, chính xác, kịp thời và rõ ràng về thời điểm nhận lệnh, người nhận lệnh.
- b) Trước khi thực hiện, Công Ty Quản Lý Quỹ phải xác nhận lại với Thành Viên Lập Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ xác nhận lại với Nhà Đầu Tư. Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư phải cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ phiếu lệnh gốc có chữ ký của đại diện có thẩm quyền để lưu trữ. Thời gian cung cấp phiếu lệnh gốc do Công Ty Quản Lý Quỹ quy định tại hợp đồng tham gia lập Quỹ, Bản Cáo Bạch.

18.2.7. Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi chỉ được thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện sau:

- a) Được Thành Viên Lập Quỹ chuyển tới Công ty Quản Lý Quỹ hoặc VSDC trước Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh. Các lệnh tới sau Thời Điểm Đóng Sổ Lệnh được xem là giao dịch không hợp lệ và không được thực hiện. Quy trình chi tiết được quy định trong Bản Cáo Bạch.
- b) Được VSDC xác nhận về việc Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ có đầy đủ Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoặc số Lô Chứng Chỉ Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xác nhận số tiền Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ nộp bổ sung để hoàn tất việc thanh toán giao dịch vào ngày thanh toán. Trường hợp bán Chứng Chỉ Quỹ, số lượng Chứng Chỉ Quỹ còn lại của Thành Viên Lập Quỹ sau khi bán không được thấp hơn số lượng tối thiểu để duy trì tư cách Thành Viên Lập Quỹ.

18.2.8. Hoạt động hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ và ngược lại được thực hiện dưới hình thức bút toán ghi sổ trên hệ thống tài khoản lưu ký của các Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và Quỹ tại VSDC. Việc chuyển khoản Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và Chứng Chỉ Quỹ trong hoạt động thanh toán thực hiện theo quy trình đã được quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch và phù hợp với hướng dẫn của VSDC.

18.2.9. Việc thanh toán tiền chênh lệch phát sinh trong quá trình thực hiện giao dịch hoán đổi (nếu có) được quy định chi tiết trong Bản Cáo Bạch.

18.3. Quy trình thực hiện Giao Dịch Hoán Đổi Danh Mục

18.3.1. Trước phiên giao dịch hoán đổi hoặc cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho Thành Viên Lập Quỹ và công bố trên trang thông tin điện tử của mình và HOSE, VSDC về Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu để hoán đổi lấy 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ và số tiền phải nộp tương đương với chênh lệch giữa giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu và Giá Phát Hành Lô Chứng Chỉ Quỹ (nếu có). Thông tin bao gồm: Các mã Chứng Khoán Cơ Cấu, tỷ trọng và số lượng từng mã Chứng Khoán Cơ Cấu trong danh mục này. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu nêu trên được

xác định trên cơ sở giá cuối ngày tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi Chứng Chỉ Quỹ.

18.3.2. Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi:

- a) Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi của Nhà Đầu Tư được chuyển trực tiếp tới Thành Viên Lập Quỹ hoặc thông qua Đại Lý Phân Phối theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và hướng dẫn tại Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt;

Trường hợp Thành Viên Lập Quỹ/Đại Lý Phân Phối không thể tiếp nhận Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi từ Nhà Đầu Tư do bị giải thể, phá sản, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động, đình chỉ, tạm ngừng hoạt động hoặc do các lỗi kỹ thuật của hệ thống công nghệ thông tin hoặc do Sự Kiện Bất Khả Kháng thì Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi đó được chuyển thẳng đến Công Ty Quản Lý Quỹ;

- b) Lệnh giao dịch hoán đổi của Nhà Đầu Tư và Thành Viên Lập Quỹ được Thành Viên Lập Quỹ chuyển tới Công Quản Lý Quỹ hoặc VSDC trước thời điểm đóng của thị trường theo quy định tại Điều Lệ Quỹ, hợp đồng lập quỹ và hướng dẫn của VSDC. Các lệnh tới sau thời điểm đóng sổ lệnh bị hủy bỏ và đã được công bố công khai tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt.

18.3.3. Khắc phục lỗi (nếu có):

- a) Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày giao dịch hoán đổi (nhưng không quá thời điểm phân bổ kết quả giao dịch), nếu phát hiện lỗi do nhầm lẫn, sai sót trong quá trình đặt lệnh, tổng hợp thông tin, nhận lệnh, chuyển, nhập lệnh vào hệ thống, Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ phải thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, VSDC và đề nghị sửa lỗi giao dịch theo quy trình, hướng dẫn của VSDC;
- b) Quá thời hạn nêu trên, Đại Lý Phân Phối, Thành Viên Lập Quỹ chịu trách nhiệm trước Nhà Đầu Tư về các lỗi giao dịch do mình thực hiện.

18.3.4. Xác nhận và thực hiện Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi:

- a) Sau khi tiếp nhận lệnh của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ, Công ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm kiểm tra, thông qua VSDC, khả năng thực hiện được lệnh của Nhà Đầu Tư bảo đảm đáp ứng quy định tại Điều 17.3, xác nhận và thực hiện lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ theo các quy định tại khoản này và hướng dẫn của VSDC;
- b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi nhưng không quá ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ tiếp theo, VSDC và Ngân Hàng Giám Sát phải hoàn tất việc chuyển Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu từ tài khoản lưu ký của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ vào tài khoản lưu ký của Quỹ hoặc ngược lại, đồng thời đăng ký, lưu ký Chứng Chỉ Quỹ vào tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ; tiếp nhận hoặc hoàn trả các khoản thanh toán bằng tiền quy định tại Điều 18.3.5 của Điều Lệ này; Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác nhận hoàn tất giao dịch và xác nhận quyền sở hữu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư.
- c) VSDC tiến hành đăng ký và lưu ký số lượng Chứng Chỉ Quỹ tương ứng vào tài khoản lưu ký của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và ngược lại.

18.4. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu là phương tiện thanh toán chủ yếu trong giao dịch hoán đổi giữa Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư trừ trường hợp:

- 18.4.1. Khi hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ, giá trị của Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu thấp hơn Giá Trị Tài Sản Ròng của các Lô Chứng Chỉ Quỹ. Phần chênh lệch phát sinh được Thành Viên Lập Quỹ,

Nhà Đầu Tư thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ ETF mở tại Ngân Hàng Giám Sát trước hoặc tại ngày thanh toán theo quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch. Phần thanh toán bằng tiền, bao gồm khoản thanh toán cho các lô lẻ Chứng Khoán Cơ Cấu; khoản thanh toán cho các Chứng Khoán Cơ Cấu mà Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư bị hạn chế chuyển nhượng; các khoản cổ tức, trái tức của Chứng Khoán Cơ Cấu và các khoản thanh toán bằng tiền khác theo quy định tại Điều Lệ Quỹ, phù hợp với các quy định của pháp luật liên quan.

18.4.2. Khi hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, giá trị các Lô Chứng Chỉ Quỹ ETF mà Công Ty Quản Lý Quỹ tiếp nhận từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư nhiều hơn giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu. Phần chênh lệch này được Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoàn trả lại bằng các Chứng Chỉ Quỹ ETF vào các tài khoản lưu ký chứng khoán của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ tại ngày thanh toán hoặc thanh toán bằng tiền vào các tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ theo quy định chi tiết tại Bản Cáo Bạch.

18.4.3. Trường hợp trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu có những mã Chứng Khoán Cơ Cấu mà Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư bị hạn chế đầu tư, hoặc Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư chưa thực hiện thủ tục giao dịch cổ phiếu quỹ theo quy định của pháp luật liên quan, hoặc Nhà Đầu Tư nước ngoài không thể mua Chứng Khoán Cơ Cấu do các chứng khoán này đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa, Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư phải thanh toán bổ sung bằng tiền vào tài khoản của Quỹ và ngược lại. Chi tiết việc thanh toán bổ sung bằng tiền và thực hiện lệnh mua hộ cho Thành Viên Lập Quỹ/Nhà Đầu Tư được quy định chi tiết trong Bản Cáo Bạch.

18.4.4. Trong trường hợp chứng khoán trong Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoán đổi có sự kiện doanh nghiệp (cổ tức bằng tiền, cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng, quyền mua cổ phiếu phát hành thêm và các quyền phát sinh khác (nếu có)) phát sinh mà Quỹ không được ghi nhận do chưa thực hiện chuyển quyền sở hữu chứng khoán cho Quỹ trong giai đoạn từ ngày kết thúc thực hiện việc góp vốn đến ngày Chứng Khoán Cơ Cấu góp vốn được chuyển quyền sở hữu sang tài khoản của Quỹ hoặc trong thời gian thực hiện giao dịch hoán đổi, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư có trách nhiệm thanh toán bổ sung bằng tiền cho Quỹ theo phương thức, thủ tục được quy định tại Bản Cáo Bạch.

18.5. Các hạn chế đối với việc sở hữu Chứng Khoán Cơ Cấu của Nhà Đầu Tư:

18.5.1. Trường hợp Quỹ tiếp nhận các Lô Chứng Chỉ Quỹ của Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư và hoàn trả Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư khiến cho: (i) tỷ lệ sở hữu đối với Chứng Khoán Cơ Cấu vượt quá hạn mức tối đa theo quy định của pháp luật tính tại ngày chuyển quyền sở hữu cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ; (ii) Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ đó sở hữu từ 25% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành của một tổ chức; hoặc (iii) Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư sở hữu cổ phiếu phát hành bởi chính Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư đó.

18.5.2. Khi xảy ra trường hợp quy định tại Điều 18.5.1 này, VSDC có trách nhiệm thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thực hiện các hoạt động như sau:

- a) Đối với Nhà Đầu Tư nước ngoài: Công Ty Quản Lý Quỹ phải bán số chứng khoán cơ cấu vượt tỷ lệ sở hữu tối đa và thanh toán bằng tiền cho các Nhà Đầu Tư này.
- b) Đối với Nhà Đầu Tư thuộc trường hợp (ii) và (iii), Công Ty Quản Lý Quỹ phải bán số chứng khoán vượt trội so với tỷ lệ phải chào mua công khai hoặc bán toàn bộ phần chứng khoán phát hành bởi chính Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ đó và thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ này.

18.5.3. Việc thanh toán tiền cho các Nhà Đầu Tư này phụ thuộc vào tiến độ bán thanh lý phần chứng khoán vượt quá tỷ lệ sở hữu tối đa hoặc tỷ lệ sở hữu phải chào mua công khai, giao dịch ký quỹ theo quy định. Khoản thanh toán cho Nhà Đầu

Tư là giá trị giao dịch, sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định pháp luật.

- 18.5.4. Trường hợp Nhà Đầu Tư bị hạn chế sở hữu vì các lý do khác theo quy định pháp luật hoặc theo điều lệ của Nhà Đầu Tư đó, Nhà Đầu Tư có trách nhiệm bán số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt mức hạn chế trong ngày giao dịch kế tiếp sau ngày thanh toán. Nhà Đầu Tư không có quyền biểu quyết trong đại hội cổ đông của các tổ chức phát hành đối với số Chứng Khoán Cơ Cấu vượt mức.
- 18.5.5. Trong thời gian chưa giao dịch thành công các Chứng Khoán Cơ Cấu vượt mức hạn chế mà phát sinh ngày chốt danh sách nhận cổ tức hoặc quyền mua của các Chứng Khoán Cơ Cấu này thì Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện như sau:
- Đối với các cổ tức bằng tiền: Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ sẽ được thanh toán bằng tiền sau khi Quỹ nhận được khoản tiền cổ tức này;
 - Đối với cổ tức bằng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng: Công Ty Quản Lý Quỹ thanh toán bằng tiền cho Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ sau khi nhận số lượng cổ phiếu đó và thực hiện bán cổ phiếu thành công. Ngoại trừ trường hợp Công ty Quản Lý Quỹ xét thấy số chứng khoán này quỹ có thể ứng trước trong tài khoản hiện có để bán trước không ảnh hưởng đến hoạt động của quỹ thì sẽ bán và thanh toán trước;
 - Đối với quyền mua: Công Ty Quản Lý Quỹ sử dụng khoản tiền từ việc bán số chứng khoán đó (nếu đã bán thành công trước đó) để thực hiện quyền mua với điều kiện giá thực hiện thấp hơn giá thị trường tại ngày đăng ký thực hiện quyền mua. Sau khi cổ phiếu thực hiện bằng quyền mua về tài khoản quỹ thì quỹ sẽ thực hiện bán số cổ phiếu này và thanh toán tiền cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư. Trường hợp Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ gửi yêu cầu từ chối thực hiện quyền thì Công ty Quản Lý Quỹ sẽ thực hiện quyết toán ngay theo số lượng chứng khoán thực bán mà không chờ đến ngày thực hiện quyền.

18.5.6. Thanh toán Chứng Khoán Cơ Cấu vượt hạn mức:

Những khoản thanh toán phát sinh theo quy định tại Điều 18.5.5 sẽ được Công ty Quản Lý Quỹ thực hiện sau 2 Ngày Làm Việc kể từ ngày Quỹ nhận được tiền hoặc thực hiện bán thành công các cổ phiếu phát sinh từ cổ tức, quyền mua này theo kết quả tính toán và phân bổ của Công Ty Quản Lý Quỹ dựa trên nguyên tắc sau:

- Khoản thanh toán là giá trị giao dịch sau khi khấu trừ thuế, chi phí giao dịch theo quy định pháp luật hiện hành;
- Việc tính toán và phân bổ số tiền hoàn lại cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư theo nguyên tắc ưu tiên thời gian (FIFO) đối với các giao dịch bán chứng khoán ở kỳ hoán đổi khác nhau, tiếp theo là tỷ lệ đối với các giao dịch chứng khoán ở cùng kỳ hoán đổi;
- Việc tính toán và phân bổ số tiền hoàn lại cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư thực hiện dựa trên khả năng thanh toán hiện có của Quỹ cũng như số tiền thu được từ việc bán chứng khoán thông qua giao dịch khớp lệnh.
- Trường hợp có các lệnh mua/bán cùng mã chứng khoán của danh mục trong ngày thì lệnh mua sẽ được thực hiện trước lệnh bán để hoàn tiền lại cho Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư;
- Số lượng chứng khoán vượt hạn mức sẽ được hạch toán theo dõi riêng ngay khi phát sinh.

Điều 19. Mua lại một phần, tạm ngừng giao dịch Chứng Chỉ Quỹ

- 19.1. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền chỉ đáp ứng một phần lệnh chuyển đổi của Nhà Đầu Tư khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

- 19.1.1. Tổng giá trị các lệnh bán từ hoạt động chuyển đổi trừ tổng giá trị các lệnh mua từ hoạt động chuyển đổi tại ngày giao dịch chứng chỉ Quỹ lớn hơn 10% giá trị tài sản ròng của Quỹ.
- 19.1.2. Việc thực hiện toàn bộ lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư dẫn tới:
 - a) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ thấp hơn 50.000.000.000 đồng; hoặc
 - b) Số Chứng Chỉ Quỹ còn lại của Quỹ thấp hơn số Chứng Chỉ Quỹ lưu hành tối thiểu đã được quy định tại Điều Lệ Quỹ.
- 19.2. Trường hợp thực hiện một phần lệnh chuyển đổi theo quy định tại Điều 19.1, Công Ty Quản Lý Quỹ được áp dụng nguyên tắc ưu tiên về thời gian: lệnh chuyển tới Đại Lý Phân Phối trước được thực hiện trước.
- 19.3. Đối với trường hợp quy định tại Điều 19.1.1, Công Ty Quản Lý Quỹ được kéo dài thời hạn thanh toán tối đa 30 ngày sau khi được Ban Đại Diện Quỹ chấp thuận, kể từ ngày giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.
- 19.4. Công Ty Quản Lý Quỹ có quyền tạm ngừng nhận, thực hiện các Lệnh Giao Dịch Hoán Đổi từ Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư trong các trường hợp sau:
 - 19.4.1. HOSE thay đổi cơ cấu danh mục chỉ số tham chiếu.
 - 19.4.2. Tổ chức phát hành chứng khoán chiếm tỷ trọng 0,1% trong danh mục đầu tư của Quỹ bị phá sản, giải thể; hoặc chứng khoán chiếm tỷ trọng 0,1% trong danh mục đầu tư của Quỹ bị tạm ngừng giao dịch, hủy niêm yết.
 - 19.4.3. Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ không thể xác định được tại ngày giao dịch liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi do HOSE quyết định đình chỉ giao dịch chứng khoán trong danh mục đầu tư của Quỹ.
 - 19.4.4. Quỹ tiến hành cơ cấu lại danh mục đầu tư nhằm giảm mức sai lệch so với chỉ số tham chiếu.
 - 19.4.5. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoặc VSDC không thể thực hiện được việc hoán đổi danh mục do Sự Kiện Bất Khả Kháng.
 - 19.4.6. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.
- 19.5. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện quy định tại Điều 19.4 này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN đồng thời công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán. Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ, Đại Lý Phân Phối phải nói lại việc tiếp nhận và thực hiện lệnh hoán đổi danh mục cho Nhà Đầu Tư ngay sau khi các sự kiện này chấm dứt.
- 19.6. Thời hạn tạm ngừng giao dịch hoán đổi thực hiện theo quy định tại Điều lệ quỹ nhưng không quá 30 ngày, kể từ ngày tạm ngừng giao dịch. Trường hợp việc tạm ngừng giao dịch hoán đổi do nguyên nhân quy định tại Điều 19.4.1, 19.4.2, 19.4.3, thời hạn tạm ngừng không quá 03 ngày làm việc trước và sau khi kết thúc các sự kiện đó.
- 19.7. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời hạn tạm ngừng giao dịch hoán đổi theo quy định tại Điều 19.6 này mà các nguyên nhân dẫn tới tình trạng tạm ngừng hoạt động chưa được khắc phục, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường về việc giải thể quỹ hoặc tiếp tục kéo dài thời hạn tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ. Trong thời hạn triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư, nếu các nguyên nhân dẫn tới việc tạm ngừng giao dịch chứng chỉ quỹ chấm dứt, Công Ty Quản Lý Quỹ được hủy bỏ việc triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 20. Giao dịch Chứng Chỉ Quỹ ETF trên HOSE (giao dịch thứ cấp)

Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư giao dịch Chứng Chỉ Quỹ đã niêm yết thông qua hệ thống giao dịch của HOSE theo nguyên tắc sau:

- 20.1. Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ đặt lệnh giao dịch trên các tài khoản giao dịch chứng khoán của mình. Hoạt động giao dịch và thanh toán giao dịch thực hiện theo quy định về giao dịch chứng khoán của HOSE và VSDC.
- 20.2. Đơn vị giao dịch thực hiện theo quy định của HOSE.

- 20.3. Chứng Chỉ Quỹ có thể được sử dụng trong hoạt động cho vay mua ký quỹ và các hoạt động khác phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.
- 20.4. Thành Viên Lập Quỹ chỉ được bán Chứng Chỉ Quỹ trên hệ thống của HOSE khi bảo đảm có đủ Chứng Chỉ Quỹ để chuyển giao trước thời điểm thanh toán theo quy định của VSDC. Số Chứng Chỉ Quỹ này bao gồm:
 - 20.4.1. Số Chứng Chỉ Quỹ đã có sẵn trên tài khoản của Thành Viên Lập Quỹ tại ngày thực hiện giao dịch;
 - 20.4.2. Số Chứng Chỉ Quỹ nhận được trước hoặc vào ngày thanh toán từ giao dịch hoán đổi trên cơ sở Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu có được trong các giao dịch mua trên thị trường hoặc giao dịch vay trên hệ thống của VSDC đã thực hiện thành công trước đó.

Điều 21. Giá Phát Hành, Giá Mua Lại, Giá Dịch Vụ Phát Hành, Giá Dịch Vụ Mua Lại

- 21.1. Giá Phát Hành: Là mức giá Nhà Đầu Tư phải thanh toán để mua 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ. Giá Phát Hành bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch Hoán Đổi cộng thêm Giá Dịch Vụ Phát Hành.
- 21.2. Giá Mua Lại: Là mức giá mà Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh toán cho Nhà Đầu Tư đặt lệnh hoán đổi Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Chứng Khoán Cơ Cấu. Giá Mua Lại bằng Giá Trị Tài Sản Ròng trên 01 Lô Chứng Chỉ Quỹ tính tại cuối ngày liền trước Ngày Giao Dịch trừ đi Giá Dịch Vụ Mua Lại.
- 21.3. Giá Dịch Vụ Phát Hành
 - 21.3.1. Được áp dụng khi Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư hoán đổi Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ trong đợt phát hành lần đầu hoặc sau khi Quỹ được thành lập. Giá Dịch Vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi, và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.
 - 21.3.2. Giá Dịch Vụ Phát Hành do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định nhưng không vượt quá 0,5% giá trị giao dịch (áp dụng đối với quy định tại hợp đồng Thành Viên Lập Quỹ hoặc quy định tại hợp đồng tổ chức tạo lập thị trường nếu Thành Viên Lập Quỹ là tổ chức tạo lập thị trường) và 1% giá trị giao dịch (áp dụng đối với Nhà Đầu Tư và phải được công bố trong Bản Cáo Bạch).
- 21.4. Giá Dịch Vụ Mua Lại
 - 21.4.1. Được áp dụng khi Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ lấy Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu sau khi Quỹ được thành lập. Giá Dịch Vụ này được thu khi thực hiện giao dịch hoán đổi và được tính theo tỷ lệ phần trăm trên giá trị giao dịch Chứng Chỉ Quỹ.
 - 21.4.2. Giá Dịch Vụ Mua Lại do Công Ty Quản Lý Quỹ quyết định nhưng không được vượt quá 0,5% giá trị giao dịch (áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ quy định tại hợp đồng Thành Viên Lập Quỹ hoặc quy định tại hợp đồng tổ chức tạo lập thị trường nếu Thành Viên Lập Quỹ là tổ chức tạo lập thị trường) và 1% giá trị giao dịch (áp dụng đối với Nhà Đầu Tư và phải được công bố trong Bản Cáo Bạch).
 - 21.4.3. Giá Dịch Vụ Mua Lại sẽ được trừ vào số tiền chênh lệch giữa giá trị của Lô Chứng Chỉ Quỹ và giá trị Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu, trong trường hợp Giá Dịch Vụ Mua Lại lớn hơn phần tiền chênh lệch, Nhà Đầu Tư phải chuyển khoản phần tiền còn thiếu này vào tài khoản của Quỹ ETF tại Ngân Hàng Giám Sát chậm nhất vào 11h00 ngày T+1 (một ngày làm việc kể từ Ngày Giao Dịch Hoán Đổi).
- 21.5. Việc điều chỉnh mức Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ là Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường được thực hiện theo thỏa thuận giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ là Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường.
- 21.6. Việc tăng các mức Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Nhà Đầu Tư chỉ được thực hiện khi mức giá dịch vụ sau khi tăng không vượt quá 1% giá trị giao dịch. Thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ sau khi tăng sớm nhất là sáu mươi

(60) ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quỹ công bố về các mức giá dịch vụ mới trên trang thông tin điện tử của Công Ty.

- 21.7. Trường hợp giảm mức Giá Dịch Vụ Phát Hành và Giá Dịch Vụ Mua Lại áp dụng đối với Nhà Đầu Tư so với quy định tại Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt, thời điểm áp dụng mức giá dịch vụ mới sớm nhất là kể từ ngày Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt công bố về mức giá dịch vụ mới có hiệu lực.

Điều 22. Chuyển nhượng phí thương mại

- 22.1. Các giao dịch chuyển nhượng phí thương mại (tặng, cho, thừa kế,...) Chứng Chỉ Quỹ được thực hiện tương tự việc chuyển quyền sở hữu chứng khoán niêm yết ngoài hệ thống giao dịch của HOSE được quy định tại quy chế hoạt động đăng ký chứng khoán của VSDC.
- 22.2. Việc tặng, cho, thừa kế Chứng Chỉ Quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào liên quan đến việc tặng, cho, thừa kế hoặc người tặng, cho, thừa kế.
- 22.3. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát sẽ đăng ký người nhận tặng cho, người thừa kế hợp pháp trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư sau khi người nhận tặng cho, người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc tặng cho, thừa kế.
- 22.4. Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký Nhà Đầu Tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc tặng, cho, thừa kế.

Chương IV: ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ

Điều 23. Đại Hội Nhà Đầu Tư

- 23.1. Đại Hội Nhà Đầu Tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các Nhà Đầu Tư có tên trong Sổ Đăng Ký Nhà Đầu Tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.
- 23.2. Đại Hội Nhà Đầu Tư do Công Ty Quản Lý Quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:
- 23.2.1. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ Quỹ.
- 23.2.2. Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của Quỹ; thay đổi mức giá dịch vụ trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát; thay thế Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát.
- 23.2.3. Sáp nhập, hợp nhất Quỹ; giải thể Quỹ.
- 23.2.4. Phương án phân phối lợi tức.
- 23.2.5. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban Đại Diện Quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của Quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của Quỹ.
- 23.2.6. Xem xét và xử lý vi phạm của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và Ban Đại Diện Quỹ gây tổn thất cho Quỹ.
- 23.2.7. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại Hội Nhà Đầu Tư.
- 23.2.8. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền theo quy định pháp luật về chứng khoán và tại Điều Lệ Quỹ này.
- 23.3. Chương trình và nội dung họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được Công Ty Quản Lý Quỹ xây dựng theo chương trình họp, nội dung họp đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải gửi UBCKNN toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.

- 23.4. Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban Đại Diện Quý, cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc Năm Tài Chính và phải thông báo UBCKNN, Tùy từng thời điểm và phù hợp với quy định pháp luật, Công Ty Quản Lý Quý được quyền tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư thường niên dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 24. Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường

- 24.1. Công Ty Quản Lý Quý có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư trong các trường hợp sau:

24.1.1. Công Ty Quản Lý Quý hoặc Ngân Hàng Giám Sát hoặc Ban Đại Diện Quý khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của Quý; và

24.1.2. Theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư hoặc nhóm Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều 14.2.2 của Điều Lệ Quý này.

Việc tổ chức họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Công Ty Quản Lý Quý nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại Hội Nhà Đầu Tư.

- 24.2. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quý không triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều 24.1 của Điều Lệ Quý, Công Ty Quản Lý Quý phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Quý (nếu có). Trường hợp Công Ty Quản Lý Quý tiếp tục không triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều 24.1, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban Đại Diện Quý hoặc Ngân Hàng Giám Sát thay thế Công Ty Quản Lý Quý triệu tập Đại Hội Nhà Đầu Tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều Lệ Quý này.

Điều 25. Điều kiện tiến hành cuộc họp và thông qua quyết định Đại Hội Nhà Đầu Tư

- 25.1. Cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành khi có số Nhà Đầu Tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo hướng dẫn của Công Ty Quản Lý Quý phù hợp với quy định pháp luật về chứng khoán.
- 25.2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại Điều 25.1, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại Hội Nhà Đầu Tư được tiến hành không phụ thuộc vào số Nhà Đầu Tư tham dự.
- 25.3. Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
- 25.4. Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư về các nội dung quy định tại Điều 23.2.2 và Điều 23.2.3 của Điều Lệ Quý phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số Nhà Đầu Tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành.
- 25.5. Quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua tại cuộc họp khi được số Nhà Đầu Tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại Điều 25.4.
- 25.6. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản được quy định tại Điều 26 của Điều Lệ Quý và theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quý phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho Nhà Đầu Tư như trường hợp mời họp Đại Hội Nhà Đầu Tư.
- 25.7. Trường hợp lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi được số Nhà Đầu Tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả Nhà Đầu Tư có quyền biểu quyết tán thành.
- 25.8. Công Ty Quản Lý Quý, Ban Đại Diện Quý có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ Quý. Trong trường hợp quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư không phù hợp với quy định

của pháp luật và Điều Lệ Quy thì phải tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản.

Điều 26. Thể thức tiến hành cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư bằng văn bản

- 26.1. Phương thức tham dự: Nhà Đầu Tư có thể trực tiếp tham dự hoặc thông qua người đại diện theo ủy quyền hoặc thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc thư điện tử tùy thuộc vào thông báo của Công Ty Quản Lý Quỹ theo từng trường hợp và phù hợp với quy định pháp luật.
- 26.2. Thời gian, chương trình và nội dung của Đại Hội Nhà Đầu Tư phải được thông báo công khai và các tài liệu quy định tại Điều 27.4.1 phải được gửi cho Nhà Đầu Tư và báo cáo UBCKNN tối thiểu 07 ngày làm việc khi tiến hành. Đại Hội Nhà Đầu Tư không thảo luận các vấn đề nằm ngoài nội dung đã được thông báo.
- 26.3. Trong trường hợp lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản, Công Ty Quản Lý Quỹ gửi các tài liệu quy định tại Điểm a, b, c và d Điều 27.3.1 cho Nhà Đầu Tư ngay khi có quyết định lấy ý kiến Nhà Đầu Tư.
- 26.4. Trình tự tiến hành cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư và lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản được tiến hành như sau:
 - 26.4.1. Công Ty Quản Lý Quỹ chuẩn bị tài liệu, văn bản cho việc lấy ý kiến của Nhà Đầu Tư. Tài liệu bao gồm:
 - a) Thư mời họp;
 - b) Dự thảo nội dung chương trình họp;
 - c) Các tài liệu liên quan đến nội dung chương trình họp;
 - d) Phiếu lấy ý kiến Nhà Đầu Tư (trường hợp lấy ý kiến Nhà Đầu Tư). Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo phiếu lấy ý kiến thể hiện đầy đủ các nội dung sau:
 - (i) Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - (ii) Mục đích lấy ý kiến;
 - (iii) Họ tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy tờ chứng thực cá nhân của Nhà Đầu Tư là cá nhân; tên, địa chỉ trụ sở, quốc tịch, số giấy quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của Nhà Đầu Tư và đại diện theo ủy quyền của Nhà Đầu Tư là tổ chức;
 - (iv) Số lượng Chứng Chỉ Quỹ và số phiếu biểu quyết của Nhà Đầu Tư;
 - (v) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (vi) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - (vii) Thời hạn phải gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời về Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - (viii) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công Ty Quản Lý Quỹ
 - (ix) Chữ ký của Nhà Đầu Tư là cá nhân và chữ ký của người đại diện hợp pháp của Nhà Đầu Tư là tổ chức kèm theo con dấu (nếu có).
 - e) Biên bản họp (trường hợp tổ chức cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư) hoặc Biên bản kiểm phiếu (trường hợp lấy ý kiến Nhà Đầu Tư). Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo phiếu lấy ý kiến thể hiện đầy đủ các nội dung sau:
 - (i) Tên, số và ngày cấp giấy chứng nhận thành lập Quỹ;

- (ii) Tên, địa chỉ trụ sở, số và ngày cấp giấy phép thành lập Công Ty Quản Lý Quỹ;
- (iii) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến Nhà Đầu Tư;
- (iv) Số Nhà Đầu Tư với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, phân loại số lượng và tỉ lệ phiếu biểu quyết hợp lệ/không hợp lệ;
- (v) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
- (vi) Các quyết định đã được thông qua;
- (vii) Danh sách các Nhà Đầu Tư tham gia biểu quyết.

26.4.2. Công Ty Quản Lý Quỹ tổ chức cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư (đối với trường hợp tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư) hoặc thu thập Phiếu lấy ý kiến đã trả lời của Nhà Đầu Tư.

Phiếu lấy ý kiến đã trả lời có thể được gửi về Công Ty Quản Lý Quỹ bằng thư chuyển phát, fax, thư điện tử hoặc hình thức bỏ phiếu điện tử trong thời hạn đã quy định trong Phiếu lấy ý kiến. Phiếu lấy ý kiến không hợp lệ là phiếu được gửi đến Công Ty Quản Lý Quỹ sau thời gian quy định.

26.4.3. Trong vòng 24 giờ kể từ khi bế mạc cuộc họp hoặc kết thúc thời hạn ghi trong Phiếu lấy ý kiến, Công Ty Quản Lý Quỹ tiến hành kiểm phiếu và ghi nhận thông tin vào biên bản kiểm phiếu/ biên bản họp. Những người tham gia kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu và các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực hoặc không chính xác.

26.5. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu và nghị quyết đã được thông qua cùng các tài liệu khác được chuẩn bị cho cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở của Công Ty Quản Lý Quỹ.

26.6. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản có giá trị pháp lý như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư.

Điều 27. Thông qua quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư

27.1. Mỗi Chứng Chỉ Quỹ tương ứng với một phiếu biểu quyết. Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán, bên thứ ba tư vấn pháp luật và các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ cho Quỹ được quyền tham gia cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được quyền biểu quyết.

27.2. Nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi số phiếu tán thành đạt 51% trên tổng số Chứng Chỉ Quỹ của những Nhà Đầu Tư tham gia biểu quyết hoặc lấy ý kiến.

27.3. Đối với vấn đề quy định tại Điều 23.2.2 và Điều 23.2.3 Điều Lệ, nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua khi số phiếu tán thành đạt 65% trên tổng số Chứng Chỉ Quỹ của những Nhà Đầu Tư tham gia biểu quyết.

27.4. Trường hợp lấy ý kiến Đại Hội Nhà Đầu Tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định được thông qua nếu được số Nhà Đầu Tư đại diện cho trên năm 50% tổng số Chứng Chỉ Quỹ của các Nhà Đầu Tư biểu quyết tán thành.

27.5. Trong thời hạn 24 giờ sau khi kết thúc Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc sau ngày kết thúc việc kiểm phiếu lấy ý kiến Nhà Đầu Tư bằng văn bản, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ có trách nhiệm lập biên bản và nghị quyết Đại Hội và gửi cho Ngân Hàng Giám Sát, cung cấp cho Nhà Đầu Tư và công bố thông tin theo quy định của pháp luật trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ.

27.6. Những nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư được thông qua không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều Lệ sẽ không có hiệu lực pháp lý và giá trị thi hành. Những nghị quyết này mặc nhiên bị hủy. Đồng thời, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo cho UBCKNN và Nhà Đầu Tư về việc nghị quyết không có hiệu lực thi hành và bị hủy.

Điều 28. Phản đối nghị quyết của Đại Hội Nhà Đầu Tư

- 28.1. Nhà Đầu Tư phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại Hội Nhà Đầu Tư về các nội dung quy định tại Điều 23.2.2 và Điều 23.2.3 của Điều Lệ Quỹ có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ mua lại Chứng Chỉ Quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của Công Ty Quản Lý Quỹ (nếu có). Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của Nhà Đầu Tư, số lượng Đơn Vị Quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý. Yêu cầu phải được Nhà Đầu Tư gửi tới trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ, Đại Lý Phân Phối trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.
- 28.2. Trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày công bố kết quả họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư phản đối quyết định của Đại hội Nhà Đầu Tư theo quy định tại Điều 28.1. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ tại Ngày Giao Dịch Chứng Chỉ Quỹ gần nhất kể từ khi Công Ty Quản Lý Quỹ nhận được yêu cầu của Nhà Đầu Tư và Nhà Đầu Tư không phải thanh toán Giá Dịch Vụ Mua Lại, Giá Dịch Vụ Chuyển Fổi.

Chương V: BAN ĐẠI DIỆN QUỸ

Điều 29. Ban Đại Diện Quỹ

- 29.1. Ban Đại Diện Quỹ có 03 thành viên, với nhiệm kỳ 05 năm và được tái bổ nhiệm liên tục không giới hạn số nhiệm kỳ.

Ban Đại Diện Quỹ được bầu tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc được Nhà Đầu Tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải tuân thủ quy định sau:

- 29.2.1. Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban Đại Diện Quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư để bầu thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan.
- 29.2.2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban Đại Diện Quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban Đại Diện Quỹ được công bố rõ ràng và được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua trước khi tiến hành đề cử.
- 29.2.3. Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban Đại Diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.

Trong Ban Đại Diện Quỹ phải có:

- 29.3.1. Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.
- 29.3.2. Tối thiểu một (01) thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm làm việc trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản.
- 29.3.3. Tối thiểu một (01) thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật.

Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua bằng phiếu biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản. Mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu biểu quyết. Đối với cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ, thành viên Ban Đại Diện không thể tham dự trực tiếp thì có quyền gửi ý kiến bằng văn bản và/hoặc cử người đại diện mình tham dự và biểu quyết tại cuộc họp.

Trong quá trình hoạt động, trường hợp thành viên Ban Đại Diện Quỹ bị đình chỉ hoặc bãi nhiệm, hoặc trường hợp cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ hoặc thành viên không còn đáp ứng điều kiện, trong thời hạn mười lăm (15) ngày sau khi có sự thay đổi, Ban Đại Diện Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chọn thành viên đáp ứng quy định để tạm thời thay thế. Thành viên tạm thời thay thế sẽ thực hiện quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ cho đến khi Đại Hội Nhà Đầu Tư chính thức bổ nhiệm thành viên thay thế.

Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện báo cáo UBCKNN và công bố thông tin việc thay đổi cơ cấu Ban Đại Diện Quỹ theo quy định hiện hành về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Điều 30. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ

- 30.1. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban Đại Diện Quỹ được thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị và hội đồng quản trị.
- 30.2. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ không nhất thiết phải sở hữu Chứng Chỉ Quỹ.
- 30.3. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ không thể hoàn thành nhiệm kỳ có thể từ chối chức vụ bằng cách nộp đơn từ chức đến cho Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ trước ít nhất 60 ngày.
- 30.4. Những người sau đây không được là thành viên Ban Đại Diện Quỹ:
 - 30.4.1. Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị.
 - 30.4.2. Là thành viên của trên 05 Ban Đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng.

Điều 31. Quyền và nghĩa vụ của Ban Đại Diện Quỹ

- 31.1. Đại diện cho quyền lợi của Nhà Đầu Tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của Nhà Đầu Tư.
- 31.2. Phê duyệt sổ tay định giá Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; danh sách các tổ chức tín dụng theo quy định tại Điều Lệ.
- 31.3. Chấp thuận các giao dịch quy định tại Khoản 2 Điều 21 của Thông tư số 98/2020/TT-BTC.
- 31.4. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.
- 31.5. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát trên cơ sở quy định của pháp luật.
- 31.6. Trường hợp Điều Lệ Quỹ đã có quy định và Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất đã ủy quyền, Ban Đại Diện Quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại các Điều 23.2.2 đến Điều 23.2.8. của Điều Lệ Quỹ này. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về quyết định của Ban Đại Diện Quỹ theo quy định về công bố thông tin đối với quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư.
- 31.7. Yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý Quỹ và hoạt động giám sát.
- 31.8. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên hội đồng quản trị của công ty niêm yết và Điều Lệ Quỹ.
- 31.9. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ phải thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của Quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với Quỹ.
- 31.10. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.
- 31.11. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ.

Điều 32. Quyền và nghĩa vụ của chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ

- 32.1. Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ trong số thành viên Ban Đại Diện Quỹ. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ phải là thành viên độc lập.
- 32.2. Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:
 - 32.2.1. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban Đại diện Quỹ.
 - 32.2.2. Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ.
 - 32.2.3. Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban Đại Diện Quỹ
 - 32.2.4. Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều Lệ Quỹ.

Điều 33. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quỹ

- 33.1. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ bị miễn nhiệm chức vụ trong các trường hợp sau:
 - 33.1.1. Bị khởi tố hoặc truy tố.
 - 33.1.2. Bị tòa án tuyên bố mất tích, chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự.
 - 33.1.3. Bị cấm giữ chức vụ thành viên Ban Đại Diện Quỹ do quy định của pháp luật hoặc theo quyết định của UBCKNN hoặc cơ quan có thẩm quyền khác.
 - 33.1.4. Xin từ chức, chết hoặc hết nhiệm kỳ.
- 33.2. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ bị bãi nhiệm chức vụ trong các trường hợp sau:
 - 33.2.1. Không tham gia các hoạt động của Ban Đại Diện Quỹ trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng.
 - 33.2.2. Tiết lộ các bí mật kinh doanh, thông tin bí mật của Quỹ.
 - 33.2.3. Vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của thành viên Ban Đại Diện Quỹ mà dẫn đến nguy cơ gây thiệt hại cho Quỹ.
 - 33.2.4. Không còn đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện được làm thành viên Ban Đại Diện Quỹ theo Điều Lệ.
- 33.3. Thành viên Ban Đại Diện Quỹ được bổ sung trong các trường hợp sau:
 - 33.3.1. Ngay khi quyết định miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên của Ban Đại Diện Quỹ có hiệu lực.
 - 33.3.2. Khi Quỹ có nhu cầu bổ sung thành viên Ban Đại Diện Quỹ.
- 33.4. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Đại Diện Quỹ sẽ được quyết định trong buổi họp Ban Đại Diện Quỹ. Thành viên bổ sung sẽ được Đại Hội Nhà Đầu Tư bầu theo sự đề cử của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc Công Ty Quản Lý Quỹ tại cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư hoặc bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 34. Thủ tục điều hành của Ban Đại diện Quỹ

- 34.1. Trường hợp chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban Đại Diện Quỹ được chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ.
- 34.2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban Đại Diện Quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ sẽ được thực hiện tại Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất.

Điều 35. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ

- 35.1. Ban Đại Diện Quỹ tổ chức họp tối thiểu mỗi Quý 01 lần hoặc theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ để thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của mình.
- 35.2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước 01 Ngày Làm Việc.
- 35.3. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ có thể được tiến hành trực tiếp, thông qua điện thoại, internet và các phương tiện nghe, nhìn khác hoặc tiến hành lấy ý kiến bằng văn bản.

Mỗi thành viên có 01 phiếu biểu quyết. Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản.

- 35.4. Cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ được tổ chức khi có tối thiểu 2/3 số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên).
- 35.5. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên thông qua và đa số thành viên độc lập thông qua.
- 35.6. Quyết định của Ban Đại Diện Quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc theo hình thức khác quy định tại Điều Lệ Quỹ. Mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ có một phiếu biểu quyết.

Điều 36. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ

Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban Đại Diện Quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban Đại Diện Quỹ phải được lưu giữ tại Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều Lệ Quỹ.

Chương VI: CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Điều 37. Tiêu chuẩn lựa chọn Công Ty Quản Lý Quỹ

Công Ty Quản Lý Quỹ được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- 37.1. Đã được UBCKNN cấp phép hoạt động quản lý quỹ; có đủ vốn theo quy định của pháp luật về thành lập, tổ chức và hoạt động của công ty quản lý quỹ.
- 37.2. Hoàn toàn độc lập với Ngân Hàng Giám Sát.
- 37.3. Có đầy đủ khả năng tài chính và năng lực để thực hiện công tác quản lý Quỹ.
- 37.4. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu tại Phụ lục 1 và Phụ lục 3 Điều lệ này.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ

- 38.1. Nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ
 - 38.1.1. Tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ Công Ty Quản Lý Quỹ. Thực hiện việc quản lý tài sản của Quỹ theo quy định tại Điều Lệ này. Công Ty Quản Lý Quỹ tuân thủ các quy tắc về đạo đức nghề nghiệp, tự nguyện và luôn hoạt động một cách công bằng, trung thực cho Quỹ và vì lợi ích của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ, tránh xung đột về lợi ích và hành động ngay tình trong trường hợp không thể tránh được xung đột về lợi ích.
 - 38.1.2. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo rằng tổ chức và nhân sự có năng lực và được cơ cấu để hoàn thành các nghĩa vụ đối với Nhà Đầu Tư, tuân thủ Điều Lệ này, pháp luật và thông lệ quốc tế tốt nhất.
 - 38.1.3. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ bảo đảm việc ủy quyền cho bên thứ ba tuân thủ pháp luật và không ảnh hưởng bất lợi đến quyền lợi của Quỹ và Nhà Đầu Tư.
 - 38.1.4. Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ tách biệt tài sản của từng Quỹ, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với các tài sản của Quỹ, và các tài sản khác do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
 - 38.1.5. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu trách nhiệm cho những tổn thất đối với Quỹ do mình quản lý trong trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ không tuân thủ pháp luật và Điều Lệ này.
 - 38.1.6. Công Ty Quản Lý Quỹ đảm bảo tuân thủ các quy định về hạn chế đối với hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định tại Điều 11, Thông Tư số 99/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 hướng dẫn về hoạt động của công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
 - 38.1.7. Thực hiện các cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ được nêu tại Phụ Lục 1 của Điều Lệ này.

- 38.2. Quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ
- 38.2.1. Lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát theo tiêu chuẩn tại Điều Lệ và đàm phán ký kết hợp đồng dịch vụ lưu ký, giám sát.
 - 38.2.2. Ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát và các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ khác liên quan đến hoạt động quản lý Quỹ thực hiện hoạt động quản trị Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo hoạt động ủy quyền này không ảnh hưởng đến quyền lợi của Nhà Đầu Tư.
 - 38.2.3. Từ chối phát hành Chứng Chỉ Quỹ cho những chủ thể không được phép đầu tư vào Quỹ theo quy định của Điều Lệ và pháp luật hiện hành.
 - 38.2.4. Được thay mặt, đại diện cho Quỹ thực hiện mọi quyền lợi, nghĩa vụ, trách nhiệm đối với tài sản thuộc sở hữu của Quỹ theo quy định của pháp luật/
 - 38.2.5. Ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ.
 - 38.2.6. Được hưởng các khoản giá dịch vụ được quy định trong Điều Lệ Quỹ phù hợp với quy định của pháp luật.
 - 38.2.7. Tham gia tất cả các Đại Hội Nhà Đầu Tư và cuộc họp Ban Đại Diện Quỹ.
 - 38.2.8. Được yêu cầu Thành Viên Lập Quỹ, Nhà Đầu Tư, Đại Lý Phân Phối cung cấp thông tin.
 - 38.2.9. Soạn thảo, phê duyệt, chỉnh sửa, bổ sung, thay thế các nội dung được quy định trong Bản Cáo Bạch.
 - 38.2.10. Quyết định mức giá dịch vụ phát hành, mua lại và chuyển nhượng Chứng Chỉ Quỹ dựa trên khung giá dịch vụ được quy định trong Điều Lệ và Bản Cáo Bạch.
 - 38.2.11. Yêu cầu thanh lý Quỹ nếu Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ thấp hơn mức tối thiểu được quy định tại Điều Lệ.
 - 38.2.12. Tái sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chứng khoán phát hành bởi các tổ chức nước ngoài, tổ chức phát hành chịu sự điều chỉnh của pháp luật nước ngoài, chứng khoán phát hành tại nước ngoài và các tài sản khác ở nước ngoài. Việc đầu tư phải đảm bảo tuân thủ quy định của pháp luật.
 - 38.2.13. Các quyền khác của Công Ty Quản Lý Quỹ theo quy định pháp luật hiện hành và Điều Lệ.

Điều 39. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ

- 39.1. Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - 39.1.1. Đại Hội Nhà Đầu Tư có yêu cầu thay đổi Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - 39.1.2. Ban Đại Diện Quỹ đề nghị và được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận.
 - 39.1.3. Công Ty Quản Lý Quỹ bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động.
 - 39.1.4. Công Ty Quản Lý Quỹ hợp nhất, sáp nhập với một Công Ty Quản Lý Quỹ khác.
 - 39.1.5. Quỹ hết thời gian hoạt động.
 - 39.1.6. Theo quy định của pháp luật hoặc quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.
- 39.2. Trừ trường hợp quy định tại Điều 39.1.1, trước thời điểm dự kiến chấm dứt quyền và nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ tối thiểu 06 tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải tổ chức cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư lấy ý kiến về việc chấm dứt quyền, nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ.
- 39.3. Khi Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt quyền, nghĩa vụ của mình đối với Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải chuyển giao các quyền, nghĩa vụ của mình cũng như các thông tin, hồ sơ, chứng từ liên quan đến hoạt động của Quỹ cho một Công Ty Quản Lý Quỹ khác được Đại Hội Nhà Đầu Tư chấp thuận và phải theo quy định pháp luật hiện hành.

- 39.4. Nghĩa vụ thanh toán các chi phí cho Công Ty Quản Lý Quỹ của Quỹ khi Công Ty Quản Lý Quỹ chấm dứt quyền, nghĩa vụ đối với Quỹ theo quy định như sau:
- 39.4.1. Trường hợp chấm dứt quyền, nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ diễn ra vào thời điểm 03 năm đầu tiên kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Quỹ sẽ thanh toán khoản tiền tương đương 3% Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình của Quỹ trong vòng 52 tuần liên tục liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định chấm dứt quyền, nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- 39.4.2. Trường hợp chấm dứt quyền, nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ diễn ra sau 03 năm kể từ ngày Quỹ được cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ, Quỹ sẽ thanh toán khoản tiền tương đương 1,5% Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình của Quỹ trong vòng 52 tuần liên tục liền trước thời điểm Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định chấm dứt quyền, nghĩa vụ của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 40. Hạn chế hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ

- 40.1. Công Ty Quản Lý Quỹ không được là người có liên quan hoặc có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ. Thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ không được làm việc ở các bộ phận cung cấp dịch vụ lưu ký, giám sát, quản trị quỹ tại Ngân Hàng Giám Sát của Quỹ và ngược lại.
- 40.2. Trừ trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư quy định khác, Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ được tham gia góp vốn thành lập, đầu tư vào Quỹ.
- 40.3. Công Ty Quản Lý Quỹ, công ty mẹ, công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết, thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, Ban kiểm soát, Ban điều hành, nhân viên của công ty chỉ được là đối tác mua, bán tài sản trong danh mục tài sản ủy thác mà công ty đang quản lý theo nguyên tắc sau:
- 40.3.1. Giao dịch theo phương thức khớp lệnh tập trung thực hiện thông qua hệ thống giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán.
- 40.3.2. Trường hợp giao dịch không theo phương thức khớp lệnh tập trung, giao dịch được thực hiện khi có văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác hoặc đại diện của khách hàng ủy thác. Văn bản chấp thuận của khách hàng ủy thác phải thể hiện: loại tài sản giao dịch, đối tác giao dịch hoặc tiêu chí xác định đối tác giao dịch, giá giao dịch hoặc nguyên tắc xác định giá giao dịch, thời điểm thực hiện giao dịch.
- 40.4. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Ban điều hành, nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo bộ phận kiểm soát nội bộ trước và ngay sau khi giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân trên phải bao gồm: tên chứng khoán giao dịch, số lượng, giá giao dịch, tổng giá trị giao dịch, thời gian thực hiện, phương thức thực hiện, số tài khoản giao dịch, công ty chứng khoán nơi mở tài khoản giao dịch. Báo cáo giao dịch của các cá nhân phải được lưu trữ và quản lý tại bộ phận kiểm soát nội bộ và cung cấp cho UBCKNN khi có yêu cầu.
- 40.5. Công Ty Quản Lý Quỹ không được sử dụng vốn và tài sản của Quỹ để thực hiện các hoạt động sau đây:
- 40.5.1. Đầu tư vào chứng chỉ quỹ của chính Quỹ, công ty đầu tư chứng khoán khác do mình quản lý.
- 40.5.2. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để đầu tư vào chính Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức là người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ; không đầu tư vào tổ chức mà thành viên hội đồng thành viên, ban điều hành, nhân viên bộ phận kiểm toán nội bộ, ban kiểm soát (nếu có), nhân viên của Công Ty là cổ đông hoặc thành viên sở hữu trên 10% vốn điều lệ.
- 40.5.3. Không được sử dụng tài sản của Quỹ để cho vay dưới mọi hình thức, bảo lãnh cho các khoản vay dưới mọi hình thức hoặc thanh toán các nghĩa vụ nợ của Công Ty Quản Lý Quỹ, người có liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức, cá nhân khác. Quy định này không áp dụng trong trường hợp cho vay dưới

hình thức đầu tư tiền gửi tại các tổ chức tín dụng theo quy định của pháp luật ngân hàng, hoặc mua trái phiếu được phát hành, giao dịch trái phiếu theo quy định của pháp luật.

40.5.4. Công Ty Quản Lý Quỹ không được ủy quyền, thuê ngoài các tổ chức trên lãnh thổ Việt Nam để cung cấp dịch vụ tư vấn đầu tư chứng khoán, quản lý tài sản ủy thác.

40.5.5. Các hạn chế đầu tư vào quỹ đầu tư chứng khoán khác và đối với từng loại hình quỹ cụ thể được thực hiện theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Chương VII: NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Điều 41. Tiêu chuẩn lựa chọn Ngân Hàng Giám Sát

41.1. Ngân Hàng Giám Sát do Công Ty Quản Lý Quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 116 của Luật Chứng khoán và các quy định của pháp luật có liên quan.

41.2. Ngân Hàng Giám Sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với Công Ty Quản Lý Quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát. Ngân Hàng Giám sát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành, nhân viên trực tiếp của Ngân Hàng Giám Sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản Quỹ không được là người có liên quan, có quan hệ sở hữu, vay hoặc cho vay với Công Ty Quản Lý Quỹ và ngược lại.

41.3. Ngân Hàng Giám Sát, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên ban điều hành, nhân viên trực tiếp của Ngân Hàng Giám Sát thực hiện dịch vụ giám sát và bảo quản tài sản Quỹ không được là đối tác mua, bán tài sản của Quỹ.

41.4. Có đầy đủ năng lực cung cấp dịch vụ giám sát, dịch vụ lưu ký.

41.5. Đồng ý thực hiện các cam kết đối với Quỹ như được nêu ở Phụ lục 02, Phụ lục 03 của Điều Lệ Quỹ này.

Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

42.1. Nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát

42.1.1. Thực hiện các nghĩa vụ quy định tại khoản 3 Điều 56 của Luật Chứng khoán.

42.1.2. Thực hiện lưu ký tài sản của Quỹ; ghi nhận chính xác, kịp thời tài sản, các quyền tài sản và các lợi ích có liên quan đến tài sản nhận lưu ký của Quỹ; quản lý tách biệt tài sản của Quỹ, tài sản của Quỹ với tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Quỹ với tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ (trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát đồng thời là ngân hàng lưu ký của Quỹ và Công Ty Quản Lý Quỹ), tài sản của các quỹ khác của cùng một Công Ty Quản Lý Quỹ (trong trường hợp các quỹ này sử dụng chung Ngân Hàng Giám Sát đồng thời là ngân hàng lưu ký), tài sản của những khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát.

42.1.3. Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều Lệ.

42.1.4. Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN.

42.1.5. Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các Nhà Đầu Tư.

42.1.6. Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của Ngân Hàng Giám Sát.

42.1.7. Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều Lệ.

- 42.1.8. Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ.
 - 42.1.9. Giám sát hoặc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ phù hợp với các quy định pháp luật và Điều Lệ, đảm bảo việc tính toán Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ là chính xác.
 - 42.1.10. Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - 42.1.11. Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều Lệ quỹ.
 - 42.1.12. Thanh toán tiền cho Nhà Đầu Tư của Quỹ khi Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện việc mua lại Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, hoặc khi Quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho Nhà Đầu Tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều Lệ.
 - 42.1.13. Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng nhà đầu tư, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, địa chỉ và cập nhật tất cả những thay đổi nếu có.
 - 42.1.14. Nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ và Hợp Đồng Giám Sát.
- 42.2. Quyền của Ngân Hàng Giám Sát
- 42.2.1. Ngân Hàng Giám Sát được hưởng các loại giá dịch vụ cung cấp dịch vụ giám sát, bảo quản tài sản Quỹ theo Điều Lệ Quỹ và phù hợp với các quy định của pháp luật.
 - 42.2.2. Ngân Hàng Giám Sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu Ngân Hàng Giám Sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều Lệ này. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến Công Ty Quản Lý Quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến UBCKNN. Được quyền xem xét lại năng lực và các quy trình của Công Ty Quản Lý Quỹ trong quá trình quản lý Quỹ và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ chỉnh sửa nếu cần thiết.
 - 42.2.3. Được quyền tham dự Đại Hội Nhà Đầu Tư nhưng không được quyền biểu quyết.
 - 42.2.4. Các quyền khác theo quy định pháp luật, Hợp Đồng Giám Sát.

Điều 43. Hoạt động giám sát của Ngân Hàng Giám Sát

Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ có liên quan tới Quỹ mà Ngân Hàng Giám Sát thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, Ngân Hàng Giám Sát phải:

- 43.1. Phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ; giám sát việc xác định giá tài sản ròng; kiểm tra, bảo đảm Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Lô Chứng Chỉ Quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ quỹ.
- 43.2. Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều Lệ quỹ.
- 43.3. Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, Ngân Hàng Giám Sát phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho Công Ty Quản Lý Quỹ trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu Công Ty Quản

- Lý Quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định.
- 43.4. Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;
 - 43.4. Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều Lệ quỹ.
 - 43.5. Giám sát các hoạt động khác của Công Ty Quản Lý Quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều Lệ quỹ.
 - 43.6. Xác nhận các báo cáo về Giá Trị Tài Sản Ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ lập.
 - 43.7. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian 10 năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của Ngân Hàng Giám Sát đối với Công Ty Quản Lý Quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
 - 43.8. Khi có yêu cầu bằng văn bản của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều Lệ quỹ.
 - 43.9. Ngân Hàng Giám Sát có quyền yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đầu tư để Ngân Hàng Giám Sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật. Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - 43.10. Trường hợp Công Ty Quản Lý Quỹ phải bồi thường thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư, Ngân Hàng Giám Sát phải phối hợp với Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho quỹ, Nhà Đầu Tư theo chỉ thị hợp pháp của Công Ty Quản Lý Quỹ. Ngân Hàng Giám Sát liên đới cùng với Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do Ngân Hàng Giám Sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.

Điều 44. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Ngân Hàng Giám Sát

- 44.1. Ngân Hàng Giám Sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với Quỹ trong các trường hợp sau:
 - 44.1.1. Ngân Hàng Giám Sát bị chia, tách, giải thể, phá sản, bị hợp nhất, bị sáp nhập, chuyển đổi tư cách pháp nhân hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Luật Chứng Khoán;
 - 44.1.2. Đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát;
 - 44.1.3. Quỹ bị giải thể, bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - 44.1.4. Theo quyết định của Đại Hội Nhà Đầu Tư; hoặc
 - 44.1.5. Các trường hợp khác theo quy định pháp luật và theo Hợp Đồng Giám Sát.
- 44.2. Trường hợp Ngân Hàng Giám Sát đơn phương chấm dứt Hợp Đồng Giám Sát thì Ngân Hàng phải gửi thông báo bằng văn bản cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quỹ trước ít nhất 06 tháng và
- 44.3. Ngân Hàng Giám Sát chỉ có thể chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ của mình cho Ngân Hàng Giám Sát mới được Quỹ lựa chọn. Việc chuyển giao quyền và nghĩa vụ của Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ phải tuân theo quy định pháp luật.

Chương VIII: CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN

Điều 45. Các hoạt động được ủy quyền

- 45.1. Công Ty Quản Lý Quỹ được thuê Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ cho Quỹ theo đúng các điều khoản và quy định tại Điều Lệ Quỹ và pháp luật hiện hành. Các hoạt động được ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ bao gồm:
 - 45.1.1. Dịch vụ đại lý chuyển nhượng.
 - 45.1.2. Dịch vụ quản trị Quỹ.
 - 45.1.3. Các hoạt động khác (nếu có phát sinh) theo quy định của pháp luật, Điều Lệ Quỹ, Bản Cáo Bạch và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
- 45.2. Phạm vi và chi tiết về các hoạt động được ủy quyền theo quy định tại Điều 45.1 sẽ được thể hiện trong hợp đồng cung cấp dịch vụ giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ.
- 45.3. Hoạt động Đại Lý Chuyển Nhượng chỉ được ủy quyền cho duy nhất một tổ chức thực hiện và phải được thực hiện trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

Điều 46. Tiêu chí lựa chọn Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ liên quan

Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ cần đáp ứng các điều kiện sau:

- 46.1. Tiêu chí chung:
 - 46.1.1. Được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam.
 - 46.1.2. Được phép cung cấp các dịch vụ liên quan phù hợp với quy định của pháp luật.
 - 46.1.3. Có năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm và cách làm việc chuyên nghiệp phù hợp với yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ về cung cấp dịch vụ liên quan.
- 46.2. Tiêu chí kỹ thuật: Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ có liên quan phải có bộ phận chuyên trách cung cấp dịch vụ. Bộ phận chuyên trách này phải tách biệt với các bộ phận còn lại của bên nhận ủy quyền về tổ chức nhân sự, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo, phù hợp với quy định của pháp luật và yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với dịch vụ đó.

Điều 47. Trách nhiệm của Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ liên quan

- 47.1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền
 - 47.1.1. Tuân thủ quy định pháp luật và Điều Lệ.
 - 47.1.2. Được thực hiện dựa trên các hợp đồng ủy quyền giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức nhận ủy quyền. Hợp đồng phải ghi rõ phạm vi công việc, quyền, nghĩa vụ của các bên.
- 47.2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền:
 - 47.2.1. Đối với dịch vụ quản trị Quỹ:
 - a) Ghi nhận kế toán các giao dịch của Quỹ: ghi nhận biến động phản ánh dòng tiền ra, vào Quỹ.
 - b) Lập báo cáo tài chính của Quỹ; phối hợp, hỗ trợ tổ chức kiểm toán của Quỹ trong việc thực hiện kiểm toán cho Quỹ theo quy định của pháp luật và hợp đồng quản trị Quỹ.
 - c) Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị Chứng Chỉ Quỹ theo quy định của pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ.
 - d) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - 47.2.2. Đối với dịch vụ đại lý chuyển nhượng:

- a) Lập và quản lý sổ đăng ký Nhà Đầu Tư, hệ thống các tài khoản của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ; xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ.
 - b) Ghi nhận các lệnh hoán đổi, lệnh mua, lệnh bán của Nhà Đầu Tư; chuyển quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ; cập nhật sổ đăng ký Nhà Đầu Tư.
 - c) Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các quyền liên quan tới việc sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, Thành Viên Lập Quỹ.
 - d) Thực hiện các hoạt động khác theo quy định của pháp luật và hợp đồng ký với Công Ty Quản Lý Quỹ.
- 47.3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, báo cáo liên quan, cơ sở dữ liệu: Quản lý độc lập toàn bộ chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu của Quỹ và phải lưu trữ những chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu này tại Việt Nam. Đồng thời, tổ chức nhận ủy quyền phải có trách nhiệm tạo dựng cơ sở dữ liệu phù hợp với nhu cầu công việc đảm nhận sao cho thuận tiện, đầy đủ và đúng theo yêu cầu do luật định.
- 47.4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới Nhà Đầu Tư và đối tác của Công Ty Quản Lý Quỹ.
- 47.5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho Công Ty Quản Lý Quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của Công Ty Quản Lý Quỹ.

Điều 48. Trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền

- 48.1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của Công Ty Quản Lý Quỹ đối với Quỹ.
- 48.2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền.
- 48.3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này.
- 48.4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền.
- 48.5. Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm Công Ty Quản Lý Quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền.
- 48.6. Công Ty Quản Lý Quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công Ty Quản Lý Quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của Nhà Đầu Tư.
- 48.7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền.
- 48.8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền, hợp đồng ủy quyền, biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất. Các tài liệu này phải được cung cấp cho UBCKNN theo yêu cầu.

Điều 49. Chấm dứt hoạt động ủy quyền

- 49.1. Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ sẽ chấm dứt hoạt động được ủy quyền trong các trường hợp sau:

- 49.1.1. Xảy ra một trong các trường hợp chấm dứt hoạt động ủy quyền được quy định trong hợp đồng ủy quyền.
 - 49.1.2. Hợp đồng ủy quyền hết thời hạn.
 - 49.1.3. Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ tạm ngừng, chấm dứt hoạt động, giải thể, tuyên bố phá sản.
 - 49.1.4. Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ không đáp ứng điều kiện được quy định trong Điều Lệ.
 - 49.1.5. Theo quyết định của Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - 49.1.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
- 49.2. Trong trường hợp chấm dứt hoạt động ủy quyền, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ phải chuyển giao toàn bộ quyền, nghĩa vụ cũng như các sổ sách, tài liệu, dữ liệu điện tử liên quan đến Quỹ đang được mình quản lý cho một Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ mới do Công Ty Quản Lý Quỹ chỉ định.

Chương IX: ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI

Điều 50. Đại Lý Phân Phối Chứng Chỉ Quỹ

- 50.1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán đã có cấp giấy chứng nhận đăng ký Đại Lý Phân Phối chứng chỉ quỹ đại chúng, đã ký hợp đồng phân phối Chứng Chỉ Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ và Thành Viên Lập Quỹ.
- 50.2. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thẩm định cơ sở vật chất trước khi lựa chọn đại lý phân phối và địa điểm phân phối để cung cấp dịch vụ cho Nhà Đầu Tư. Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất của đại lý, địa điểm phân phối được lưu tại trụ sở Công Ty Quản Lý Quỹ và cung cấp cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền theo yêu cầu. Công Ty Quản Lý Quỹ phải thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động của đại lý phân phối là phù hợp với quy định của pháp luật và các điều khoản tại hợp đồng phân phối.
- 50.3. Hoạt động của Đại Lý Phân Phối
 - 50.3.1. Tổng hợp đầy đủ thông tin về Nhà Đầu Tư và người được hưởng lợi theo quy định của pháp luật chứng khoán và các quy định về phòng chống rửa tiền và các quy định về phòng, chống rửa tiền, tài trợ khủng bố;
 - 50.3.2. Nhận và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Công Ty Quản Lý Quỹ, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Đại Lý Phân Phối không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch, không được trực tiếp nhận tiền và thanh toán giao dịch Chứng Chỉ Quỹ cho Nhà Đầu Tư.
 - 50.3.3. Hỗ trợ Nhà Đầu Tư thực hiện các thủ tục thay đổi thông tin tại sở chính, xác nhận quyền sở hữu Chứng Chỉ Quỹ của Nhà Đầu Tư, chuyển quyền sở hữu theo quy định pháp luật.
 - 50.3.4. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, và kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của Quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện chế độ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ.
 - 50.3.5. Hỗ trợ Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ có liên quan tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư; nhận ủy quyền tham dự và thực hiện quyền biểu quyết theo chỉ thị bằng văn bản của Nhà Đầu Tư.
 - 50.3.6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ có liên quan và Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo yêu cầu của các tổ chức này.
- 50.4. Đại Lý Phân Phối chấm dứt hoạt động phân phối đối với Chứng Chỉ Quỹ khi:

- 50.4.1. Đại Lý Phân Phối bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động đại lý phân phối.
- 50.4.2. Hợp đồng đại lý phân phối hết hiệu lực.
- 50.4.3. Đại Lý Phân Phối không duy trì được được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ Quỹ theo quy định.
- 50.5. Trường hợp Đại Lý Phân Phối chấm dứt hoạt động phân phối đối với Chứng Chỉ Quỹ như Điều 50.4, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm thông báo trước cho Nhà Đầu Tư đồng thời chỉ định Đại Lý Phân Phối thay thế (nếu có).
- 50.6. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày thay đổi Đại Lý Phân Phối, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo với UBCKNN kèm theo các tài liệu sau:
 - 50.6.1. Thông báo về việc thay đổi đại lý phân phối chứng chỉ quỹ, địa điểm phân phối;
 - 50.6.2. Trường hợp bổ sung đại lý phân phối kèm theo các tài liệu: Hợp đồng đại lý phân phối ký với Công Ty Quản Lý Quỹ, Thành Viên Lập Quỹ; Báo cáo thẩm định cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự tại các địa điểm phân phối chứng chỉ Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ xác nhận (trừ trường hợp đại lý phân phối đang là đại lý phân phối của Quỹ khác do công ty quản lý).
- 50.7. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày bổ sung địa điểm phân phối chứng chỉ Quỹ, đại lý phân phối phải thông báo với UBCKNN, kèm theo các tài liệu về cơ sở vật chất kỹ thuật, nhân sự liên quan đến địa điểm phân phối.
- 50.8. Địa điểm phân phối chứng chỉ Quỹ chấm dứt hoạt động phân phối trong trường hợp sau:
 - 50.8.1. Theo quyết định của đại lý phân phối.
 - 50.8.2. Đại lý phân phối chấm dứt hoạt động tại chi nhánh, phòng giao dịch, văn phòng đại diện.
 - 50.8.3. Địa điểm phân phối không duy trì được được các điều kiện đăng ký hoạt động phân phối chứng chỉ Quỹ theo quy định.
 - 50.8.4. Hợp đồng phân phối hết hiệu lực.
- 50.9. Trường hợp địa điểm phân phối chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 50.8 Điều, Đại Lý Phân Phối có trách nhiệm thông báo trước cho Công Ty Quản Lý Quỹ và Nhà Đầu Tư, đồng thời chỉ định địa điểm phân phối thay thế.

Chương X: THÀNH VIÊN LẬP QUỸ, TỔ CHỨC TẠO LẬP THỊ TRƯỜNG

Điều 51. Điều kiện lựa chọn Thành Viên Lập Quỹ

- 51.1. Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới và tự doanh hoặc ngân hàng thương mại có giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký.
- 51.2. Trong vòng 12 tháng gần nhất, trước tháng nộp hồ sơ đăng ký thành lập Quỹ, công ty chứng khoán phải duy trì tỷ lệ vốn khả dụng tối thiểu đạt 220%, hoặc một tỷ lệ khác cao hơn theo yêu cầu của Công Ty Quản Lý Quỹ đầu tư chứng khoán; ngân hàng lưu ký phải đáp ứng tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật về ngân hàng.
- 51.3. Đã ký hợp đồng lập Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ.
- 51.4. Đáp ứng các điều kiện khác (nếu có) tại hợp đồng lập quỹ.

Điều 52. Quyền và trách nhiệm của Thành Viên Lập Quỹ

- 52.1. Quyền của Thành Viên Lập Quỹ
 - 52.1.1. Được cung cấp dịch vụ môi giới cho Nhà Đầu Tư trong hoạt động Hoán Đổi Danh Mục theo quy định của Điều Lệ Quỹ này. Quy định này chỉ áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ là công ty chứng khoán.
 - 52.1.2. Được thực hiện các giao dịch tự doanh theo cơ chế hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu của mình lấy các Lô Chứng Chỉ Quỹ với Quỹ và ngược lại.
 - 52.1.3. Được vay chứng khoán cơ cấu để hoán đổi các Lô Chứng Chỉ Quỹ; hoặc vay các Lô chứng Chỉ Quỹ để hoán đổi danh mục chứng khoán cơ cấu. Hoạt động

vay chứng khoán, chứng chỉ quỹ ETF này phải được thực hiện trên hệ thống vay và cho vay chứng khoán và theo hướng dẫn của VSDC.

52.1.4. Được thực hiện các giao dịch Chứng Chỉ Quỹ, Chứng Khoán Cơ Cấu khi đã có lệnh đối ứng được khớp, bảo đảm có đủ tài sản tại thời điểm để thanh toán giao dịch theo quy định tại Điều 20.4 của Điều Lệ Quỹ này.

52.2. Trách nhiệm của Thành Viên Lập Quỹ

52.2.1. Nhận lệnh giao dịch (trực tiếp hoặc thông qua Đại Lý Phân Phối) và chuyển lệnh giao dịch của từng Nhà Đầu Tư tới Công Ty Quản Lý Quỹ, VSDC, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ một cách đầy đủ, kịp thời, chính xác. Quy định này chỉ áp dụng đối với Thành Viên Lập Quỹ là công ty chứng khoán.

52.2.2. Không được tổng hợp, bù trừ lệnh giao dịch của các Nhà Đầu Tư. Lệnh giao dịch của Nhà Đầu Tư phải được xử lý độc lập, tách biệt với việc xử lý các lệnh giao dịch của chính Thành Viên Lập Quỹ. Trong giao dịch hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF, Thành Viên Lập Quỹ chỉ được sử dụng tài sản trên tài khoản tự doanh, tài sản của chính mình để hoán đổi lấy các lô chứng chỉ quỹ ETF, không được sử dụng tài sản của Nhà Đầu Tư.

52.2.3. Bảo đảm Nhà Đầu Tư có đầy đủ tiền, chứng khoán để thực hiện giao dịch theo quy định của pháp luật.

52.2.4. Quản lý tách biệt tài sản của Nhà Đầu Tư trên tài khoản của từng Nhà Đầu Tư, độc lập với tài sản của mình. Không được sử dụng tài sản của Nhà Đầu Tư dưới mọi hình thức; không được gửi, rút, chuyển khoản, thực hiện các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư; không được nhận ủy quyền của Nhà Đầu Tư và thực hiện chuyển tiền, tài sản giữa các tài khoản của các Nhà Đầu Tư. Các giao dịch liên quan tới tài sản của Nhà Đầu Tư chỉ được phép thực hiện nếu phù hợp với quy định của pháp luật và theo lệnh, chỉ thị hợp pháp và bằng văn bản của Nhà Đầu Tư.

52.2.5. Duy trì kênh liên lạc liên tục và thông suốt với Nhà Đầu Tư, đảm bảo cập nhật cho Nhà Đầu Tư một cách chính xác, đầy đủ, kịp thời mọi thông tin và giải đáp các thắc mắc của Nhà Đầu Tư về sản phẩm quỹ đã chào bán; thống kê, tổng hợp sao kê tài khoản, xác nhận giao dịch theo yêu cầu của Nhà Đầu Tư; cung cấp cho Nhà Đầu Tư Bản cáo bạch, Bản cáo bạch tóm tắt, báo cáo tài chính của quỹ, tài liệu về các cuộc họp Đại hội Nhà Đầu Tư, các thông tin khác; thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ.

52.2.6. Tổng hợp, lưu trữ thông tin chi tiết về Nhà Đầu Tư và các giao dịch của Nhà Đầu Tư. Cung cấp các thông tin này cho Công Ty Quản Lý Quỹ, Sở Giao Dịch Chứng Khoán, VSDC, Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ và UBCKNN theo yêu cầu của các cơ quan, tổ chức này.

52.2.7. Tuân thủ các nguyên tắc hoạt động của Đại Lý Phân Phối.

Điều 53. Tổ chức tạo lập thị trường

53.1. Công Ty Quản Lý Quỹ được chỉ định một hoặc một số Thành Viên Lập Quỹ là Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường cho Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm gửi UBCKNN hợp đồng về hoạt động tạo lập thị trường ngay sau khi ký với các tổ chức tạo lập thị trường.

53.2. Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường phải yết các mức giá chào mua, giá chào bán Chứng Chỉ Quỹ ETF; có trách nhiệm mua, bán Chứng Chỉ Quỹ ETF theo mức giá yết tại các Ngày Giao Dịch và thực hiện các nghĩa vụ, trách nhiệm của mình theo quy chế hoạt động Tổ Chức Tạo Lập Thị Trường do Sở Giao Dịch Chứng Khoán xây dựng và ban hành.

Chương XI: KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO

Điều 54. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán

Hàng năm, Công Ty Quản Lý Quỹ sẽ đề xuất Công Ty Kiểm Toán để trình Đại Hội Nhà Đầu Tư lựa chọn. Trường hợp Đại Hội Nhà Đầu Tư ủy quyền cho Ban Đại Diện Quỹ theo quy định tại Khoản 4 Điều 31.6 Điều Lệ này, Ban Đại Diện Quỹ thực hiện chọn Công Ty Kiểm Toán để

tiến hành soát xét, kiểm toán cho Quỹ. Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn phải thỏa mãn các điều kiện sau:

- 54.1. Có giấy phép được cung cấp dịch vụ kiểm toán do Bộ Tài Chính cấp.
- 54.2. Nằm trong danh sách các công ty kiểm toán được UBCKNN chấp thuận.
- 54.3. Không phải là Người Có Liên Quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát.
- 54.4. Có uy tín và kinh nghiệm trong việc thực hiện kiểm toán cho các quỹ đầu tư.

Điều 55. Năm tài chính

Năm tài chính là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập Quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

Trường hợp thời gian từ ngày thành lập Quỹ đến hết ngày 31 tháng 12 cùng năm ngắn hơn 90 ngày thì kỳ kế toán đầu tiên được tính từ ngày thành lập Quỹ ETF đến hết ngày 31 tháng 12 của năm tiếp theo.

Điều 56. Chế độ kế toán

- 56.1. Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.
- 56.2. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm chuẩn bị các báo cáo tài chính thường kỳ về kết quả kinh doanh và tình hình tài chính của Quỹ và các báo cáo cần thiết khác để tường trình hoạt động của Quỹ. Báo cáo tài chính bán niên /báo cáo tài chính hàng năm sẽ được soát xét bán niên/ kiểm toán độc lập hàng năm bởi Công Ty Kiểm Toán được lựa chọn. Các bản sao của báo cáo kiểm toán và báo cáo hoạt động của Quỹ phải được gửi đến từng thành viên Ban Đại Diện Quỹ và công bố công khai trên website của Công Ty Quản Lý Quỹ để Nhà Đầu Tư có thể tham khảo.
- 56.3. Công Ty Quản Lý Quỹ phải tuân thủ các quy định hiện hành của pháp luật về chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến các hoạt động kinh doanh của Quỹ.

Chương XII: PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ

Điều 57. Xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ

- 57.1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải xây dựng sổ tay định giá bao gồm các nội dung sau:
 - 57.1.1. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi các tổ chức cung cấp báo giá;
 - 57.1.2. Nguyên tắc, quy trình chi tiết thực hiện các phương pháp định giá phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều Lệ Quỹ và thông lệ quốc tế; phải rõ ràng để áp dụng thống nhất trong các điều kiện thị trường khác nhau.
- 57.2. Sổ tay định giá phải được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt và cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát để giám sát việc tính Giá Trị Tài Sản Ròng. Danh sách của tối thiểu 03 tổ chức cung cấp báo giá không phải là người liên quan của Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát phải được Ban Đại Diện Quỹ phê duyệt.
- 57.3. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Lô Chứng Chỉ Quỹ tuân thủ quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ.
- 57.4. Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm xác định hoặc ủy quyền cho đơn vị cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu xác định và công bố thông tin về Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu Trên Một Chứng Chỉ Quỹ (iNAV) trên cơ sở giá thị trường từ giao dịch được thực hiện gần nhất của Danh Mục Chứng Khoán Cơ Cấu hoá đổi. Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu trên một Chứng Chỉ Quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu trên một Chứng Chỉ Quỹ được cập nhật tối thiểu 15 giây một lần và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty hoặc trên hệ thống của Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 57.5. Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho Ngân Hàng Giám Sát xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ có trách nhiệm giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá Trị Tài Sản Ròng do Ngân Hàng Giám

Sát thực hiện là phù hợp các quy định tại Điều Lệ Quỹ và của pháp luật, Giá Trị Tài Sản Ròng được tính đúng.

- 57.6. Trong vòng 03 ngày, kể từ ngày Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn 30.000.000.000 VNĐ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và đề xuất phương án khắc phục. Trường hợp Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ giảm xuống thấp hơn 10.000.000.000 đồng trong vòng 06 tháng liên tục thì Công Ty Quản Lý Quỹ phải thanh lý tài sản để giải thể Quỹ theo quy định tại Điều Lệ Quỹ.

Điều 58. Nguyên tắc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng

- 58.1. Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường). Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước ngày định giá. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định tại Điều 59 của Điều lệ này và quy định nội bộ tại Sổ tay định giá;
- 58.2. Sau khi xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo kết quả để Ngân Hàng Giám Sát xác nhận. Việc xác nhận giá trị thực hiện bằng văn bản, hoặc truy xuất thông qua hệ thống thông tin điện tử của Ngân Hàng Giám Sát đã được Công Ty Quản Lý Quỹ chấp thuận. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi phát hiện Giá Trị Tài Sản Ròng bị định giá sai, ngân hàng giám sát phải thông báo và yêu cầu Công Ty Quản Lý Quỹ kịp thời điều chỉnh hoặc ngược lại trong trường hợp Ngân Hàng Giám Sát cung cấp dịch vụ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng. Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện Giá Trị Tài Sản Ròng bị định giá sai, Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát (trong trường hợp ngân hàng giám sát cung cấp dịch vụ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng) phải điều chỉnh lại và công bố thông tin theo quy định, đồng thời thông báo cho UBCKNN về việc định giá sai, bao gồm nguyên nhân xảy ra sự việc, thời gian bị định giá sai, biện pháp xử lý. Nội dung thông báo phải được Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát cùng ký xác nhận. Sau khi Ngân Hàng Giám Sát xác nhận, các Giá Trị Tài Sản Ròng nêu trên phải được công bố theo quy định về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Việc công bố Giá Trị Tài Sản Ròng cho Nhà Đầu Tư được thực hiện tại ngày làm việc tiếp theo của Ngày Định Giá.
- 58.3. Công Ty Quản Lý Quỹ được ủy quyền cho Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ. Trong trường hợp này, Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định Giá Trị Tài Sản Ròng được tính chính xác và phù hợp Điều lệ Quỹ, sổ tay định giá và các quy định của pháp luật.
- 58.4. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ tính Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền có trách nhiệm xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu Trên Một Chứng Chỉ Quỹ (INAV) trên cơ sở giá thị trường của Chứng Khoán Cơ Cấu từ giao dịch được thực hiện gần nhất. Giá Trị Tài Sản Ròng Tham Chiếu Trên Một Chứng Chỉ Quỹ chỉ là giá trị tham chiếu, không phải là giá trị để xác định giá giao dịch. Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu được cập nhật tối thiểu mười lăm giây một lần (15s) và được công bố trên các trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc trên hệ thống của Sở giao Dịch Chứng Khoán.

Điều 59. Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng

- 59.1. Thời điểm xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ
Ngày Định Giá: Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định hàng ngày và cuối tháng. Trong trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ, lễ thì Ngày Định Giá là ngày làm việc tiếp theo liền ngay sau đó. Đối với kỳ định giá hàng tháng, Ngày Định Giá là ngày đầu tiên của tháng tiếp theo, và không thay đổi kể cả trường hợp Ngày Định Giá rơi vào ngày nghỉ, lễ.
- 59.2. Nguyên tắc, phương thức xác định Giá Trị Tài Sản Ròng

59.2.1. Việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Của Quỹ ETF, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Lô Chứng Chỉ Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng trên một Chứng Chỉ Quỹ theo nguyên tắc sau:

- a) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ. Tổng giá trị tài sản của Quỹ được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý của tài sản (trong trường hợp không xác định được giá thị trường) tại ngày liền trước Ngày Định Giá. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ thanh toán của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá. Phương pháp xác định giá thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán thực hiện theo nguyên tắc quy định của luật và quy định nội bộ tại Sở tay định giá.
- b) Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Chứng Chỉ Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Chứng Chỉ Quỹ đang lưu hành tại ngày giao dịch gần nhất trước Ngày Định Giá và làm tròn xuống đến 02 số thập phân. Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Lô Chứng Chỉ Quỹ bằng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ chia cho tổng số Lô Chứng Chỉ Quỹ và làm tròn xuống đến hàng đơn vị. Giá Trị Tài Sản Ròng được làm tròn theo quy định của chế độ kế toán Quỹ. Phần dư phát sinh từ việc làm tròn Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được hạch toán vào Quỹ.

59.2.2. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đảm bảo:

- a) Giá trị tài sản được định giá một cách chính xác, phù hợp với các quy định pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ;
- b) Việc định giá phải phản ánh chính xác, kịp thời và đầy đủ các giao dịch đầu tư;
- c) Các khoản mục định giá (Bao gồm cổ phiếu, tiền mặt và các khoản đầu tư khác) phải thường xuyên được đối chiếu với chứng từ gốc. Các khoản không thống nhất phải được xử lý kịp thời;
- d) Cổ tức, quyền mua cổ phiếu và cổ phiếu thưởng phải được hạch toán vào tài sản của Quỹ (Trừ trường hợp phải hạch toán theo nguyên tắc thận trọng);
- e) Những khoản chi phí, lãi và cổ tức phải được hạch toán lũy kế đến ngày liền trước Ngày Định Giá theo một tỷ lệ lãi suất cố định;
- f) Các khoản mục thuế, phí, lệ phí cần được xem xét và điều chỉnh kịp thời theo quy định pháp luật;
- g) Xác lập các mức dao động cho phép hợp lý đối với những biến động theo các yếu tố quan trọng khi định giá;
- h) Thường xuyên rà soát, kiểm tra quy trình định giá danh mục đầu tư. Kết quả kiểm tra phải được lưu giữ;
- i) Việc đối chiếu các chứng từ về tài sản của Quỹ với Ngân Hàng Giám Sát cần được thực hiện định kỳ tối thiểu mỗi tháng một lần.

59.2.3. Ngân Hàng Giám Sát

- a) Ngân Hàng Giám Sát phải thường xuyên kiểm tra, giám sát để đảm bảo rằng Công Ty Quản Lý Quỹ có nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định và hệ thống giám sát việc xác định giá chứng khoán hoặc Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được thực hiện theo các quy định pháp luật và tại Điều Lệ Quỹ. Việc kiểm tra, giám sát thường xuyên phải được duy trì đối với bên thứ ba được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền thực hiện các hoạt động này;
- b) Việc rà soát các nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá phải được thực hiện ngay sau khi hợp đồng giám sát ký với Công Ty Quản Lý Quỹ có hiệu lực;

- c) Việc rà soát phải được thực hiện thường xuyên hơn khi Ngân Hàng Giám Sát biết hoặc nghi ngờ rằng nguyên tắc, quy trình, phương pháp xác định giá và hệ thống giám sát việc xác định giá của Công Ty Quản Lý Quỹ không đáp ứng yêu cầu;
- d) Ngân Hàng Giám Sát phải đảm bảo rằng mọi vấn đề phát hiện từ những lần kiểm tra, giám sát đều được theo dõi và có biện pháp giải quyết phù hợp.

59.2.4. Phương pháp xác định Giá Trị Tài Sản Ròng

- a) Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ được xác định bằng tổng giá trị tài sản trừ đi tổng nợ phải trả của Quỹ tại ngày gần nhất trước ngày định giá. Tổng giá trị tài sản của Quỹ phải được xác định theo giá thị trường hoặc giá trị hợp lý (trong trường hợp không xác định được giá thị trường) tại ngày gần nhất trước Ngày Định Giá. Tổng nợ phải trả của Quỹ là các khoản nợ hoặc nghĩa vụ của Quỹ tính đến ngày gần nhất trước Ngày Định Giá.
- b) Trường hợp tài sản được định giá hoặc đánh giá không chính xác:
 - i) Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo cho Ngân Hàng Giám Sát mỗi khi phát hiện các trường hợp định giá không chính xác;
 - ii) Ngân Hàng Giám Sát phải nộp báo cáo tháng, quý, năm gửi UBCKNN tổng kết về các trường hợp định giá không chính xác này.
- c) Phương pháp xác định giá trị thị trường, giá trị hợp lý các tài sản có trong danh mục, giá trị các khoản nợ và nghĩa vụ thanh toán được thực hiện theo các nguyên tắc quy định tại sổ tay định giá, quy định pháp luật.

Điều 60. Đền bù thiệt hại cho Nhà Đầu Tư, Quỹ

- 60.1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải đền bù thiệt hại cho Quỹ, Nhà Đầu Tư giao dịch Chứng Chỉ Quỹ khi định giá sai Giá Trị Tài Sản ròng của Quỹ, với các mức sai lệch đạt từ 1% giá trị tài sản ròng trở lên.
- 60.2. Trong trường hợp Quỹ bị định giá thấp, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:
 - 60.2.1. Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trước thời gian Quỹ bị định giá sai và bán Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng Chỉ Quỹ Nhà Đầu Tư đã bán.
 - 60.2.2. Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành.
- 60.3. Trong trường hợp Quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho Quỹ và cho Nhà Đầu Tư được xác định như sau:
 - 60.3.1. Đối với Nhà Đầu Tư mua Chứng Chỉ Quỹ trong thời gian Quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian Quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng Chỉ Quỹ Nhà Đầu Tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai.
 - 60.3.2. Đối với Quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Quỹ đã phát hành ra trước thời gian Quỹ bị định giá sai và Quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

Chương XIII: GIÁ DỊCH VỤ, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỸ

Điều 61. Các loại giá dịch vụ, chi phí do Quỹ trả

- 61.1. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ

61.1.1. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được trả cho Công Ty Quản Lý Quỹ để thực hiện dịch vụ quản lý Quỹ ETF. Giá Dịch Vụ Quản Lý được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ ETF là 0,55% (Chưa bao gồm giá dịch vụ/tiền cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ).

61.1.2. Tổng các khoản Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ và giá dịch vụ/tiền cung cấp dịch vụ thanh toán cho các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan được Công Ty Quản Lý Quỹ ủy quyền để thực hiện các dịch vụ cho Quỹ ETF không vượt quá 2% NAV của Quỹ/năm, trừ trường hợp pháp luật của quy định cho phép.

61.1.3. Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

61.1.4. Công thức tính Giá Dịch Vụ Quản Lý vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ cho kỳ định giá = "Tỷ lệ Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ tính theo năm" x "NAV tại ngày trước Ngày Định Giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)"

Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ là Tổng Giá Dịch Vụ Quản Lý Quỹ tại các kỳ định giá trong tháng.

61.2. Giá Dịch Vụ Giám Sát, Giá Dịch Vụ Lưu Ký

61.2.1. Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát được trả cho Ngân Hàng Giám Sát để thực hiện dịch vụ lưu ký tài sản Quỹ và giám sát hoạt động của Công Ty Quản Lý Quỹ. Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát được tính trên tỷ lệ phần trăm trên NAV của Quỹ chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

a) Giá Dịch Vụ Lưu Ký:

NAV dưới 600 tỷ đồng: 0,06%/NAV/năm.

NAV từ 600 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng: 0,05%/NAV/năm.

NAV từ 1000 tỷ đồng trở lên: 0,04%/NAV/năm.

b) Giá Dịch Vụ Lưu Ký tối thiểu (không bao gồm Giá Dịch Vụ giao dịch chứng khoán và Giá Dịch Vụ hoán đổi danh mục): 20.000.000 VNĐ/tháng.

c) Giá Dịch Vụ Giám Sát (tính trên tần suất giao dịch hoán đổi hàng ngày) là 0,02% NAV/năm.

d) Giá Dịch Vụ Giám Sát tối thiểu (tính trên tần suất giao dịch hoán đổi hàng ngày): 5.000.000 VNĐ/tháng.

Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có). Tổng số Giá Dịch Vụ Lưu Ký và Giám Sát tuân thủ theo quy định của pháp luật.

61.2.2. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

61.2.3. Công thức tính Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giá Dịch Vụ Giám Sát vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá Dịch Vụ Giám Sát, Lưu Ký (chưa bao gồm phí giao dịch chứng khoán) cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá Dịch Vụ tối thiểu hàng tháng" X "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong tháng"] và ["Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Lưu Ký, Giám Sát (năm)" x "NAV tại ngày trước Ngày Định Giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá" / "số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)"].

61.3. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ

61.3.1. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị Quỹ cho Quỹ. Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ ETF được tính như sau:

a) Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ ETF:

NAV dưới 1.000 tỷ đồng: 0,03%/NAV/năm.

NAV từ 1.000 tỷ đồng trở lên: 0,02%/NAV/năm.

b) Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ tối thiểu: 15.000.000 VNĐ/tháng.

Các mức giá dịch vụ nêu trên chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có).

61.3.2. Giá dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền giá dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

61.3.3. Công thức tính Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá Dịch Vụ tối thiểu hàng tháng" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong tháng"] và ["Tỷ lệ % Giá Dịch Vụ Quản Trị Quỹ (năm)" x "NAV tại ngày trước Ngày Định Giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)"].

61.4. Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng

61.4.1. Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng được trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng cho Quỹ.

61.4.2. Mức Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng: 5.000.000 VNĐ/tháng (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)). Mức giá chi tiết được quy định cụ thể trong Hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng.

61.4.3. Số tiền cung cấp dịch vụ trả hàng tháng là tổng số tiền cung cấp dịch vụ được tính (trích lập) cho các kỳ định giá thực hiện trong tháng.

61.4.4. Công thức tính Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng vào mỗi kỳ định giá trong tháng được xác định như sau:

Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng = "Mức Giá Dịch Vụ Đại Lý Chuyển Nhượng cố định hàng tháng" / "số ngày thực tế của tháng" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá".

61.5. Giá Dịch Vụ Sử Dụng Chỉ Số Tham Chiếu trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số

61.5.1. Giá dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu được trả cho HOSE cho dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ Số Tham Chiếu. Giá dịch vụ sử dụng Chỉ Số Tham Chiếu tối đa là 0,05% NAV/năm, tối thiểu 50.000.000 VNĐ/năm (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có)).

61.5.2. Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì giá dịch vụ trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu là tổng số giá dịch vụ tại các kỳ định giá trong tháng.

61.5.3. Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu.

61.5.4. Công thức tính giá dịch vụ quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu cho kỳ định giá = Tỷ lệ % giá dịch vụ trả cho tổ chức quản lý và vận hành chỉ số tham chiếu theo năm x NAV tại ngày trước ngày định giá x số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)

61.6. Giá dịch vụ tính toán các thông tin của Quỹ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính Giá Trị Tài Sản Ròng tham chiếu (iNAV), iINDEX, mức sai lệch so với Chỉ Số Tham Chiếu (TE)

61.6.1. Giá dịch vụ cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV), iINDEX và Tracking Error là 0,05% NAV/năm và tối thiểu là 50.000.000 VNĐ/năm, chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng (nếu có). Giá dịch vụ này do Quỹ KIM VN30 ETF chi trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu (iNAV), iINDEX và Tracking error.

61.6.2. Với kỳ định giá NAV hàng tháng thì giá dịch vụ trả cho tổ chức cung cấp dịch vụ tính giá trị tài sản ròng tham chiếu là tổng giá dịch vụ tại các kỳ định giá trong tháng.

61.6.3. Mức giá dịch vụ và phương pháp thanh toán giá dịch vụ được quy định cụ thể trong hợp đồng giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Tổ chức cung cấp dịch vụ.

61.6.4. Công thức tính Giá dịch vụ nêu tại khoản này vào mỗi kỳ định giá được xác định như sau:

Giá dịch vụ nêu tại khoản này cho kỳ định giá = Số lớn hơn giữa ["Giá dịch vụ tối thiểu" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá/ số ngày trong năm"] và ["Tỷ lệ % giá dịch vụ (năm)" x "NAV tại ngày trước Ngày Định Giá" x "số ngày theo lịch thực tế của chu kỳ định giá / số ngày thực tế của năm (365 hoặc 366)"].

61.7. Các loại chi phí và lệ phí khác

61.7.1. Phí/giá dịch vụ giao dịch bao gồm phí/giá dịch vụ môi giới, phí/giá dịch vụ chuyển nhượng các giao dịch tài sản của Quỹ phải trả cho công ty chứng khoán và các bên khác.

61.7.2. Chi phí kiểm toán trả cho tổ chức kiểm toán.

61.7.3. Chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác.

61.7.4. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch tóm tắt, báo cáo tài chính, báo cáo thường niên, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ.

61.7.5. Chi phí liên quan đến thực hiện các giao dịch tài sản của Quỹ.

61.7.6. Chi phí liên quan đến việc thuê các tổ chức độc lập cung cấp dịch vụ định giá, đánh giá tài sản Quỹ.

61.7.7. Thù lao cho Ban Đại Diện Quỹ.

61.7.8. Các chi phí hợp lý và hợp lệ và được Ban Đại Diện Quỹ quyết định.

61.7.9. Chi phí bảo hiểm (nếu có).

61.7.10. Thuế, phí, lệ phí mà Quỹ phải thanh toán theo quy định của pháp luật.

61.7.11. Lãi tiền vay phải trả cho các khoản vay của Quỹ phù hợp với Điều Lệ Quỹ và quy định của pháp luật.

61.7.12. Các loại chi phí khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 62. Thu nhập của Quỹ

Thu nhập của Quỹ bao gồm các khoản sau:

62.1. Cổ tức.

62.2. Lãi trái phiếu và các công cụ thị trường tiền tệ.

62.3. Lãi tiền gửi.

62.4. Chênh lệch mua bán từ các hoạt động đầu tư của Quỹ.

62.5. Các khoản thu nhập khác phát sinh từ hoạt động đầu tư hoặc các hoạt động khác của Quỹ (nếu có).

Điều 63. Chi phí hoạt động của Quỹ

63.1. Chi phí hoạt động của Quỹ là những chi phí được chi trả bằng tài sản của Quỹ để duy trì hoạt động của Quỹ cho các bên liên quan. Các chi phí hoạt động của Quỹ bao gồm:

63.1.1. Giá dịch vụ quản lý quỹ cho Công Ty Quản Lý Quỹ.

63.1.2. Giá dịch vụ lưu ký và giám sát cho Ngân Hàng Giám Sát.

63.1.3. Giá dịch vụ cho Thành Viên Lập Quỹ.

63.1.4. Giá dịch vụ giao dịch thanh toán.



- 63.1.5. Giá dịch vụ cho các Tổ Chức Cung Cấp Dịch Vụ.
 - 63.1.6. Giá dịch vụ quản lý và vận hành Chỉ Số Tham Chiếu.
 - 63.1.7. Giá dịch vụ đại lý chuyển nhượng.
 - 63.1.8. Giá dịch vụ quản trị quỹ.
 - 63.1.9. Giá dịch vụ tính iNAV.
 - 63.1.10. Giá dịch vụ kiểm toán.
 - 63.1.11. Giá dịch vụ tư vấn pháp lý, dịch vụ báo giá và các dịch vụ hợp lý khác, thù lao trả cho Ban Đại Diện Quỹ.
 - 63.1.12. Chi phí dự thảo, in ấn, gửi Bản Cáo Bạch, Bản Cáo Bạch Tóm Tắt, báo cáo tài chính, xác nhận giao dịch, sao kê tài khoản và các tài liệu khác cho Nhà Đầu Tư; chi phí công bố thông tin của Quỹ; chi phí tổ chức họp Đại Hội Nhà Đầu Tư, Ban Đại Diện Quỹ.
 - 63.1.13. Các chi phí hợp lý khác được Công Ty Quản Lý Quỹ công bố trong Bản Cáo Bạch tùy từng thời điểm.
- 63.2. Chi phí hoạt động của Quỹ sẽ được quy định chi tiết trong Bản Cáo Bạch và được công bố trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày kết thúc quý II và quý IV hằng năm sau khi giá trị này đã được Ngân Hàng Giám Sát xác nhận, bảo đảm tính chính xác theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động của Quỹ trong kỳ}}{\text{Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình trong kỳ}} \times 100\%$$

Trường hợp Quỹ thành lập và hoạt động dưới một năm, tỷ lệ chi phí hoạt động được xác định theo công thức sau:

$$\text{Tỷ lệ chi phí hoạt động (\%)} = \frac{\text{Tổng chi phí hoạt động trong kỳ} \times 365 \text{ ngày}}{\text{Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình trong kỳ báo cáo} \times \text{Thời gian hoạt động của Quỹ tính từ thời điểm được cấp phép}} \times 100\%$$

Trong đó, Giá Trị Tài Sản Ròng trung bình trong một kỳ của Quỹ là tổng Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ tính tại các Ngày Định Giá trong kỳ đó chia cho số Ngày Định Giá Chứng Chỉ Quỹ trong cùng kỳ.

Điều 64. Phân chia lợi tức của Quỹ

- 64.1. Nhà Đầu Tư được nhận lợi tức từ Quỹ theo chính sách phân phối lợi nhuận quy định tại Điều Lệ Quỹ và theo phương án phân chia đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư gần nhất thông qua. Lợi tức chỉ trả cho Nhà Đầu Tư được trích từ lợi nhuận trong kỳ, hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi trích lập đầy đủ các Quỹ (nếu có) theo quy định tại Điều Lệ Quỹ và hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính (nếu có) theo quy định của pháp luật.
- 64.2. Công Ty Quản Lý Quỹ phải khấu trừ các khoản thuế, phí, lệ phí theo quy định của pháp luật trước khi phân phối lợi tức cho Nhà Đầu Tư. Phí chuyển khoản ngân hàng cho phân lợi tức này sẽ do Nhà Đầu Tư chịu.
- 64.3. Lợi tức có thể được thanh toán bằng tiền, bằng Chứng Chỉ Quỹ. Tối thiểu 15 ngày trước khi phân phối lợi tức, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo đến Nhà Đầu Tư bằng phương thức để bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc hoặc thư điện tử đã đăng ký của Nhà Đầu Tư. Thông báo phải bao gồm tối thiểu các nội dung theo mẫu quy định tại Phụ lục VII ban hành kèm theo Thông tư 98/2020/TT-BTC.
- 64.4. Thông tin về hoạt động phân chia lợi nhuận của Quỹ đã thực hiện phải được cập nhật tại Bản cáo bạch sửa đổi, bổ sung.
- 64.5. Việc chi trả lợi tức Quỹ bảo đảm nguyên tắc:

- 64.5.1. Lợi tức phân phối cho Nhà Đầu Tư được lấy từ nguồn lợi nhuận trong kỳ hoặc lợi nhuận lũy kế sau khi Quý đã hoàn tất mọi nghĩa vụ thuế, tài chính theo quy định pháp luật.
- 64.5.2. Mức chi trả lợi tức phải phù hợp với chính sách phân phối lợi nhuận của Quý quy định tại Điều Lệ Quý và được Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua .
- 64.5.3. Sau khi chi trả, Quý vẫn phải đảm bảo có nguồn vốn để thanh toán đủ các khoản nợ, nghĩa vụ tài sản khác đến hạn và Giá Trị Tài Sản Ròng Quý sau khi chi trả lợi tức phải không thấp hơn 50.000.000.000 VNĐ.
- 64.5.4. Trường hợp phân phối lợi tức bằng Chứng Chỉ Quý, Quý phải có đủ nguồn vốn đối ứng từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối căn cứ trên báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán hoặc soát xét.

Chương XIV: TÀI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ

Điều 65. Hợp nhất, sáp nhập Quỹ

- 65.1. Tối thiểu 30 ngày trước ngày họp Đại hội Nhà Đầu Tư, Công Ty Quản Lý Quỹ phải cung cấp cho Nhà Đầu Tư các tài liệu liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập bao gồm:
 - 65.1.1. Phương án hợp nhất, sáp nhập;
 - 65.1.2. Dự thảo hợp đồng hợp nhất, sáp nhập;
 - 65.1.3. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, các báo cáo tài chính quý của tất cả các Quý bị hợp nhất, bị sáp nhập tới quý gần nhất;
 - 65.1.4. Dự thảo Điều Lệ Quỹ, Bản cáo bạch (nếu có), Bản cáo bạch tóm tắt (nếu có) của Quý hợp nhất, Quý nhận sáp nhập.
- 65.2. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công Ty Quản Lý Quỹ phải thông báo về quyết định hợp nhất, sáp nhập Quý cho các chủ nợ. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, chủ nợ có quyền yêu cầu Quý thanh toán các khoản phải trả. Quá thời hạn nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ không nhận được yêu cầu từ các chủ nợ, nghĩa vụ thanh toán sẽ do Quý hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện.
- 65.3. Trường hợp các Quý bị hợp nhất, bị sáp nhập được quản lý bởi cùng một Công Ty Quản Lý Quỹ, mọi chi phí dịch vụ tư vấn pháp lý, chi phí hành chính và các dịch vụ khác liên quan tới việc hợp nhất, sáp nhập Quý không được hạch toán vào chi phí của Quý, trừ trường hợp Đại hội Nhà Đầu Tư có quyết định khác.
- 65.4. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ban Đại Diện Quý có trách nhiệm:
 - 65.4.1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác, trung thực thông tin về quá trình hợp nhất, sáp nhập cho Nhà Đầu Tư;
 - 65.4.2. Quyền lợi, nghĩa vụ được giải quyết theo thỏa thuận giữa các bên có liên quan theo nguyên tắc tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật;
 - 65.4.3. Thanh toán các khoản nợ của Quý cho chủ nợ theo yêu cầu của chủ nợ. Việc thanh toán phải hoàn tất chậm nhất tại ngày Giấy chứng nhận đăng ký lập Quý của Quý hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực đối với các chủ nợ yêu cầu Quý thanh toán theo đúng quy định tại khoản 2 Điều này.
- 65.5. Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập là ngày các Đại hội Nhà Đầu Tư thông qua quyết định hợp nhất, sáp nhập. Kể từ ngày UBCKNN ra Quyết định hợp nhất, sáp nhập, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm:
 - 65.5.1. Tiếp nhận bàn giao toàn bộ sổ sách, chứng từ, danh mục chứng khoán và các tài sản khác kèm các tài liệu khác có liên quan tới Quý bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - 65.5.2. Bảo đảm Quý hợp nhất, sáp nhập tiếp nhận, kế thừa toàn bộ các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các nghĩa vụ tài chính, các khoản nợ, gồm cả nợ thuế, nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; tiếp tục thực hiện các hợp đồng kinh tế của các Quý bị hợp nhất, bị sáp nhập;

- 65.5.3. Hoàn tất thủ tục đăng ký sở hữu cho Quỹ hợp nhất, sáp nhập các tài sản tiếp nhận từ các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập theo quy định pháp luật có liên quan;
- 65.5.4. Đại diện cho Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập thực hiện các nghĩa vụ của Quỹ theo quy định của pháp luật có liên quan.
- 65.6. Tùy thuộc vào điều khoản hợp đồng hợp nhất, sáp nhập, phương án hợp nhất, sáp nhập, Quỹ có thể chuyển đổi chứng chỉ Quỹ kết hợp thanh toán bằng tiền. Giá trị khoản thanh toán bằng tiền cho một chứng chỉ Quỹ không vượt quá 10% giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ tính tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập.
- 65.7. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày hợp nhất, sáp nhập, Công Ty Quản Lý Quỹ công bố thông tin về việc hợp nhất, sáp nhập. Nội dung công bố thông tin bao gồm:
 - 65.7.1. Ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;
 - 65.7.2. Nguyên tắc xác định giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập; tỷ lệ chuyển đổi chứng chỉ Quỹ; tỷ lệ thanh toán bằng tiền trên một chứng chỉ Quỹ (nếu có).
- 65.8. Kể từ thời điểm Giấy chứng nhận đăng ký lập Quỹ của Quỹ hình thành sau hợp nhất, sáp nhập có hiệu lực:
 - 65.8.1. Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập chấm dứt tồn tại, đồng thời Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập kế thừa toàn bộ tài sản, nợ, quyền, lợi ích hợp pháp và các nghĩa vụ khác của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập;
 - 65.8.2. Nhà Đầu Tư của các Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập được nhận tài sản dưới dạng chứng chỉ của Quỹ hợp nhất, nhận sáp nhập theo tỷ lệ chuyển đổi xác định tại ngày hợp nhất, ngày sáp nhập;
 - 65.8.3. Chứng chỉ Quỹ bị hợp nhất, bị sáp nhập bị hủy.

Điều 66. Giải thể Quỹ

- 66.1. Việc thanh lý, giải thể Quỹ được tiến hành trong các trường hợp sau đây:
 - 66.1.1. Công Ty Quản Lý Quỹ bị giải thể, phá sản, bị thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động mà Đại Hội Nhà Đầu Tư không thể chỉ định một công ty quản lý khác trong vòng 02 tháng kể từ ngày phát sinh một trong các sự kiện trên.
 - 66.1.2. Ngân Hàng Giám Sát bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán, bị giải thể, phá sản hoặc hợp đồng giám sát giữa Ngân Hàng Giám Sát và Công Ty Quản Lý bị chấm dứt mà Công Ty Quản Lý Quỹ Đầu Tư không xác lập được ngân hàng giám sát thay thế trong thời hạn 02 tháng kể từ ngày phát sinh sự kiện.
 - 66.1.3. Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ xuống dưới 10 tỷ đồng liên tục trong 06 tháng.
 - 66.1.4. Quỹ bị hủy niêm yết.
 - 66.1.5. Đại Hội Nhà Đầu Tư thống nhất ngày giải thể Quỹ.
 - 66.1.6. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật (nếu có).
- 66.2. Đại Hội Nhà Đầu Tư thống nhất ngày giải thể Quỹ. Kể từ ngày giải thể Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát không được:
 - 66.2.1. Thực hiện các hoạt động đầu tư, giao dịch mua các tài sản cho Quỹ.
 - 66.2.2. Chuyển các khoản nợ không có bảo đảm thành các khoản nợ có bảo đảm bằng tài sản của Quỹ.
 - 66.2.3. Tặng, cho tài sản của Quỹ cho tổ chức, cá nhân khác.
 - 66.2.4. Thanh toán hợp đồng trong đó giá trị phần nghĩa vụ của quỹ lớn hơn giá trị phần nghĩa vụ của bên kia hoặc thanh toán nợ cho các chủ nợ đồng thời là bên nợ của Quỹ mà không thực hiện bù trừ.
 - 66.2.5. Thực hiện các giao dịch khác với mục đích tẩu tán tài sản của Quỹ.
- 66.3. Tài sản của Quỹ đang giải thể bao gồm:

- 66.3.1. Tài sản và quyền về tài sản mà quỹ có tại thời điểm quỹ buộc phải giải thể.
- 66.3.2. Các khoản lợi nhuận, các tài sản và các quyền về tài sản mà quỹ sẽ có do việc thực hiện các giao dịch được xác lập trước thời điểm Quỹ buộc phải giải thể.
- 66.3.3. Tài sản là vật bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của Quỹ. Trường hợp thanh toán tài sản là vật bảo đảm được trả cho các chủ nợ có bảo đảm, nếu giá trị của vật bảo đảm vượt quá khoản nợ có bảo đảm phải thanh toán thì phần vượt quá đó là tài sản của quỹ.
- 66.4. Đại Hội Nhà Đầu Tư chỉ định một Công Ty Kiểm Toán hoặc duy trì Ban Đại Diện Quỹ đương nhiệm để thực hiện kiểm tra, đánh giá, giám sát quá trình thanh lý và phân phối tài sản Quỹ.
- 66.5. Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc Ngân Hàng Giám Sát chịu trách nhiệm thực hiện việc thanh lý, phân chia tài sản cho Nhà Đầu Tư theo phương án đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.
- 66.6. Thời hạn thanh lý tài sản, phân chia tài sản cho Nhà Đầu Tư thực hiện theo phương án giải thể nhưng không quá 02 năm kể từ ngày giải thể Quỹ. Quá hạn nêu trên, Công Ty Quản Lý Quỹ Ngân Hàng Giám Sát thực hiện hoàn trả danh mục cho Nhà Đầu Tư theo quy định Điều này.
- 66.7. Trong thời gian Quỹ đang thanh lý tài sản để giải thể, các chi phí hoạt động của Quỹ sẽ được thu theo biểu giá dịch vụ đã được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua.
- 66.8. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát khi thực hiện thanh lý tài sản của Quỹ phải bảo đảm:
- 66.8.1. Đối với chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải thực hiện thông qua hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 66.8.2. Đối với tài sản không phải là chứng khoán niêm yết, đăng ký giao dịch phải được sự chấp thuận của tổ chức kiểm toán độc lập hoặc Ban đại diện quỹ theo quy định tại Điều 66.4.
- 66.9. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát hoàn trả danh mục của Quỹ cho Nhà Đầu Tư tương ứng với tỷ lệ sở hữu của Nhà Đầu Tư. Việc hoàn trả danh mục cho Nhà Đầu Tư phải đảm bảo nguyên tắc:
- 66.9.1. Quỹ đảm bảo thanh toán các nghĩa vụ theo quy định và thứ tự tại điểm a, b khoản 4 Điều 104 Luật Chứng khoán.
- 66.9.2. Danh mục hoàn trả cho Nhà Đầu Tư phải đầy đủ các loại tài sản, cơ cấu theo danh mục của Quỹ;
- 66.9.3. Trong trường hợp là chứng khoán đăng ký, lưu ký tập trung, việc chuyển giao tài sản cho Nhà Đầu Tư được Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân hàng Giám Sát thực hiện theo hướng dẫn của VSDC. Trường hợp là các tài sản phải đăng ký sở hữu khác, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát có trách nhiệm yêu cầu tổ chức tiếp nhận vốn đầu tư, tổ chức phát hành, tổ chức quản lý sổ cổ đông đăng ký sở hữu tài sản cho nhà đầu tư. Việc hoàn trả hoàn tất khi Nhà Đầu Tư đã được đăng ký sở hữu tài sản.
- 66.10. Kết quả thanh lý tài sản của Quỹ phải được xác nhận bởi Ngân Hàng Giám Sát, Công Ty Quản Lý Quỹ và thông qua bởi Công Ty Kiểm Toán hoặc Ban Đại Diện Quỹ (nếu có) thực hiện việc giám sát quá trình thanh lý tài sản.
- 66.11. Kể từ ngày giải thể cho đến khi hoàn tất giải thể Quỹ, định kỳ hàng tháng, Công Ty Quản Lý Quỹ phải báo cáo UBCKNN và cung cấp cho Nhà Đầu Tư về Giá Trị Tài Sản Ròng, báo cáo về tài sản và danh mục đầu tư của Quỹ theo quy định pháp luật.
- 66.12. Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các tổ chức, cá nhân có liên quan phải chịu trách nhiệm về tính chính xác, trung thực và đầy đủ của hồ sơ báo cáo kết quả giải thể. Trường hợp hồ sơ báo cáo kết quả giải thể không chính xác hoặc có tài liệu giả mạo, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát, các tổ chức, cá nhân có liên quan phải liên đới chịu trách nhiệm thanh toán số nợ chưa thanh toán và chịu trách nhiệm cá nhân trước pháp luật về những hệ quả phát sinh trong thời hạn 05 năm kể từ ngày báo cáo kết quả giải thể đến UBCKNN.

Chương XV: GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH

Điều 67. Kiểm soát xung đột lợi ích giữa Quý và các quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công Ty Quản Lý Quỹ và giữa Quý và Công Ty Quản Lý Quỹ

- 67.1. Công Ty Quản Lý Quỹ phải:
 - 67.1.1. Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
 - 67.1.2. Tách biệt tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ với tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công Ty Quản Lý Quỹ quản lý.
- 67.2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng thành viên, thành viên Ban điều hành, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công Ty Quản Lý Quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều Lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.
- 67.3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công Ty Quản Lý Quỹ.

Chương XVI: CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ

Điều 68. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho Nhà Đầu Tư

- 68.1. Việc công bố thông tin liên quan đến hoạt động của Quý sẽ được Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
- 68.2. Thông báo triệu tập phiên họp Ban Đại Diện Quỹ được xem là truyền đạt đến mỗi thành viên Ban Đại Diện Quỹ nếu được thông báo trực tiếp cho thành viên Ban Đại Diện Quỹ hoặc được thư điện tử đến địa chỉ do thành viên Ban Đại Diện Quỹ đã thông báo cho Quý.
- 68.3. Hoạt động công bố thông tin liên quan tới việc huy động vốn lập Quỹ, hoạt động đầu tư của Quý và các hoạt động khác có liên quan tới Quý được Công Ty Quản Lý Quỹ thực hiện thông qua một trong các phương tiện thông tin đại chúng dưới đây.
 - 68.3.1. Trên các ấn phẩm, trang thông tin điện tử của Công Ty Quản Lý Quỹ, Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi Chứng Chỉ Quý niêm yết, Thành Viên Lập Quỹ;
 - 68.3.2. Trên một tờ báo điện tử hoặc báo viết.
- 68.4. Thư triệu tập, thông báo, mệnh lệnh, hoặc tài liệu cần gửi cho Quý hoặc người điều hành của Quý có thể gửi bằng cách giao thẳng hoặc gửi qua bưu điện đến địa chỉ của văn phòng do Quý đã đăng ký, trong một phong bì có dán tem ghi tên Quý hay người điều hành Quý nhận.

Điều 69. Sửa đổi, bổ sung Điều Lệ

- 69.1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ này phải được Đại Hội Nhà Đầu Tư quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều Lệ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- 69.2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Quý chưa được đề cập trong bản Điều Lệ hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều Lệ thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Quý.

Điều 70. Đăng ký Điều Lệ Quỹ và Điều khoản thi hành

- 70.1. Bản Điều Lệ lần đầu bao gồm 16 Chương, 70 Điều được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua ngày 06 tháng 11 năm 2021 và cũng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều Lệ.

Bản Điều Lệ sửa đổi, bổ sung lần thứ nhất bao gồm 16 Chương, 70 Điều và 03 Phụ Lục được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư bất thường lần 1 năm 2024 của Quý ngày 20 tháng 02 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 02 năm 2024.

Bản Điều Lệ này là Điều Lệ được sửa đổi, bổ sung lần thứ hai bao gồm 16 Chương, 70 Điều và 03 Phụ Lục được Đại Hội Nhà Đầu Tư thông qua theo Nghị quyết Đại Hội Nhà Đầu Tư Thường Niên Năm Tài Chính 2023 của Quý ngày 26 tháng 4 năm 2024

và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 4 năm 2024. Ban Đại Diện Quỹ, Công Ty Quản Lý Quỹ, Ngân Hàng Giám Sát và các bên liên quan có nghĩa vụ tuân thủ Điều Lệ Quỹ này.

Các bản trích hay sao y của bản Điều Lệ này do Quỹ cấp phải có chữ ký của Chủ tịch Ban Đại Diện Quỹ hoặc người đại diện được ủy quyền của Công Ty Quản Lý Quỹ thì mới có giá trị.

- 70.2. Điều Lệ được lập thành 5 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, trong đó:
- 70.2.1. 02 bản đăng ký tại các cơ quan nhà nước theo luật định;
 - 70.2.2. 01 bản lưu tại trụ sở chính của Công Ty Quản Lý Quỹ;
 - 70.2.3. 01 bản lưu tại văn phòng của Quỹ;
 - 70.2.4. 01 bản lưu tại trụ sở chính của Ngân Hàng Giám Sát.
- 70.3. Quỹ được chính thức thành lập sau khi UBCKNN cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập quỹ cho Quỹ. Công Ty Quản Lý Quỹ chịu trách nhiệm hoàn tất mọi thủ tục thành lập Quỹ theo quy định pháp luật Việt Nam.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 4 năm 2024



VU TRẦN VINH THUY
Chủ tịch Ban Đại diện Quỹ

Đính kèm cùng Điều lệ các Phụ Lục sau:

Phụ lục 1: Cam kết của Công Ty Quản Lý Quỹ

Phụ lục 2: Cam kết của ngân hàng giám sát

Phụ lục 3: Cam kết chung của Công Ty Quản Lý Quỹ và ngân hàng giám sát

Phụ lục 1

CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Tên Công ty: **CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM**
Giấy phép thành lập và hoạt động số: 59/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 01/10/2020
(và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1807-1808 Tầng 18, Tòa nhà mPlaza
Saigon, 39 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1,
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 028 3824 2220

Công Ty Quản Lý Quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quý:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều Lệ quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.
2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quý, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà Đầu Tư.
3. Đảm bảo Quý đại chúng luôn có một Ngân Hàng Giám Sát vào mọi thời điểm.
4. Trả cho Ngân Hàng Giám Sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều Lệ quỹ.
5. Định kỳ cung cấp cho Ngân Hàng Giám Sát các thông tin sau:
 - a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của Quý, sổ đăng ký Nhà Đầu Tư và số lượng Chứng Chỉ Quỹ mà Nhà Đầu Tư nắm giữ;
 - b. Các báo cáo liên quan đến Quý hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quý;
 - c. Bản đánh giá Giá Trị Tài Sản Ròng của Quý, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Đơn Vị Quỹ, Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Lô Chứng Chỉ Quỹ;
 - d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.
6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều Lệ Quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan đến Công Ty Quản Lý Quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.
8. Không sử dụng vị thế của Công Ty Quản Lý Quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quý một cách trung thực, chính xác và kịp thời.
10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm và các báo cáo khác của Quý cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ Hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hàng năm của Ngân Hàng Giám Sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của Công Ty Quản Lý Quỹ cho các Nhà Đầu Tư theo yêu cầu.
12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc người đại diện Công Ty Quản Lý Quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi Nhà Đầu Tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho Nhà Đầu Tư.
13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quý có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.
14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của Quý giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát không thống nhất.
15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại Hội Nhà Đầu Tư quỹ theo quy định của pháp luật.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN
CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Yun Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Phụ lục 2

CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên Ngân Hàng Giám Sát:	NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
Giấy phép thành lập và hoạt động số:	106/GP-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 17/12/2019 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:	0100112437 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16/01/2019
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số:	14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003
Giấy chứng nhận thành viên lưu ký số	18/GCNTVLK do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006
Địa chỉ trụ sở chính:	198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại:	024 3934 3137

Ngân Hàng Giám Sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát.
2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một Công Ty Quản Lý Quỹ tại mọi thời điểm.
3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng Ngân Hàng Giám Sát đối với Quỹ.
4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các Nhà Đầu Tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của Quỹ với Công Ty Quản Lý Quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa Công Ty Quản Lý Quỹ và Ngân Hàng Giám Sát.
5. Tách biệt tài sản của Quỹ khỏi tài sản của Ngân Hàng Giám Sát, tài sản của Công Ty Quản Lý Quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của Ngân Hàng Giám Sát
6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản Quỹ, việc xác định Giá Trị Tài Sản Ròng của Quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ, xác định Giá Trị Tài Sản Ròng Trên Một Lô Chứng Chỉ Quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều Lệ quỹ.
7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để Công Ty Quản Lý Quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho Công Ty Quản Lý Quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các Nhà Đầu Tư.
8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu) ✕



Võ Trí Thanh

Trưởng Trung Tâm Dịch Vụ Khách Hàng

Phụ lục 3

CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Tên Công ty: **CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ KIM VIỆT NAM**
Giấy phép thành lập và hoạt động số: 59/UBCK-GP do UBCKNN cấp ngày 01/10/2020 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 1807-1808 Tầng 18, Tòa nhà mPlaza Saigon, 39 Lê Duẩn, phường Bến Nghé, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: 028 3824 2220
--Và--

Tên Ngân Hàng Giám Sát: **NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**
Giấy phép thành lập và hoạt động số: 106/GP-NHNN do Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp ngày 17/12/2019 (và các bản sửa đổi, bổ sung vào từng thời điểm)
Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0100112437 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hà Nội đăng ký lần đầu ngày 02/06/2008; đăng ký thay đổi lần thứ 13 ngày 16/01/2019
Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số: 14/GPHĐLK do Ủy Ban Chứng khoán Nhà Nước cấp ngày 02/05/2003
Giấy Chứng Nhận Thành Viên Lưu Ký số: 18/GCNTVLK do Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam cấp ngày 07/07/2006
Địa chỉ trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 024 3934 3137

Theo đây cam kết thực hiện các nghĩa vụ sau đây:

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các Nhà Đầu Tư.
2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ Quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.
3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.
4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều Lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.



Yun Hang Jin
Chủ tịch Hội đồng thành viên

Huỳnh Tuấn Khánh
Tổng Giám đốc



Võ Tri Thanh
Trưởng Trung Tâm Dịch Vụ Khách Hàng